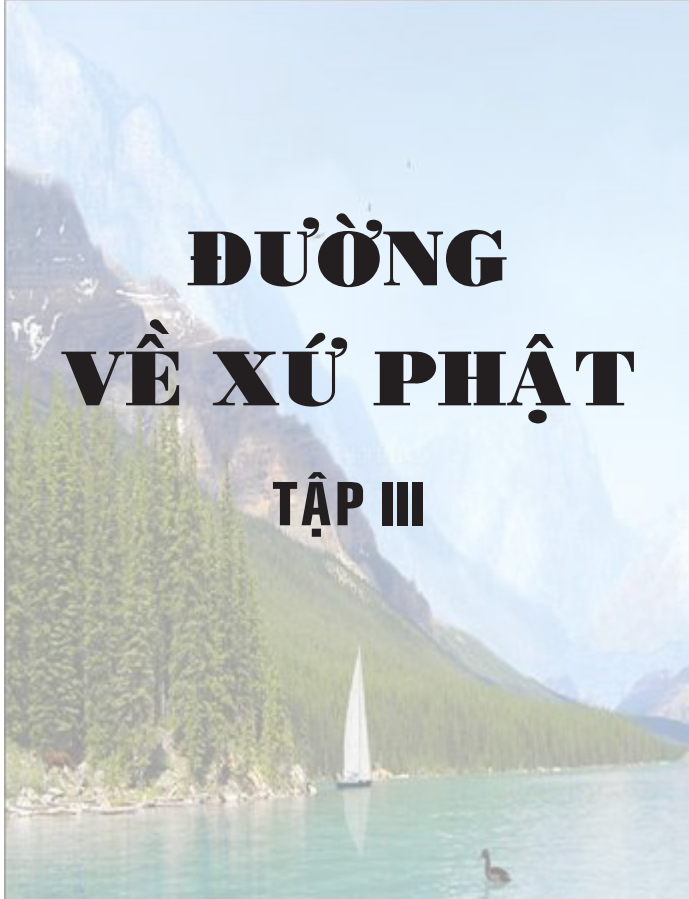


ĐƯỜNG VỀ XỨ PHẬT
TẬP III

Trưởng Lão THÍCH THÔNG LẠC



**ĐƯỜNG
VỀ XỨ PHẬT
TẬP III**

PL: 2544 - DL: 2001

GIỚI LUẬT



Giới luật như chiếc chìa khóa để mở cửa thiên định, Người tu sĩ không giữ gìn giới luật thì không bao giờ bước vào cửa thiên định được. Thiên định của Phật Giáo chỉ giành cho những người giới luật nghiêm chỉnh.

GIÁO ÁN TU TẬP ĐƯỜNG LỐI ĐẠO PHẬT

(Theo đúng lộ trình Giới, Định, Tuệ)



HỎI ĐẠO

Lời nói đầu

Đường Về Xứ Phật tập 3 ra đời sẽ chỉ thẳng cho quý vị biết rất rõ về thế giới siêu hình mà từ xưa cho đến ngày nay, con người trên hành tinh này từ Đông sang Tây, từ Nam chí Bắc và tất cả các tôn giáo khác có mặt trên hành tinh này, ngoại trừ Phật Giáo ra, đều chấp nhận có thế giới siêu hình. Thế giới siêu hình có thật hay không? Xin thưa quý bạn hãy đọc Đường Về Xứ Phật thì sẽ rõ.

Về vấn đề giải quyết thế giới siêu hình là một vấn đề nan giải của loài người, vì từ xưa cho đến ngày nay, nhất là khoa học hiện đại đang truy tìm để xác chứng có hay là không có, nhưng các nhà khoa học hiện giờ đều điên đầu với những hiện tượng siêu hình mà không thể chứng minh bằng khoa học được.

Chúng tôi là những hành giả của Đạo Phật, lấy giới luật và giáo pháp của Đức Phật làm hành trang và vũ khí để tiến bước vào tâm linh của mình, nói cách khác cho dễ hiểu hơn là chúng tôi dùng giới luật và giáo pháp của Đức Phật điều khiển và khai mở thân ngũ uẩn. Khai mở thân ngũ uẩn tức là khai mở bộ óc của con người, khai mở bộ óc của con người tức là khám phá thế giới linh hồn của người chết.

Thưa quý vị, thân ngũ uẩn là bộ máy rất tinh vi mà tất cả các nhà khoa học trên thế giới đều phải chấp nhận. Vì khoa học chưa có thể sáng tạo ra con người thật con người được, nhất là về phần tâm linh.

Khoa học hiện đại đã phát minh ra bộ máy vi tính tuyệt vời làm việc đa năng, nhưng sánh với bộ máy thân ngũ uẩn của

con người thì nó còn kém quá xa, vì máy vi tính không có phần tình cảm thương, yêu, ghét, giận, hờn, phiền não, khổ đau v.v..... Nếu khoa học chịu khó không ngừng tiến triển thì chắc chắn bộ máy vi tính sẽ thay thế não bộ của con người để khám phá bộ não của con người, thì chừng đó thế giới linh hồn của người chết mới chứng được sự thật là không có.

Ngày xưa ông Galilé bảo rằng quả đất tròn, thì Giáo Hội La Mã cho rằng ông nói sai, vì Thiên Chúa bảo rằng quả đất vuông, cho nên ông bị kết tội tử hình. Ngày nay khoa học đã xác minh đúng là quả đất tròn thì mọi người ai cũng đều thương tiếc ông.

Cách đây 2545 năm, có một người Ấn Độ tên là Sĩ Đạt Ta (Đức Phật) bảo rằng thế giới siêu hình không có, nó chỉ là một thế giới tưởng mà thôi. Cho đến ngày nay người ta cũng vẫn không tin lời nói này.

Khi Đức Phật tu tập xong và cảm nhận bộ máy thân ngữ uẩn thật là vi diệu và tuyệt vời, Ngài đã điều khiển nó bắt gặp các tần số âm thanh, sắc tướng và tất cả những hành động của những sự việc đã qua của những người chết còn lưu lại trong

không gian. Bất kỳ thời gian quá khứ nào Ngài cũng bắt gặp lại được dễ dàng, những danh từ trong thời Ngài được gọi, đó là «Túc Mạng Minh.

Những hình ảnh, âm thanh và những hành động đã qua của con người còn giữ lại trong không gian này bất kỳ nơi đâu, khi điều khiển thân ngũ uẩn, nó đều bắt gặp các tần số hình ảnh và âm thanh một cách dễ dàng, danh từ trong thời Đức Phật gọi đó là «Thiên Nhân Minh.

Khi Đức Phật tu xong, Ngài truy tìm con người từ đâu sanh ra? Với chiếc máy thân ngũ uẩn Ngài đã điều khiển và tìm thấy được nguyên nhân sanh ra con người đó là «nghiệp lực nhân quả mà danh từ trong thời Đức Phật gọi là «Lậu Tận Minh.

Sau khi chúng đạo xong Ngài dùng bộ máy thân ngũ uẩn truy tìm linh hồn con người tái sanh nơi đâu? Nhưng Ngài không bắt gặp linh hồn mà lại bắt gặp nghiệp lực nhân quả tái sanh luân hồi. Do đó trong bài kinh Pháp Môn Căn Bản Ngài cả quyết xác định thế giới siêu hình và hữu hình không có thật, chỉ là tướng tri của con người dựng lên. Do sự dựng lên và chấp chặt mà loài

người phải chịu khổ đau từ đời này sang đời khác. Do sự dựng lên và chập chịt con người đã đánh mất đạo đức làm người, biến dần họ trở thành những ác thú và còn hơn thế nữa họ là những ác quỷ.

Vì thế Đức Phật nói sáu cõi luân hồi tức là nói sáu đẳng cấp sống của muôn loài vạn vật trên hành tinh này trong đó có con người, vì con người được xem như một loài động vật.

Nói đến cõi Trời tức là nói đến hành động thiện của con người, chứ không phải nói đến thế giới siêu hình, vì thế Đức Phật nói: «Ta đến cõi Phạm Thiên như đuổi cánh tay. Lời nói này chúng ta phải hiểu đó là một trạng thái, một từ trường thiện hay ác, dục hay vô dục.

Bởi vậy Niết Bàn là một chân lý có thật, vì thế trong Tứ Thánh Đế, Diệt Đế là Niết Bàn, Niết Bàn là một trạng thái tâm diệt dục, chứ không có cõi giới Niết Bàn như các nhà Đại Thừa tưởng, vẽ ra và dựng lên nhiều cõi như: Nhị chủng Niết Bàn, Tứ Chủng Niết Bàn, Ngũ chủng Niết Bàn v.v.....

Nhị Chứng Niết Bàn gồm có:

1/ Hữu dư niết bàn

2/ Vô dư niết bàn

Tứ Chứng Niết Bàn gồm có:

1/ Bản lai tự tính thanh tịnh niết bàn

2/ Hữu dư y niết bàn

3/ Vô dư y niết bàn

4/ Vô trụ xứ niết bàn

Ngũ Chứng Niết Bàn gồm có:

1/ Cõi dục giới là nơi chứng quả mà mền mộ là niết bàn phàm phu thứ nhất.

2/ Mền mộ tính vô ái của Sơ Thiên là niết bàn phàm phu thứ hai.

3/ Mền mộ tâm vô khổ Nhị Thiên là niết bàn phàm phu thứ ba

4/ Mền mộ sự cực duyệt của Tam Thiên là niết bàn phàm phu thứ tư

5/ Mền mộ sự khổ lạc đều quên của Tứ Thiên là niết bàn phàm phu thứ năm.

Bởi vậy mùi vị giải thoát chỉ có một,

chứ không hai, nó cũng giống như nước biển chỉ duy nhất có một mùi vị mặn mà thôi nhưng các Tổ sau này bày vẽ và chia chẻ niết bàn ra nhiều loại để lừa đảo mọi người rằng mình cũng chứng trong những niết bàn.

Làm sao bốn trạng thái Bốn Thiên là bốn niết bàn được, trong khi kinh sách Phật đã xác định rõ ràng: «Bốn trạng thái Tứ Thánh Định là bốn trạng thái cõi Trời như:

1/ Sơ Thiên Thiên

2/ Nhị Thiên Thiên

3/ Tam Thiên Thiên

4/ Tứ Thiên Thiên

Thật sự các nhà học giả Đại Thừa có nhiều ý thâm độc ác để đánh lừa Phật tử bằng nhiều cảnh giới niết bàn để biến dần trạng thái niết bàn thành cõi giới siêu hình niết bàn.

Trong kinh Duy Ma Cật khi Thiên nữ rải hoa tán thán pháp môn bất nhị thì hàng Bồ Tát như: Ngài Văn Thù, Phổ Hiền, Thế Chí, Quan Âm thì hoa không dính còn ngược lại hàng Thanh Văn như: Ngài Xá

Lợi Phát, Mục Kiền Liên, Phú Lô Na, Ca Chiên Diên, A Na Luật đều bị hoa dính đầy áo, đó là một việc làm của các Tổ soạn viết kinh sách Đại Thừa với thâm ý hạ bệ các vị đại đệ tử của Đức Phật, để làm sống lại thế giới siêu hình mà đã bị Đức Phật bóp chết từ khi Đạo Phật có mặt trên hành tinh này.

Các vị đại đệ tử của Phật là một chứng cứ trạng thái niết bàn hiện tại trong cuộc sống hằng ngày và đến khi nhập diệt trạng thái đó vẫn không sai khác.

Vì có một chứng cứ cụ thể như vậy cho nên thế giới siêu hình bị diệt mất, thế giới siêu hình bị diệt mất thì các tôn giáo trên hành tinh này không còn đất đứng, có nghĩa là không còn lừa đảo ai được nữa.

Hiểu biết rất rõ điều này nên các giáo sĩ Bà La Môn «thừa nước đục thả câu tức là thừa lúc Phật Giáo không có người tu chứng, nên soạn viết kinh sách lồng vào giáo pháp của Phật để biến tu sĩ Phật Giáo thành các tu sĩ Bà La Môn mà không hay biết, các tu sĩ này cứ ngỡ tưởng mình là tu sĩ Phật Giáo. Chúng tôi nói đến đây quý vị cứ suy ngẫm có đúng vậy không? Nếu đúng thì quý vị tin, còn không thì quý vị xem như đây là chúng

tôi chưa từng nói những lời này.

Người ta hạ bệ các vị đại đệ tử của Đức Phật bằng nhiều cách, trên đây là một cách trong kinh Duy Ma Cật và các kinh khác còn rất nhiều.

Như quý vị đã biết giới luật của Phật là dạy sống trong những hành động đạo đức làm Người, làm Thánh. Ánh sáng đạo đức của Phật Giáo như ánh hào quang khiến cho người đời đều tôn kính và quý trọng.

Vì thế Đức Phật dạy: «Này các Tỳ kheo, nếu các Thầy giữ gìn giới luật nghiêm túc thì hàng cư sĩ Phật tử sẽ trải tóc cho các thầy đi trên độ. Thời nào cũng vậy con người ai cũng quý trọng và tôn kính đạo đức, chỉ có những tu sĩ phạm giới, phá giới sống bừa bãi, ăn uống ngủ nghỉ phi thời, thường có những hành động vô đạo đức, nên mới lý luận phá giới luật của Phật, nhất là dựa vào những lời thêm bớt của các Tổ trong kinh sách, lấy cớ là Phật thuyết để mặc tình theo đó sống phóng dật chạy theo dục, thọ hưởng lạc thế gian mà các nhà học giả gọi đó là hợp thời.

Giới luật của Phật khiến cho hàng

bạch y (cư sĩ) quá kính trọng. Vì thế, các giáo sĩ Bà La Môn ganh tỵ, muốn diệt giới luật của Phật, nên khi Đức Phật tịch thì họ lồng thêm vào những lời di chúc của Đức Phật bằng câu kinh rất phi lý: “Này Ananda từ nay trở đi cho phép các Tỳ kheo tùy nghi bỏ các giới nhỏ nhất». Lời dạy này thật là phi lý, giới luật của Phật là những hành động đạo đức giải thoát cho mình cho người, thì có giới luật nhỏ nhất nào phải bỏ, chỉ có những tu sĩ phóng dật chạy theo dục lạc thế gian tham ăn tham ngủ mới dựa vào những lời di chúc giả mạo của Bà La Môn mà ngang nhiên sống phạm giới phá giới luật.

Người tu sĩ cũng như cư sĩ đệ tử của Phật sống mà không giới luật hay nói cách khác là khi thọ giới luật mà luôn lúc nào cũng sống phạm giới, phá giới thì làm đệ tử của Phật làm gì? Thà là đừng quy y Tam Bảo, đừng xuất gia, đã quy y Tam Bảo và xuất gia mà giới luật vi phạm thì thử hỏi quý vị còn tu pháp môn gì của Đạo Phật mà gọi là đạo Phật?

Như Đức Phật đã dạy: «Giới luật là trí tuệ, trí tuệ là giới luật đó là Đức Phật nói

đạo đức không làm khổ mình khổ người. Ngài dạy tiếp;«Ta nói giới luật là nói tâm ly dục ly ác pháp, Ta nói tâm ly dục ly ác pháp,đó là Ta nói thiền định. cho nên Ta nói giới luật là nói tâm không phóng dật, Ta nói tâm không phóng dật đó là Ta nói niết bàn. Do đó trước giờ phút lâm chung Đức Phật di chúc:«Ta thành Chánh giác là nhờ tâm không phóng dật.Như vậy Đức Phật thành đạo không phải là do giới luật hay sao? Vậy mà tu theo Đạo Phật giới luật không nghiêm túc thì tu theo để làm gì? Có ích lợi gì? Có giải thoát gì đâu?

Giới luật là một pháp môn sống đúng, tu tập đúng là con người có đạo đức, có trí tuệ, có thiền định và có sự giải thoát ngay liền như những lời trên Đức Phật đã xác định.

Nhìn lại sự tu tập của quý vị, quý vị có thấy mình tu hành đúng hay không? Đúng sao quý vị không nắm được mùi giải thoát? Mùi vị giải thoát của Đạo Phật như thế nào?

Sống không làm khổ mình khổ người là giải thoát; sống ly dục ly ác pháp là giải thoát; sống tâm không phóng dật là giải thoát. Những sự giải thoát trên đây không

phải do giới luật mà có hay sao?

Thế mà thời nay người ta tu hành chỉ biết Thiên, Mật, Tịnh mà không biết giới luật thì tu hành như vậy không thể nào đúng Đạo Phật được. Người tu hành có giới luật là người có đạo đức, người có đạo đức thì không chấp nhận thế giới siêu hình vì thế giới siêu hình là thế giới phi đạo đức. Nếu tất cả tin đồ của Phật Giáo đều sống đúng đạo đức thì có cần gì phải cầu khẩn, phải cúng tế những ông Thần, ông Thánh tưởng tượng đó.

Người đệ tử của Phật sống đúng giới luật thì còn ai lừa đảo họ được, vì giới luật là trí tuệ «Giới luật ở đâu trí tuệ ở đó, chỉ vì tín đồ Phật Giáo sống không đúng giới luật, do sống không đúng giới luật nên ngu si không trí tuệ, mê muội bị ngoại đạo lừa đảo. Đến giờ này họ còn chưa thức tỉnh, chưa biết đâu là nẻo chánh nẻo tà, luôn luôn không thấy Thầy Tổ của họ sống không đúng giới luật, sống không trí tuệ, đang sống trong cảnh giới mơ hồ ảo tưởng (bùa chú thần thông, Phật tánh ảo tưởng, cực lạc thiên đường mơ hồ).

Tập 3 Đường Về Xứ Phật Thầy sẽ có

gắng làm sáng tỏ để mọi người hiểu biết rằng thế giới siêu hình không có, tuy rằng Thầy đã nhiều lần giải thích, nhưng có một số người quá cố chấp (kiến chấp theo kiểu tà kiến Đại Thừa) theo ngôn ngữ kinh sách phát triển mà không hiểu ý Phật.

Những gì chúng tôi nói ở đây là một sự cố gắng làm sáng tỏ mọi vấn đề để đem lại sự lợi ích và giúp cho mọi người thoát khổ, sống một đời sống đạo đức không làm khổ mình khổ người, Đạo Phật đến với mọi người là như thế, một sự an vui hạnh phúc thực tế và cụ thể không có mơ hồ, trừu tượng, ảo giác chút nào cả.

Bước thứ nhất chúng ta đã đạt được, thì bước thứ hai đâu có khó khăn gì. Đức Phật đã nói: Khi tâm bình tĩnh, nhu nhuyễn dễ sử dụng thì nhập định không có khó khăn, không mệt nhọc, không có phí sức.

Ở đây tâm bình tĩnh và nhu nhuyễn như thế nào? Tâm bình tĩnh, nhu nhuyễn là tâm ly dục ly ác pháp, tâm ly dục ly ác pháp là tâm sống đúng giới luật nghiêm túc, không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào cả. Nhờ giới luật nghiêm túc không phạm nên nhập định không có khó khăn không

có mệt nhọc, không có phí sức, chứ không như các pháp khác, tu tập thiền định mãi mà chẳng nhập được thiền định gì cả chỉ rơi vào trạng thái tưởng mà thôi. Cuối cùng thì chẳng có làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi được.

Nếu cuộc đời tu hành mà sống không đúng giới luật thì đừng đi tu, dù đi tu cũng chẳng ích lợi gì, chỉ phí uổng một đời mà thôi.

Đi tu mà phá giới phạm giới, bẻ vụn giới là những người diệt Phật Giáo, phá nền đạo đức của Phật Giáo, những người có tội lớn với nhân loại. Ngày mai lịch sử sẽ ghi và kết án những người phá hoại nền đạo đức này. Những người ấy không ai xa lạ, đó là những nhà tu sĩ Đại Thừa và Thiền Đông Độ.

Những gì trong tập sách này chúng tôi đã nói ra có gì còn sơ sót không vừa ý xin quý vị vui lòng suy ngẫm lại và sẵn lòng bỏ qua cho, chúng tôi rất biết ơn.

Kính ghi

Tu Viện Chơn Như

(Ngày 20 tháng 3 năm 2001)

Chương I

HUỆ ÂN HỎI ĐẠO**PHÁP HƯỚNG TÂM**

Hỏi: Kính thưa Thầy, theo lời cô Út Diệu Quang đã dạy con, phải dùng pháp hướng tịnh chỉ thân bệnh, con đã nghe lời và tin ở cô. Khi đau nhức bất cứ chỗ nào trong thân con đều hướng tâm ám thị một hai lần làm con đau giảm thấy rõ ràng và hết đau. Con thấy pháp hướng tâm cô Út Diệu Quang dạy rất hay và xin Thầy chỉ dạy thêm cho con được rõ?

Đáp: Pháp môn Phật dạy, pháp nào cũng đều có hiệu quả tốt, nhưng do ở lòng tin và sự siêng năng tập luyện chuyên cần là thấy kết quả, cho nên trong kinh thường dạy: Pháp là cụ thể thiết thực không có thời gian nếu đặt trọn niềm tin ở pháp đó mà nỗ lực tu tập thì có kết quả thấy được ngay

liên. Và kết quả đó là giúp cho ta có niềm tin không lay chuyển, người tu tập không kết quả niềm tin lần lần biến mất, mà hễ lòng tin biến mất thì tâm thối chuyển, tâm thối chuyển thì dễ bị lọt vào tà pháp, dễ bị người khác lừa đảo.

Vì thế trong kinh sách của Đạo Phật, khi bắt đầu thực hành thì Đức Phật thường nhắc nhở tín lực là trên hết. Tín lực là lòng tin mạnh mẽ để người tu sẽ đạt được đạo, người không có lòng tin thì tu chẳng kết quả tốt. Trong Ngũ Lực, tín lực là pháp tu hàng đầu, nếu không đặt trọn niềm tin ở giáo pháp của Phật thì sự tu hành trở thành vô ích chẳng có kết quả gì, có lòng tin thì mới cố gắng tu tập, không có lòng tin thì tu cho có hình thức, chứ không có kết quả nữa.

Ví dụ: Như hiện giờ quý Thầy nương theo Thầy tu hành, trong khi đó tâm quý Thầy khởi nghi về Thầy một điều gì như: «Thầy dạy như vậy không biết Thầy có tu chứng hay không? Sao không thấy Thầy thể hiện thần thông? Sao không thấy Thầy ngồi thiền nhập định một hai tháng cho mình xem, hoặc tịnh chỉ hơi thở để mình tin thiền định đó có đúng như kinh đã dạy

không???

Khi đã có tâm nghi như vậy dù quý Thầy có ở đây tu hành cũng không có kết quả gì. Tại sao vậy?

Tại vì mục đích tu hành của quý thầy không phải cầu giải thoát mà cầu thần thông, cầu thiên định, cầu được sanh về Cực Lạc, Thiên Đàng, Niết Bàn.

Như Đức Phật đã xác định: Mục đích của Đạo Ta không phải chỗ giới luật, không phải chỗ thiên định, không phải chỗ trí tuệ, không phải chỗ thần thông v.v... mà chỗ bất động tâm.

Khi chúng ta tu hành theo Đạo Phật mà không xác định đúng vị trí và mục đích của Đạo Phật thì chúng ta tu tập sẽ rơi vào ngoại đạo. Người ta thường mong muốn một vị Thầy phải thị hiện thần thông phép lạ thì người ta mới tu hành theo, bằng ngược lại người ta bỏ đi. Vì thế Đức Phật đã trả lời cho một vị Tỷ Kheo: ***“Ta có bao giờ bảo người theo Ta tu hành thì Ta thể hiện thần thông cho người xem chẳng? Các người có tu hành thì các người được giải thoát còn không tu hành thì các***

người phải chịu khổ đau, chứ có lợi ích gì cho Ta mà Ta phải dụ dỗ các người bằng thần thông". Lấy thần thông dụ dỗ các người tu hành là dẫn dắt các người đi vào tà đạo. Lấy thần thông dụ dỗ các người tu hành là tạo tâm tham đắm của các người càng to lớn và nhiều hơn, như vậy là đã đi sai đường của Phật Giáo rồi.

Người nào đến với Thầy mà tâm không tha thiết tu tập cầu giải thoát, mà chỉ biết tu tập cầu thần thông thì người ấy sẽ không sống chung với Thầy lâu dài. Tại sao vậy?

Tại vì Thầy đến với Đạo Phật là đến với sự cầu tu tập cho được tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ.

Tại vì Thầy đến với Đạo Phật là cầu tu tập sống được một đời sống không làm khổ mình khổ người, chứ không phải đến với Đạo Phật cầu cơm ăn áo mặc hoặc danh lợi chùa to Phật lớn.

Tại vì Thầy đến với Đạo Phật là cầu tu tập cho được một tâm hồn thanh thản an lạc và vô sự, chứ không phải cầu thiên định, thần thông và trí tuệ siêu việt.

Vì thế lòng tin nơi Đạo Phật là tin nơi

đạo đức nhân bản của Phật, chúng Thánh Tăng và Thánh Ni. Và tin nơi giáo pháp dạy toàn thiện của Đức Phật. Do lòng tin ấy mà sự tu tập của chúng ta có kết quả ngay liền như Huệ Ân con đã trình bày trên.

Quý thầy nghi ngờ vị thầy dạy mình tu tập, thì lòng tin của quý Thầy đã bị đánh mất rồi. Lòng tin mất là tu không có kết quả. Chỉ vì mục đích và hướng tu của quý Thầy nhắm vào thần thông, chứ không phải mục đích và hướng tu vào sự giải thoát, cũng như các cô bên nữ khi còn lòng tin và kính trọng nơi cô Diệu Quang, lúc các cô bị cô Út Diệu Quang đập thì tâm các con dễ buông xả, dễ thanh thản, an lạc hơn, thấy tâm mình giải thoát rõ ràng. Còn khi mất niềm tin và không còn kính trọng cô Út Diệu Quang nữa thì lúc bị cô đập thì các cô và các con dễ bị tức giận và đau khổ, rồi sanh ra thù hận, ghét cay ghét đắng. Vì thế, lấy kinh nghiệm tu hành nơi bản thân của mình thì thấu rõ.

“Lòng tin là quan trọng đệ nhất trên bước đường tu hành”, thiếu lòng tin thì dù pháp có mầu nhiệm cũng thành dở phải không hỡi các con?

Tại sao cũng một pháp môn hướng tâm như lý tác ý, mà có người tu có kết quả tốt, mà lại có người tu không kết quả, đó là như thế nào? Có hai nguyên nhân:

1/ Người nghe pháp môn như lý tác ý mà có lòng tin rất sâu, tin không gì lay chuyển được lòng họ, đó là trường hợp của

Huệ Ân, trường hợp này là vì đời trước cô có tu pháp như lý tác ý rồi nên đã có một thời gian huân nó, bây giờ tu tập trở lại, và vì vậy mà nó có hiệu quả ngay tức thời.

2/ Người nghe pháp môn như lý tác ý, cũng tin mà tin chưa sâu, cũng tập tu, nhưng tập tu lấy lệ, tu tập không có bền chí, không có cố gắng, không có ráng sức, không có quyết chí, không có gan dạ liều sống chết với pháp môn này nên không có hiệu quả. Vả lại kiếp trước không có huân tu, chỉ có hiện tại trong kiếp này mà thôi.

Người tu sĩ muốn ly dục ly ác pháp, để tâm mình được an vui, thanh thản và vô sự, thì phải đặt trọn lòng tin ở người Thiện hữu tri thức thân cận, nếu không đặt trọn niềm tin ấy, người tu sĩ tu hành khó có kết quả. Các con cứ thử nghĩ, nếu không tin

người hướng dẫn mình, mà theo tu hành theo người thì có kết quả gì? Mất công sức và mất thì giờ vô ích.

Người Thiện hữu tri thức thân cận, họ luôn để ý đến mình, biết mình tu sai, tu đúng để chỉ bảo thêm, vì hàng ngày họ tiếp duyên với mình, họ đều có gợi ý thử thách, để xem mình tu đến đâu, mà tìm cách chỉ dạy buông xả cho hết tâm phiền não, đau khổ. Mình không đặt niềm tin ở họ, thì mình tu không giải thoát và phải chịu lấy mọi sự đau khổ, chứ đâu phải mình tu đem lại ích lợi cho họ, Mình tu tập đúng thì có giải thoát mình nhờ, còn tu sai mình phải gánh chịu hậu quả, chứ người hướng dẫn có lợi ích chỗ nào đâu?

Huệ Ân con đã đặt trọn niềm tin ở cô Út nên tu tập có hiệu quả rất cụ thể. Con cũng có nhân duyên với cô Út, ngay từ khi cô Út dạy đâu con tu đó, đó là do lòng tin chân thật không còn nghi ngờ. Cũng như gần đây cô Út dạy con tu tập hơi thở, tùy theo mức, con thấy thân con được an lạc và tâm con buông xả không còn lo lắng cho mấy đứa con nhiều nữa.

Ở đây, Hải Tâm cũng có niềm tin ở cô

Út, nó xả tâm rất tốt, theo cô Út dạy về Định Niệm Hơi Thở nghe theo lời dạy của cô Út, nó không tăng thời gian, vì thế, sức tỉnh thức cao dễ điều khiển pháp hướng tâm đi sâu vào định mà không bị tưởng ma, có nghĩa tỉnh thức trong niệm thiện ác, nhờ đó mà tâm có ly dục và ly ác pháp nên không bị tưởng ma quấy phá.

Tuy ở đây, Hải Tâm chưa xả sạch hoàn toàn nhưng về xả tâm và hơi thở nó đã tu có đúng cách, nếu nó tiếp tục thân cận cô Út để có gì hỏi liền ngay để xả tâm. Tu tập như vậy không mất thời giờ mà kết quả giải thoát sẽ không còn lâu nữa. Nhưng phải nhớ kỹ, càng tu cao thì ma chướng càng nhiều, càng tu cao thì sự đổ vỡ càng dễ dàng, nên phải đề phòng cẩn thận

Qua những câu hỏi đạo của Hải Tâm chúng tỏ nó đã tu đúng sự hướng dẫn của cô Út Diệu Quang và rút ra được nhiều kinh nghiệm bản thân xả tâm của mình, nhưng phải lưu ý điều này, sự xả tâm phải được xả tận cùng xả cho đến khi nào tâm không còn phóng dật thì mới có an ổn được, nếu tâm còn phóng dật thì nên đề cao cảnh giác, chứ đừng lơ lỏng mà hồng chân thất bại, vì

chính không xả được thì bị ức chế tâm và ức chế tâm thì rất khổ đau, nên phải tu tận cùng đừng tu bỏ lỡ giữa đường.

Trên bước đường tu tập theo Đạo Phật mỗi hành giả đều phải có những kinh nghiệm riêng tư, rút ra từ bản thân trau dồi rèn luyện thân tâm của mình, nhờ đó mới có thể đi đến kết quả giải thoát hoàn toàn làm chủ sanh, già, bệnh, chết.

Huệ Ân con hãy cố gắng thực hành cho đúng lời dạy của cô Út và thường trao đổi thưa hỏi pháp tu thì thời gian còn lại của đời con không quá trễ. Các con của con cũng đã tự lo lấy đời sống của nó. Con đừng bận tâm mà đoạn trừ tất cả ái kiết sử, thì con mới đạt được sự làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi.

Con đừng bận tâm, hiện giờ chúng nó theo Thầy tu tập, Thầy xem chúng nó như những đứa con thân thương của mình, Thầy không bao giờ bỏ chúng nó, con hãy yên tâm mà lo tu hành cho đến ngày chết mà vẫn giữ tâm bất động trước các ác pháp. Nhờ đó, luôn luôn con cảm thấy tâm hồn mình thanh thản, an lạc và vô sự. Đó là trạng thái mà chư Phật sau khi bỏ thân này

đều ở nơi đó, Nếu con giữ được tâm ấy, khi chết con sẽ gặp chư Phật và Thầy ở nơi đó.

Con hãy nghe lời Thầy cố gắng đẩy lui các chướng ngại pháp trên thân, thọ, tâm, pháp của con thì tâm con sẽ thanh thản, an lạc và vô sự. Hai mươi bốn tiếng đồng hồ mà tâm con đạt được trạng thái như vậy là con đã tu xong rồi, đó là tâm con không còn phóng dật. Con hãy nghe Đức Phật nhắc nhở chúng ta lời dạy cuối cùng: «Ta thành Chánh Giác là nhờ tâm không phóng dật con hãy ghi khắc và nhớ mãi câu này đừng quên con ạ !



Chương II

TỪ HẠNH HỎI ĐẠO



THÚ CHƠI HOA KIỂNG

Hỏi: Kính thưa Thầy, tánh con ưa thích chơi hoa kiểng, biết đó là sai nhưng sao con không dừng được? Thưa Thầy có phải tại con thiếu nghị lực không?

Đáp: Đúng vậy, biết việc làm đó sai mà không bỏ được là thiếu nghị lực.

Người nghiện rượu biết rượu là chất độc, làm hại đến cơ thể, sanh ra bệnh tật nhưng không bỏ được là người thiếu nghị lực, thiếu sức kiên trì, bền chí và nhất là vô minh không trí tuệ. Nếu nói một cách thẳng thắn hơn, đó là người ngu si, biết khổ đau mà không chịu bỏ để chịu khổ đau, đó là người ngu dại số một.

Một người bỏ hết cuộc đời đi tu theo Đạo Phật mà không bỏ được chuyện nhỏ nhặt như vậy thì đi tu theo Đạo Phật chẳng có ích lợi gì cả, cũng như chúng ta đi tu theo Đạo Phật biết tham, sân, si là ác pháp là khổ đau mà không chịu bỏ cứ ôm ấp trong lòng, để mang cái địa ngục khổ đau đó mãi mãi. Biết độc cư là bí quyết tu thiền định mà cứ đi nói chuyện với người này và đến nói chuyện với người khác, không chịu bỏ đó là người không có nghị lực, người không có nghị lực làm gì tu thiền định được, làm gì đi theo con của đường Phật Giáo được. Biết nói chuyện là sanh ra nhiều chuyện, nhiều chuyện thì sanh ra phiền toái, phiền toái thì sanh ra nhiều đau khổ. Và như vậy tu theo Đạo Phật mà không bỏ được những lỗi lầm sai trái thì có ích lợi gì cho mình thì đừng đi tu còn hơn.

Những người thích nói chuyện là những người không xứng đáng là đệ tử của Phật, ngoài đời người ưa đem chuyện người này nói cho người khác biết hoặc đem chuyện người khác nói cho này biết là những người không tốt, người ác, người nhiều chuyện, chúng ta là những người tu theo Đạo Phật thì hãy tránh xa những hạng người này, họ

là những loại vi trùng độc sẽ giết chúng ta trên đường đạo.

Chuyện chơi hoa kiểng cũng vậy, đó là một trò tiêu khiển làm vui cho người già, nhưng họ là người ngu si, không muốn mình là người vô sự, người thanh thản và an lạc mà biến họ trở thành người nô lệ cho hoa kiểng. Đối với Đạo Phật đó là một người vô minh ngu si không biết tìm sự giải thoát an lạc mà chỉ làm khổ mình mà không biết còn lại làm khổ cây kiểng nữa.

Chơi hoa kiểng là một việc làm rất tội lỗi. Một cây kia đang sống tự do nơi lòng đất, rễ chúng đang tự do muốn đi hướng nào cũng được. Đó là một sự sống hồn nhiên của những loài thảo mộc. Thế mà người ta đào gốc nó lên, rồi đem trồng trong một chiếc chậu cũng giống như ta nhốt một con chim trong lồng, con cá trong lu. Chúng chỉ còn là một vật làm đẹp mắt cho chúng ta xem chơi, chứ đời chúng không còn ý nghĩa gì cả. Chúng ta nhốt chúng trong chậu để làm đẹp mắt cho ta mà cả một đời đau khổ của chúng.

Người tu hành theo Đạo Phật tâm từ bi của chúng ta há nỡ đành lòng nào nhìn

cánh cá chậu chim lồng sao? Mọi vật đều phải có quyền sống hồn nhiên trong môi trường sống thiên nhiên. Không ai có quyền làm mất sự sống hồn nhiên của muôn loài vạn vật khác phải không các hỡi con?

Vì sự sống của ta, ta không thể không ăn uống, nhưng ăn uống ta phải có lòng yêu thương muôn loài, trong ăn uống càng cố gắng tiết kiệm sự khổ đau, sự chết chóc của muôn loài vạn vật, đó là để thể hiện lòng thương yêu đúng ý nghĩa của đạo đức nhân bản làm người.

Vì thế trò chơi cây kiểng là một thú vui tao nhã của con người từ xưa đến nay, nhưng xét cho tận cùng thì thú vui ấy là một điều tội lỗi, vì có sự khổ đau nào bằng thân cá chậu chim lồng, một cây kiểng được trồng trong chậu, cũng giống như chúng ta thân như bị tù tội, bị giam cầm trong ngục tù phải không hỡi các con?

Ví dụ: hiện giờ con đang sống tự do, muốn đi Đông, đi Tây, đi Nam, đi Bắc thì mặc tình, bỗng nhiên có người bắt con giam vào trong bốn vách tường thì con có khổ đau buồn rầu không? Mặc dù họ cho con ăn đầy đủ.

Nếu con thấy đó là một sự đau khổ chân thật, thì con không nên chơi cây kiểng nữa con ạ! Có vui đẹp gì đâu khi mà loài cây bị giam cầm trong chậu và có sung sướng gì đâu khi mà con phải mất thì giờ quý báu để chăm sóc bón phân tưới nước phải không hỏi con? Bởi vậy khi nào được rảnh rang Thầy sẽ giải phóng những cây kiểng mà cô Diệu Quang đã mua đem về, giải phóng là trả cho nó trở về thiên nhiên với đất trời, nó sẽ có một sự sống hồn nhiên trong muôn loài vạn vật khác, nó sẽ có hạnh phúc vô cùng trong môi trường sống thân thương.

Một người tu theo Đạo Phật lấy cuộc sống tự do của muôn loài không làm khổ mình khổ người, khổ chúng sanh làm cuộc sống của mình thì hạnh phúc biết bao phải không hỏi con?



CHẲNG THƯƠNG, CHẲNG GHÉT

Hỏi: Kính thưa Thầy, thật sự tâm con chẳng ghét bỏ ai, hễ ai làm sai quấy, không đúng kỷ luật của tu viện cũng như phạm những lỗi trong giới luật của Phật hoặc có ý chán nản tu hành, con báo cho cô Diệu

Quang biết, để hướng dẫn họ tu tập tốt, nhưng qua rồi tâm con bị trạo hối và tự hối lại thân tâm, mình đã tốt trọn vẹn chưa mà lại đi vạch lỗi người? Bản thân mình có làm đúng như lời Thầy dạy chưa mà góp ý kiến giúp đỡ người khác?

Thưa Thầy những việc này đã làm tâm con trạo hối, và muốn làm cho tâm không trạo hối con phải làm sao?

Đáp: Muốn phá tâm trạo hối, chúng ta phải có trí tuệ tri kiến giải thoát, muốn có trí tuệ tri kiến giải thoát thì phải dùng Định Vô Lậu quán xét, tức là đặt niềm trạo hối trước mắt quán xét và tư duy cho thấu suốt:

1- Nếu người đó không phạm kỷ luật của Tu Viện, không phạm vào giới luật Phật mà vì lòng ganh tỵ nhỏ mọn một việc gì đó mà ta vu khống cho bạn, đó là ta trạo hối về tội lỗi.

2- Nếu bạn của ta tu hành đúng cách theo lời dạy của Thầy hoặc cô Diệu Quang mà ta đặt điều nói xấu bạn để Thầy và cô Út rầy mắng bạn, thì đó là con trạo hối về tội lỗi mà con đã gây ra.

3- Người bạn đó tu hành tốt được nhiều kết quả, Thầy khen. Nếu con đặt điều nói xấu cho người này phạm kỷ luật tu hành như thế này, thế khác. Khi người này bị rầy oan ức thì tâm con bị trạo hối. Sự trạo hối này là sự trạo hối chân chánh, vì thế con phải dùng pháp tự sám hối hoặc phát lồ sám hối:

1 - Tự sám hối, con quỳ trước tượng Phật phát lồ những điều làm sai, vu khống bạn, xin Đức Phật chứng minh từ đây về sau con xin từ bỏ không tái phạm lỗi này nữa.

2- Phát lồ sám hối, con đến trước một vị Thầy thanh tịnh giới luật tỏ bày những lỗi lầm của mình, xin Thầy chứng minh cho con sám hối, từ đây con xin chừa bỏ, quyết tâm không tái phạm lại nữa.

Nếu con có phạm kỷ luật hoặc lầm lỗi những điều gì, thì đều đến xin phát lồ sám hối thì con sẽ không còn trạo hối.

Nếu bạn con phạm kỷ luật, tu hành không đúng cách, không chịu xả tâm, khởi tâm nghĩ ác pháp, tự tạo mình khổ không giải thoát luôn luôn phiền não, bất toại

nguyện, hoặc lừa dối, tu chơi, ngủ li bì hoặc làm động người khác, thích nói chuyện tào lao, hoặc thích làm Thầy dạy người khác tu hành. Con đem những việc này trình lại Thầy hoặc cô D.Q để kịp thời ngăn chặn và hướng dẫn bạn con tu hành cho tốt lại.

Điều này con không có lỗi gì cả mà phải tạ ơn. Tất cả tu sĩ trong tu viện đều phải giúp đỡ lẫn nhau, bằng cách khiến cho bạn mình phải tu tốt, tu đúng, mặc dù hiện tại bạn mình bị cảnh cáo hay bị phạt hoặc bị đuổi, con cũng vẫn không có lỗi, «một con sâu làm rầu nồi canh nếu một người bạn xấu sẽ làm xấu tất cả. Một người không tu được sẽ làm cho nhiều người không tu được, một người tu sai sẽ làm cho nhiều người đều tu sai.

Những điều con đã làm, là điều làm tốt, giúp cho mọi người trong tu viện bạn con và con đều tu hành càng ngày càng tốt hơn. Ngược lại con che dấu những lỗi lầm đó, tu viện mỗi ngày một tệ hơn, các bạn con và chính con sẽ xem thường kỷ luật tu viện. Đó là sự thương hại không đúng cách mà con đã tự hại mình, hại người không thấy, không tạ ơn.

Còn bây giờ con bị trạo hối là vì con thấy bạn con bị phạt hoặc bị đuổi, bị cô Út la rầy mà con không thấy lợi ích về sau đối với bạn con cũng như cả tu viện.

Con sẽ tư duy và quan sát cái nào thiện, cái nào ác, một ông Thầy giáo đánh học trò là muốn cho học trò nên người tốt hơn là ghét nó, đánh học trò không có ông thầy giáo nào ghét học trò, mà thương học trò muốn cho nó nên người tốt, người giỏi. Cô Út cũng vậy cố gắng tạo đủ cách để các con xả tâm «tâm như cục đất». Còn những người bản ngã ác to lớn thì làm sao tu theo Đạo Phật được, Đạo Phật là đạo vô ngã ác pháp, hữu ngã thiện pháp, vì thế cô Út phải đành cho họ ra đi, dù có nuông chiều họ, nhỏ nhẹ với họ thì họ cũng không tu hành được gì cả. Người gặp ác pháp mà tâm phiền não sân hận khởi lên mà không khắc phục được thì đi tu chẳng ích lợi gì. Đạo Phật là đạo diệt ngã ác, xả tâm ác thế mà họ không diệt ngã, xả tâm thì họ tu cái gì? Thiền định gì? Chẳng qua là một lớp áo hình thức tu hành mà thôi. Đời chẳng ra Đời, Đạo chẳng ra Đạo, uống phí một đời người.

Khi quán xét như vậy, con đã thấu rõ

được việc con làm là thương chứ không phải ghét, là thiện chứ không phải ác thì con đâu còn trạo hối nữa, mặc dù bây giờ con sẽ bị người khác nói con xấu bằng cách này hoặc bằng cách khác, cũng như cô Út vì muốn độ người khác được an vui hạnh phúc chân thật, thì mang tiếng mình là người ác, người dữ. Ai không biết **“ngọt mật chết ruồi”** nhưng tu theo Đạo Phật như vậy có thật chân giải thoát không? Hay chỉ là trốn chạy sự đau khổ của cuộc đời?

Những điều con làm tốt, làm thiện cho mình cho người mà bạn bè gán cho mình những danh từ **“bất hảo”** thì con nên lấy đó mà xả tâm mình và vui vẻ chờ thời gian trả lời ai là người bất hảo.

Đến khi họ đã được giải thoát, xả được tâm, ly được dục thì họ biết ơn con chừng nào.

Ở đây những người tu được sẽ biết ơn cô D.Q nhiều, những người tu không được oán trách nói xấu cô D.Q cũng lắm điều.

Trên đời tốt xấu có gì đâu, chỉ do tâm mình mà thôi! Mình cứ làm tốt thì mọi việc tốt sẽ đến với mình, mình làm xấu mà mong

việc tốt thì không thể được.

Thánh phàm không thể nhìn tướng bên ngoài mà xác định được, Thánh phàm là phải tự người đó quán xét mình thì thấy rõ ràng, chứ người khác khó mà đánh giá trị được. Thánh phàm không thể lấy thần thông, bùa chú và ngòi thiền nhập định mà gọi là Thánh phàm, chỉ người nào tâm hết tham, sân, si là Thánh, còn có tâm tham, sân, si thì không phải Thánh, đó là Phật Giáo đã xác định như vậy.

Mình biết xả tâm mình, làm tốt cho người khác tu hành được giải thoát, đó là sự an vui, hạnh phúc giải thoát cho chính mình.

Do sự tu tập không đúng pháp độc cư, không đúng cách phòng hộ sáu căn, không đúng pháp môn ngăn ác, diệt ác pháp nên dẫn đến chỗ kết bè, kết bạn, chia phe, chia nhóm, cũng từ đó muôn pháp ác sanh ra, khiến cho cuộc sống của tu sĩ giống như cuộc sống thế gian, cũng danh lợi, cũng hơn thua, ganh tỵ, cũng tham lam, trộm cắp v.v..... không khác gì như ở ngoài đời và còn tệ hơn nữa là chiếc đầu cạo trọc mặc áo cà sa, bôi nhọ Phật Giáo.

Mỗi một tu sĩ cũng như cư sĩ là mỗi thành viên trong đại gia đình Phật Giáo đều phải có bổn phận và trách nhiệm bảo vệ Phật Giáo, bất luận kẻ nào dù là H.T, T.T, Đ. Đ Tăng, Ni cho đến chú Sa Di, Sa Di Ni phạm giới, phá giới đều được quyền cảnh cáo và đuổi ra khỏi cổng chùa, nếu những người phạm giới, phá giới mà không chịu ra khỏi cổng chùa thì mọi cư sĩ không cúng dường và không đến chùa đó nữa.

Có như vậy thì Phật Giáo mới hưng thịnh và nhờ vậy thì Phật Giáo mới không còn ai dám nghi ngờ và khinh chê.

Cũng như con hiện giờ không dám nói ra những lỗi lầm của chị em khác, để kịp thời sửa sai, khiến cho chị em trở thành những bậc chân tu, chân chánh trong Đạo Phật. Mỗi lần có nói ra khi thấy chị em bị la rầy, bị phạt có khi bị đuổi thì con lại trạo hối, tâm con bất an mà con không thấy việc làm của con là đúng, là vì Phật Pháp, là vì những người tu hành giải thoát. Bởi vì việc làm của con là việc làm đem lại sự lợi ích rất lớn cho bạn con, cho con và cho Phật Giáo. Tại sao vậy?

Vì để những con sâu mọt này trong

Phật Giáo sẽ khiến cho các con không tu tập được và mọi người cũng không tu tập được.

Những người hay nói chuyện, kết bè, kết bạn, tụ năm, tụ ba là những người xấu những người không tốt. Người tu hành theo Phật Giáo, chúng ta cần nên tránh xa những hạng người này, những hạng người này là ác tri thức.

Những người nhiều chuyện, lăm mồm là những người không thể tu theo con đường của Đạo Phật được, biết mình là người nhiều chuyện, lăm mồm thì đừng có vào chùa tu hành mà làm tội cho những người khác không tu hành được và làm cho Phật Pháp suy đồi thì mang tội rất lớn.

Nếu thấy khả năng mình sống độc cư được thì vào chùa mà tu tập, còn thấy sống độc cư không được thì đừng vào chùa, vì vào chùa sẽ sinh ra rối loạn trong chùa thì rất tội nghiệp.

Tóm lại những việc làm của con là tốt, đâu có gì con phải tạ ơn hối chỉ trừ con nói xấu người khác được mà con không giữ gìn được thì đó mới là sự tạ ơn hối. Mới là sự

đáng trách, mới là đáng khinh chê và đáng phỉ nhổ vào mặt con.

Nói người mà con giữ gìn đúng, không hề vi phạm những lỗi lầm, đó chính con mới là người xứng đáng trong đại gia đình Phật Giáo, con mới là người đệ tử thân cận của Phật, con mới là người đáng tin cậy của Thầy và cô Diệu Quang.

--->❖<---

CÁCH THỨC GOM TÂM

Hỏi: Kính thưa Thầy, lúc này con gom tâm rất chậm từ 10' đến 15' mới gom được là tại sao?

Đáp: Gom tâm chậm là pháp hướng tâm còn yếu, tỉnh thức chưa cao và chưa biết cách thức gom tâm.

Cách thức gom tâm cũng không có khó khăn gì lắm, nhưng phải thường xuyên tu tập những cách sau này:

1/ Phải thường xuyên đi kinh hành, phải biết đi kinh hành đúng cách đi kinh hành, làm mọi việc phải biết làm mọi việc, hoặc ngồi tại chỗ biết ngồi tại chỗ, trong

lúc ấy thường hướng tâm nhắc: **“*Tâm phải gom về thân hành, thân làm cái gì thì tâm phải biết cái nấy, không được phóng dật ra ngoài, không được đi lang thang, không được nghe ngóng, phải gom về thân hành cho chặt*”**. Con nên tu tập tỉnh thức bằng pháp hướng này thì kết quả con gom tâm rất nhanh.

2/ Con nên theo phương pháp thở hơi thở chậm này để gom tâm. Trước khi thở hơi thở chậm con hướng tâm: **“*Tâm phải tập trung vào hơi thở tại nhân trung*”**, hướng tâm xong con hít vô chậm chậm cho đến khi không còn hít vô được thì con bắt đầu thở ra và thở ra cũng chậm chậm cho đến khi hết thở ra được thì con thở trở lại hơi thở bình thường, sau khi mười hơi thở bình thường con đã thở xong thì con thở trở lại hơi thở chậm chậm và nhẹ trước khi thở hơi thở chậm chậm thì con lại hướng tâm một lần. Cứ như thế mà con tu đến 30’ thì xả nghỉ.

Tóm lại khi dùng hơi thở chậm thì con gom tâm rất dễ dàng, không còn khó khăn. Nếu 10 hơi thở con thấy sức gom tâm còn yếu thì con nên tu năm hơi thở bình thường

và một hơi thở chậm, khi nào tâm con gom được thì con chỉ thở hơi thở bình thường mà không cần thở hơi thở chậm và nhẹ nữa.

Con nên tu tập rồi báo cho Thầy biết để chỉnh đốn lại cho đúng, khi tu tập đúng là có kết quả ngay liền, chúc con tu tập tốt và thành công.



TÂM BUNG RA HOẶC RƠI VÀO VÔ KÝ

Hỏi: Con gom tâm yên lặng chỉ 15' hoặc 20' thì tâm con lại bung ra hoặc rơi vào vô ký. Thưa Thầy có cách nào an trú trong yên lặng và đừng để rơi vào vô ký không?

Đáp: Định diệt tâm giữ tứ con tu chưa được thuần thục, phải tu trở lại, luôn luôn phải giữ tứ trong câu pháp hướng: «tâm phải gom trong hơi thở, hơi thở chậm và nhẹ, trong khi ngồi tu con luôn nhắc câu này, không cần đếm. Tu như vậy tâm sẽ không bung ra và không rơi vào vô ký.

Còn một cách khác nữa là tâm con sẽ không bung ra và không rơi vào vô ký, con hãy đứng dậy ngay liền đi kinh hành 20

bước và ngồi xuống đếm năm hơi thở rồi đứng dậy đi kinh hành 20 bước, cứ thế tiếp tục tu tập mãi cho hết giờ xả nghỉ.

Tu như vậy con nên ghi nhớ trong mọi hành động khi ngồi, khi thở, khi đứng dậy, khi đi kinh hành và khi hướng tâm con không được quên, nếu thấy mệt thì tu ít giờ trở lại, không được tu tập quá sức.

Còn một cách nữa là lúc nào con cũng đẩy lui các ác pháp trên thân thọ, tâm và pháp của con thì tâm con tự gom vào hơi thở nên không có khó khăn, không có mệt nhọc. Đó là tâm không phóng dật

Có tu như vậy thì tâm con sẽ không bị bung ra và không rơi vào vô ký, sẽ có một sức tỉnh thức đầy đủ để xả tâm và định tâm luôn ở trong chánh niệm và chánh định



HÔN TRẦM VÀ LƯỜI BIẾNG

Hỏi: Kính thưa Thầy, bị hôn trầm và lười biếng con phải phá như thế nào?

Đáp: Gặp bệnh này con phải hết sức chiến đấu với nó, biết có trạng thái muốn

nằm ngủ thì không nên ngồi mà phải đứng dậy đi kinh hành liên không được chậm trễ, vì chậm trễ lười biếng sẽ lôi con nằm xuống và tâm con sẽ có những lý luận rất tinh vi, để lôi con nằm hoặc ngồi tu rồi ngủ.

Gặp bệnh này:

1- Con phải hướng tâm nơi bước chân đi ***“Tâm phải luôn tập trung vào bước chân đi không được xao lãng”***.

2- Tìm một bài kệ, một câu thơ thường nhắc đến sự chết và tất cả sự vô thường đau khổ của thân người để cảnh giác. Từ đó con quán xét đường tu hành của con hiện giờ tu hành chưa đến đâu mà lỡ vô thường nhân quả đến thì lấy gì tiếp tục tu đây. Mất thân rồi biết còn có được thân sau nữa hay không? Khi tư duy như vậy rồi con lại đem thân ra suy nghĩ kế tiếp về nghĩa lý vô lậu hoặc về thân vô thường, bất tịnh, vô ngã và đau khổ.

Hoặc nhớ lại người cha thân yêu của mình đã mất, mình phải siêng năng tinh tấn tu tập để tìm thấy cha mình sanh về đâu.

Tốt nhất muốn phá tâm hôn trầm thù

miên và lười biếng thì con nên đi kinh hành 20 bước rồi lại ngồi tu 5 hơi thở, cứ tu tập như vậy mãi chừng nào hết hôn trầm thù miên và lười biếng thì mới thôi, tu 5 hơi thở rồi đứng dậy đi kinh hành là phương pháp phá và diệt sạch hôn trầm tuyệt vời. Các con nên cố gắng tu tập thì sẽ chiến thắng trong tay.



DIỆT TÂM

Hỏi: Thưa Thầy, làm cách nào để diệt được tâm hết hẳn, không còn trở tới trở lui nữa?

Đáp: Muốn diệt được tâm hết hẳn trong thời gian 30' hoặc 1 giờ thì tu **“định diệt tâm giữ tứ”**. Lâu lâu tâm vẫn còn tái diễn là tu định diệt tâm chưa thuần.

Định diệt tâm chưa thuần mà vội xả tứ nó có hai trường hợp xảy ra:

1- Tâm không dứt, thường tái diễn trở lại.

2- Tâm chưa dứt sạch mà bỏ tứ thường xảy ra vô ký.

Muốn diệt tâm tứ nhập Nhị Thiên mà Sơ Thiên chưa nhập được thì làm sao diệt tâm tứ nhập Nhị Thiên. Bởi vì Nhị Thiên là bắt đầu thân định. Trong pháp tu hành về thiền định, tâm chưa định mà thân định thì không bao giờ có được, họa may có định cũng chỉ là định tưởng mà thôi.

Định ly dục ly ác pháp chưa nhập được mà lo tu tập định diệt tâm tứ thì đó chỉ là mơ mộng mà thôi.

Một người nhập được chánh định thì người ấy phải sống đúng giới luật không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhất nào cả, bởi từ giới luật thanh tịnh nó mới diệt được tâm tứ nhập Nhị Thiên, giới luật không thanh tịnh thì không bao giờ nhập Sơ Thiên được.

Tại sao các con không diệt được tâm tứ nhập Nhị Thiên?

Tại vì tâm các con chưa ly dục ly ác pháp, nói cách khác cho dễ hiểu hơn, tại vì các con còn phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới, tâm chưa thanh tịnh giới.

Lấy giới luật mà xét thì biết người nào nhập định và không nhập định được rất rõ ràng và cụ thể, dù cho họ có ngồi thiền

một hai ba ngày hoặc bảy tám ngày thì đó là thiên tướng tà thiên chứ không phải là chánh định của Đạo Phật.

Khi tâm thanh tịnh tức là tâm ly dục ly ác pháp xong thì người này tu định diệt tầm giữ tứ, tức là khi tâm họ không còn phóng dật thì họ tìm nơi gốc cây bóng mát nơi vắng vẻ, nơi không có người lai vãng, họ ngồi kiết già lưng thẳng và khi tâm họ bắt đầu an lạc thanh thản và vô sự thì họ dùng pháp hướng tâm: **“Tâm phải diệt tâm”** đến khi ta thấy tầm không còn nữa, nghĩa là ta còn thấy bốn chi thiên của Sơ Thiên: tứ, hỷ, lạc và nhất tâm thì lúc bây giờ chúng ta mới tu định diệt tầm tứ....như trên Thầy đã dạy.

Phần đông người tu thiên thời nay, tu chưa xong lớp thiên này thì vội tu lớp thiên khác, tu như vậy là tu sai không có lớp lang, tu lộn xộn, tu theo kiến giải tưởng giải của người xưa v.v.....



Chương III

ĐIỀU TÂM HỎI ĐẠO (TÚ)



HIỂU BIẾT CHỈ LÀ MỘT SỰ MỚI BẮT ĐẦU TỈNH THỨC CHO MỘT ĐIỀU KIỆN

Đáp: Đọc trong thư con, thì sự hiểu biết của con về Phật pháp chỉ mới trang bị cho sự bắt đầu những điều chân chánh để tu tập, nhưng còn áp dụng vào cuộc sống thì lại là một điều khác.

Muốn có kết quả giải thoát thân tâm thì phải:

1- Thường xuyên thưa hỏi mọi tâm niệm xảy ra của mình để được thông suốt và hóa giải do người thiện hữu trí thức thân cận.

2- Phải siêng năng tu chánh niệm tỉnh giác trong tất cả mọi hành động và trong tất cả việc làm, không chỉ riêng tu Định Niệm Hơi Thở, mà còn phải tu luôn cả Định Vô

Lậu, nhưng phải lưu ý tỉnh giác không phải chỉ biết có tỉnh giác trong thân hành niệm nội và ngoại mà còn phải tỉnh giác trong chánh niệm, tức là biết hành động của thân mình đang làm việc gì thiện hay ác, và còn phải biết các pháp bên ngoài thiện hay ác để ngăn chặn và diệt, còn thiện pháp thì tăng trưởng. Có như vậy mới được gọi là tỉnh giác trong chánh niệm.

3- Siêng năng tu tập Định Vô Lậu, quán xét tư duy về đời sống là khổ, lòng ham muốn là khổ, nhân quả là khổ, ái dục là khổ, sân hận là khổ, nhớ thương là khổ, thân, thọ, tâm, pháp vô thường bất tịnh, thực phẩm bất tịnh, ái dục bất tịnh là khổ v.v.....Quán tưởng nhàm chán cuộc sống thế gian là khổ, vì vui đó rồi lại khổ đó, khổ đó rồi lại vui. Cuộc sống của con người giống như một vở tuồng trên sân khấu, không có gì bảo đảm,

4- Phải dứt khoát xả tâm cho thật sạch (tâm như cục đất), thì mới mong có sự thanh thản an lạc và vô sự.

Đó chỉ là mới có sự bắt đầu cho một cuộc sống biết tu hành, chứ chưa phải là thấm nhuần sự giải thoát.

BUỒN CHÁN

Hỏi: Làm sao ngăn chặn được tâm buồn chán?

Đáp: Buồn chán là một trạng thái bi quan. Buồn chán là một trạng thái ngao ngán cho một sự việc mình đang làm mà gặp thất bại. Muốn hết buồn chán ta nên tìm hiểu tâm ta đang buồn chán cái gì?

Khi đã rõ sự việc buồn chán ta đặt niệm đó tư duy quán xét theo như cách tu «Định Vô Lậu.

Nên trao đổi tâm niệm buồn chán với một thiện hữu tri thức thân thương, người ấy sẽ giúp xả tâm niệm đó.

Buồn chán là một trạng thái khổ đau, nó là ác pháp. Người tu hành theo Đạo Phật nhất định không để tâm buồn chán và tìm mọi cách đẩy lui nó ra khỏi tâm, giúp cho tâm thanh thản, an lạc và vô sự. Vì lời dạy của Đức Phật phải: **“Ngăn ác, diệt ác pháp”**. Buồn chán là một ác pháp, ác pháp này rất độc nó có thể khiến ta đi đến tự tử, tự tử để không còn buồn chán, nhưng sự thật nó không phải vậy. Bởi vì tự

tử gây ra một tội lỗi rất lớn, tội giết người. Người chết trong tự tử là người chết trong đau khổ, chết trong đau khổ là chết trong địa ngục có nghĩa là người này bỏ thân này tiếp nối thân khác ngay liền đều gặp thân đau khổ và còn đau khổ hơn trong kiếp này.

Vì vậy buồn chán là một ác pháp tối độc hại, người tu theo Đạo Phật phải đề cao cảnh giác đừng để tâm buồn chán, vừa thấy tâm hơi buồn là chúng ta đã hóa giải nó ngay liền.

Trên đường tu hành theo Đạo Phật chúng ta tu tập nhằm chán đời sống thế gian chứ không được buồn chán, vì nhằm chán khác với buồn chán, buồn chán là vì không thỏa mãn được lòng ham muốn, còn nhằm chán có nghĩa là đã từng trải đời, thấy đời là một sự khổ đau chân thật không có gì vui chỉ là một chuỗi dài thời gian toàn là sự vô thường và khổ đau.

Cho nên buồn chán là một ác pháp cần phải diệt, còn nhằm chán là một diệu pháp giúp chúng ta thoát ra khỏi cuộc đời đầy sóng gió, ba đào.

Người tu hành theo Phật Giáo mà để

tâm buồn chán là người ngu si ôm ác pháp trong tâm để rồi tự giết mình trong ác pháp, chết trong ác pháp ấy, người như vậy không xứng đáng là đệ tử của Phật. Người đệ tử của Phật lúc nào tâm cũng thanh thản, an lạc và vô sự.

--->❖<---

MUỐN XẢ NHỮNG LỖI LẦM

Hỏi: Thưa Thầy! Người làm lỗi tại đây, hoặc ra đi thì phải chịu nhân quả đó. Nhưng muốn vượt qua, làm chủ được những nhân quả này, thì phải thường xuyên tu tập những gì?

Đáp: Nhân quả do tâm tạo ra tội lỗi (nhất thiết do tâm tạo). Muốn chấm dứt nhân quả tội lỗi thì phải diệt ngã xả tâm, muốn diệt ngã xả tâm thì phải tu Định Vô Lậu và Định Chánh Niệm Tỉnh Giác.

Do diệt ngã xả tâm, nên nhân quả không tác dụng được tâm, vì thế gọi là vượt qua hay làm chủ nhân quả.

Khi đã làm lỗi ở đây, mà không ở đây để xả tâm bằng cách tự răn nhắc tâm mình không làm lỗi nữa hoặc phát lồ sám hối

với một vị Thầy tâm đầy đủ thanh tịnh và hứa khả cố gắng giữ gìn không cho vi phạm những lỗi lầm đó nữa, đó là sự diệt ngã xả tâm, còn đi nơi khác để tu tập xả tâm thì đó là một sự tránh né và sự tránh né tức là nuôi ngã và các ác pháp do đó tội lỗi càng lớn mạnh hơn.

Tóm lại muốn vượt qua nhân quả tội lỗi này thì điều thứ nhất là phải tự giác sám hối và hứa khả với tâm mình là phải từ bỏ những lỗi lầm mình đã gây ra không còn tái phạm lại nữa.

Điều thứ hai là đến trước một vị Thầy giới đức thanh tịnh, nghĩa là vị Thầy đó không hề vi phạm một lỗi lầm nhỏ nhặt nào cả, phát lồ tất cả những lỗi lầm của mình và nhờ vị ấy chứng minh cho mình sám hối những lỗi lầm và hứa khả từ đây mình không còn tái phạm những lỗi lầm đó nữa.

Có sám hối những lỗi lầm đúng cách như vậy thì những tội lỗi mới được hóa giải, tâm hồn mới thanh thản an lạc và vô sự.

Pháp Phật vi diệu và đặc biệt dù bất cứ ở nơi đâu mà đã làm tội lỗi thì chỉ có tự

mình sám hối ăn năn chừa cải, hoặc bằng cách phải phát lộ với một vị Thầy thanh tịnh giới đức thì tội lỗi mới được hóa giải.

--->❖<---

TU ĐỊNH VÔ LẬU TRONG TẤT CẢ HÀNH ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

Hỏi: Từ nay con tu tập Định Vô Lậu nhiều hơn, có khi ngay cả trong giờ làm việc và cả giờ tối tu Định Niệm Hơi Thở có được không thưa Thầy?

Đáp: Được, càng tu tập Định Vô Lậu càng xả tâm nhanh chóng, càng thấy kết quả nhanh hơn:

- 1- Thân được an vui, thanh thản.
- 2- Tâm bất động như cục đất trước các đối tượng.
- 3- Tâm được chánh định, không rơi vào tà định (tưởng định).
- 4- Pháp hướng có hiệu quả và hiệu quả mâu nhiệm siêu việt lạ lùng.

Nhưng có một điều con cần lưu ý: tất cả các pháp hành trong Phật Giáo đều nhằm

vào một mục đích duy nhất là vô lậu, Vậy lúc nào tu Định vô lậu để quán vô lậu; lúc nào tu Định niệm hơi thở để quán vô lậu; lúc nào đi kinh hành để quán vô lậu; lúc nào làm việc để quán vô lậu; lúc nào tu định niệm hơi thở để tác ý vô lậu; lúc nào đi kinh hành để tác ý vô lậu, lúc nào làm việc để tác ý vô lậu, đó là những điều cần thiết vừa đủ để tu tập tâm vô lậu nhưng phải rất thiện xảo và phải luôn nhớ đừng quên, đây là cốt lõi trên đường tu tập giải thoát của Đạo Phật.



Chương IV

TÙ ĐỨC HƠI THỞ



CÓ SỰ ĐIỀU KHIỂN TRONG HƠI THỞ LÀ CHƯA NHẬP ĐỊNH

Hỏi: Kính bạch Thầy! Khi hơi thở thật nhẹ, rất thông và dài, nhưng cũng có sự điều khiển phải không thưa Thầy?

Đáp: Khi hơi thở thông nhẹ và dài mà còn có sự điều khiển bằng pháp hương hoặc bằng sự vận dụng thì đó là đang tập tu chứ không phải nhập định. Nhất là đang tu định diệt tâm giữ tứ thì mọi sự điều khiển và sự hướng tâm là rất cần thiết cho định này.

Hơi thở nhẹ, dài và thông suốt, phải coi chừng hơi thở này là hơi thở tưởng, tức là tưởng tức, khi có tưởng tức xuất hiện ngay liền thì có trạng thái khinh an. Đó là do công phu ức chế tâm mà rơi vào trạng thái của định tưởng.

Khi gặp hơi thở này thì chúng ta cố nhớ tác ý: ***“Quán ly tham tôi biết tôi hít vô, quán ly tham tôi biết tôi thở ra”*** hay ***“Quán tâm như đất tôi biết tôi hít vô, quán tâm như đất tôi biết tôi thở ra”*** hay ***“Tâm hãy ly dục ly ác pháp nhập Sơ Thiên đi”***.

Nhờ có tác ý như vậy mà phá được tưởng tức, và đồng thời có lợi lạc rất lớn là xả được tâm ác, lìa tham, sân, si là tâm có năng lực không tham, sân, si, năng lực không tham, sân, si là năng lực của tâm thanh tịnh, năng lực tâm thanh tịnh tức là phương tiện điều khiển thân nhập các loại định.



TRẠNG THÁI AN ỔN KHÔNG CÓ LIÊN TỤC.

Hỏi: Kính bạch Thầy, khi hơi thở bắt đầu quá nhẹ, đi vào trạng thái an ổn thì khoảng 5' bung ra, khi bung ra khoảng 5', 10' mới an ổn trở lại. Kính thưa Thầy! Như vậy làm cách nào để nó được an ổn luôn?

Đáp: Khi đã bắt đầu đi vào trạng thái

an ổn, chỉ trong thời gian ngắn, không thể kéo dài ra được có ba trường hợp:

1- Xả tứ quá sớm.

2- Sức tỉnh thức chưa đủ để xả tâm có nghĩa là sự tỉnh thức chưa đủ để sống trong chánh niệm.

3- Lậu hoặc chưa sạch.

Đó là thiếu thiện xảo an trú trong an ổn, có người được 5' hoặc 10'. Có người được 30' lại có người được 1 giờ cho đến 3, 4 giờ lại bung ra.

Muốn được an trú kéo dài thời gian an ổn đó (yên lặng) thì phải tu tập các định:

1- Định diệt tâm giữ tứ.

2- Định chánh niệm tỉnh giác.

3- Định vô lậu quét sạch lậu hoặc.

Nếu không tu ba loại định này cho thuần thực thì trạng thái an ổn kia chỉ là một xúc tượng hỷ lạc sẽ đưa hành giả vào một loại định tưởng (tà định).

Chính người tu thiền định ngày nay đều rơi vào trạng thái an ổn của các loại

tà định này, nên sinh ra kiến giải, tưởng giải, từ đó ngã chấp to lớn xem như mình đã chứng đạo (kiến tánh thành Phật, Phật mà chưa hết tâm tham, sân, si còn tham ăn tham ngủ, tham tiền, tham bạc, tham sắc, tham danh, tham lợi v.v....).

Tóm lại khi tu thiền mà tâm chưa ly dục ly ác pháp hoàn toàn mà có trạng thái hỷ lạc, khinh an thì nên đề cao cảnh giác coi chừng tu sai pháp rồi đó.

Điều cần thiết khi có cảm giác khinh an hay hỷ lạc thì phải mau mau đến thưa hỏi với một thiện hữu tri thức có kinh nghiệm trong sự tu tập này, để giải nghi cho, chứ đừng có tự ý tu tập thì không tốt có thể xảy ra bệnh tật hoặc điên khùng như người mất trí.



CÓ TRẠNG THÁI AN ỔN RỒI MỚI NHẬP ĐỊNH

Hỏi: Kính bạch Thầy! Khi ngồi thiền lần lần hơi thở đi đến nhẹ nhàng, vào trạng thái an rồi mới nhập được định. Có phải vậy không thưa Thầy?

Đáp: Đúng vậy, nhưng đừng để tâm ở

trạng thái **“an lạc”** mà phải ở trạng thái **“yên lặng”**.

An có nghĩa là khinh an, nhưng khinh an hiện giờ có là do ức chế tâm mà sinh ra, do ức chế tâm sinh ra thì an đó là khinh an của tướng, chứ không phải khinh an do ly dục sinh, tu đến đây coi chừng nhập vào định tướng.

Khi nào nhập định là lúc bây giờ tâm phải ly dục ly ác pháp hoàn toàn thì mới nhập đúng chánh định, còn tâm chưa ly dục ly ác pháp mà nhập định thì phải đề cao cảnh giác.

Hiện giờ con nên tu trên Tứ Niệm Xứ mà đẩy lui các chướng ngại pháp trong tâm để khắc phục tâm tham, sân, si của con hơn là thiên định, vì thiên định chân chánh của Phật sẽ không chấp nhận tâm chưa ly dục ly ác pháp.

Tâm còn giận hờn phiền não mà muốn nhập định thì đó là định của ngoại đạo, chúng ta hãy nghe Đức Phật dạy: **“Ta thành Chánh Giác là nhờ tâm không phóng dật, muôn pháp lành đều nhờ đó sanh ra”**. Lời nhắc nhở này làm sao

chúng ta quên được, làm sao chúng ta tu lạc vào thiên của ngoại đạo được phải không hỏi các con?

Vậy tâm con hiện giờ còn như đồng rác bất tịnh, tham, sân, si, mạn, nghi còn đầy đầy ác pháp, thì làm gì con nhập định được, nếu theo sự an ổn của tướng kia mà nhập định thì định ấy là tà định con ạ!

Nhập tà định có ích lợi gì cho bản thân con, có lợi ích gì cho mọi người khác đâu, tà định sẽ đưa con vào con đường tội lỗi, rồi đây tham sân si của con còn nhiều hơn:

1- Thứ nhất con làm tội cho con vì tâm ngã mạn, cống cao, khiến con có nhiều khổ đau và bất toại nguyện.

2- Thứ hai con đường tu của con sai lạc rơi vào thiên tướng, đó là bước đường cùng của sự tu tập.

Khi tu hành đúng pháp, tâm ly dục ly ác pháp thì con cảm thấy mình an lạc bất động trước các ác pháp, do đó tâm con giải thoát, dù bất cứ ai làm gì con, con cũng an nhiên không có móng tâm phiền não, sân hận một chút nào cả, còn ngược lại thì con khổ đau vô vàn.

NGÔI THIÊN LƯNG ĐAU, NHỨC VÀ CHÂN TÊ CỨNG.

Hỏi: Kính bạch Thầy, con tu một thời từ 25' đến 30', lúc gần hết giờ, còn khoảng 5' đến 10' con bị trạo cử ngôi không an, đau buốt cái lưng, nhức và tê cứng đôi bàn chân, chịu không muốn nổi, buộc con phải xả sớm hơn. Có khi con ám thị thì nó hết, có khi lại không hết. Cúi mong Thầy chỉ dẫn cho con.

*Đáp: Khi ngôi thiên, gần hết giờ bị đau, nhức, tê chịu không nổi, thì con nên dùng pháp hướng mà nhấn nhủ như thế này: **“Ta quyết định chết bỏ dù cho xương tan thối nát, máu trong thân này có khô cạn, ta cũng chẳng bao giờ xả ra, ta quyết tu xem mà làm gì”?***

Khi ám thị xong câu này, con tiếp tục hướng tâm ra lệnh: **“Sáu thức phải gom chặt vào tụ điểm, tâm phải định trong thân cho chặt không được phóng theo thọ”**. Khi hướng tâm xong, bắt đầu con vận dụng hơi thở chậm chậm và nhẹ từng hơi thở một để cho tâm gom thật kỹ. Khi tâm

gom chặt được một lúc sau con không thấy đau và tê nữa.

Nhớ đừng động thân, phải giữ thân cho thật chặt dù có đau nhức đến đâu cũng giữ thân bất động và tâm phải bám chặt hơi thở thì sẽ hết đau, đây là phương cách thứ nhất để chiến đấu với thọ, còn phương cách thứ hai con phải thực hiện Tứ Niệm Xứ, trên bốn chỗ Thân, Thọ, Tâm, Pháp để khắc phục tham ưu, đẩy lui các chướng ngại pháp trên đó. Khi con gặp chướng ngại của Thọ thì con không nên ngồi rắng thêm một phút giây nào cả mà phải đứng dậy đi kinh hành ngay liền, tâm con luôn giữ gìn tỉnh thức khi đứng dậy, khi hướng tâm, khi bước đi giống như con đang ngồi tỉnh thức trong hơi thở vậy. Và như vậy con đã xả thọ, con sẽ có cảm giác giải thoát ngay liền khi con đứng dậy không còn thấy tê và đau chân nữa, đó là tu theo pháp xả của Tứ Niệm Xứ, cho nên Đức Phật gọi là: ***“Trên thọ quán thọ để khắc phục tham ưu là vậy”***.

Dưới đây là hai phương pháp tu hành:

1- Ưc chế thân tâm để nhập định, phương pháp này rất nguy hiểm, dễ rơi vào tà định, dễ rối loạn thần kinh, dễ sinh ra

những bệnh hiểm nghèo như tê, bại, xụi v.v.....

2- Xả các chương ngại pháp để nhập định, phương pháp này bảo đảm hơn vì có xả là có giải thoát, nên thân tâm nhập vào chánh định dễ dàng, không có khó khăn, không mệt nhọc. Tâm hồn từ bắt đầu tu cho đến khi xả không có một cảm giác khó chịu hay bất toại nguyện, luôn luôn thanh thản, an lạc và vô sự.

Tóm lại người mới bắt đầu tu tập đều phải tùy theo cơ thể, chứ không bắt buộc ngồi kiết già để chịu tê, đau nhức, còn bắt buộc ngồi kiết già chịu đau, tê nhức, nóng đó là mục đích rèn luyện nghị lực, can đảm, gan dạ, chịu đựng, bền chí v.v... Và đó cũng là sự rèn luyện để chuẩn bị trên cuộc hành trình đường xa.

--->❖<---

LƯNG THỤNG

Hỏi: Kính bạch Thầy! Khi con ngồi lúc đầu thì thẳng lưng, nhưng từ từ lại bị thụng xuống. Con sửa lại và ám thị «cái thọ hỷ ngồi thẳng lưng, không được thụng xuống

có lúc nó nghe, có lúc nó không nghe, con lại tự nghĩ chắc con bị đau lưng phải không Thầy?

Đáp: Không phải lưng con đau mà là một thói quen hay thụng. Khi ngồi thiền con nên tìm chỗ tựa lưng cho thẳng, nhờ điểm tựa lưng đó, sau này con ngồi không có điểm tựa, lưng vẫn thẳng hết thụng, phải tập ngồi tựa lưng, một thời gian khá lâu rồi mới bỏ được.

Lưng thụng là vì sức con ngồi ít mà rắng ngồi nhiều, ngồi lâu nên dễ bị thụng bị nghiêng, bị ngứa v.v....

Lưng thụng mà con ám thị thọ là không đúng mà phải ám thị cột sống: **“Cột sống phải thẳng đứng không được thụng”** hoặc **“Lưng phải thẳng đứng không được thụng”**.

Nhưng con nên nhớ, khi hướng tâm như vậy thì con phải cố gắng giữ gìn lưng phải thật thẳng, đừng để thụng nữa, vì để lưng thụng sẽ thành thói quen khó sửa.

Thầy chỉ có lời khuyên chân thật con nên ngồi ít lại, đi kinh hành nhiều là tốt, nhất là thiền định ở tâm lìa tham, sân, si

chứ không phải ở chỗ ngồi, ngồi chỉ là một hình tướng gom tâm dễ dàng, nhưng gom tâm không phải thiền định, gom tâm chỉ là một phương tiện để giữ tâm tĩnh thức mà thôi. Tĩnh thức không phải chỉ để tĩnh thức ở chỗ đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín, hơi thở v.v..... mà ở chỗ chánh niệm để luôn luôn lúc nào tâm cũng thanh thản, an lạc và vô sự



NGÔI THIỀN BỊ KIẾN BÒ

Hỏi: Khi ngồi thiền, con thường bị kiến bò rây rứt khiến tâm con bất an, con phải làm sao thưa Thầy?

Đáp: Khi tâm chưa đủ định lực, con nên dùng tay phải nhẹ, khi phải xong thì tâm con được an ổn liền.

Từ khinh an, lưng thụng, đến kiến bò v.v....mà con đã trình bày ở trên đều do sự hiểu lầm thiền định của Phật. Tuy rằng Phật có dạy khinh an, ngồi thẳng lưng, trạo cử, trạo hối, hôn trầm, thù miên, vô ký v.v.....nhưng những điều này đâu có quan trọng mà quan trọng ở chỗ tâm ly dục ly ác

pháp, ở chỗ tâm bất động, ở chỗ tâm không phóng dật.

Thầy xin nhắc lại để con đừng quên khi tu tập thiền định của Phật, không phải chỗ ngồi, nằm, đi, đứng, không phải chỗ hết vọng tưởng mà chỗ ngăn ác diệt ác pháp sanh thiện tăng trưởng thiện pháp hay trên Tứ Niệm Xứ đẩy lui các chương ngại pháp, thì dù đi, dù đứng, ngồi, nằm đều tu hành được cả, đó là những pháp hành để ly dục ly ác pháp, đó là những pháp hành để thực hiện đạo đức giải thoát, đó là những pháp hành để triển khai trí tuệ giới đức làm người làm Thánh, đó là những pháp hành thực hiện tâm bất động giải thoát. Vì thế khinh an, lưng thụng, kiến bò không phải là vấn đề làm tâm mất định.



SỰ TỈNH THỨC TỰ NHIÊN LÀ ĐỊNH

Hỏi: Khi ngồi thiền sự tỉnh thức quá cao, cứ chăm chú theo dõi từng hơi thở một, không đi vào trạng thái lặng hoặc mơ mơ, màng màng gì hết. Thưa Thầy, sức tỉnh thức đó có thể đi vào định được không?

Đáp: Sức tĩnh thức đó là định, không cần phải đi vào định nào nữa khác, nhưng con phải hiểu, sức tĩnh thức đó không phải do ức chế tâm mà có được, sức tĩnh thức đó có được là nhờ tâm ly dục, ly ác pháp, nhưng không phải nhìn đăm đăm hơi thở, sức tĩnh thức đó là sức tĩnh thức rất tự nhiên không có sự bắt buộc và gò bó của những loại thiền ức chế tâm, mà do tâm không phóng dật, sức tĩnh thức đó là sự nhận biết nhanh chóng ra các ác pháp trong sát na (nháy_mắt).

Muốn tâm không phóng dật thì phải tu tập ngũ căn, tu tập ngũ căn thì phải phòng hộ năm căn, phòng hộ năm căn thì phải sống đúng ba đức ba hạnh của một bậc Thánh. Ba đức gồm có:

- 1- Ăn
- 2- Ngủ
- 3- Độc cư

Ba hạnh gồm có:

- 1- Nhẫn nhục
- 2- Tùy thuận.
- 3- Bằng lòng

Nhờ tu tập ba đức, ba hạnh này mà tâm không phóng dật, tâm không phóng dật là tâm tỉnh thức, tâm tỉnh thức này là một loại tâm tỉnh thức tự nhiên chứ không có ức chế như các loại thiền định khác.

--->>>❖<<<---

HẠNH ĐỘC CƯ

Hỏi: Kính bạch Thầy! Giữ hạnh độc cư, chủ yếu là không nói chuyện, để khỏi bị động tâm hay là không thốt ra lời? Hoặc không cho ra hơi nhiều, vì sợ mất đi sức thiền định?

Đáp: Độc cư không có nghĩa là câm, không nói chuyện, không thốt ra lời hay sợ mất hơi mà không nhập được định.

Độc cư có nghĩa là không tụ họp, không nói chuyện tào lao, chuyện phiếm, tập ít nói, lựa lời đáng nói mới nói, lời không đáng nói nhất định không nói.

Độc cư còn có nghĩa là Thọ Bát Quan Trai, Thọ Bát Quan Trai tức là tu tập học sống làm Phật trong một ngày.

Độc cư còn có nghĩa là nhập thất để

sống cho mình hay nói cách khác là để tẩy trừ những chướng ngại pháp trên thân thọ tâm và các pháp,

Độc cư chính là phòng hộ sáu căn giữ gìn không cho dính mắc sáu trần, đó là pháp đệ nhất tu tập ngũ căn.

Độc cư là Thánh hạnh, phạm phu không thể sống được, nếu phạm phu không tập sống Thánh hạnh thì chẳng bao giờ nhập được Thánh Định, bằng chứng hiện giờ chư Tăng phạm giới, phá giới, vì thế Thánh Định chỉ là những bài thuyết giảng suông.

Độc cư là bí quyết thành tựu Tứ Thánh Định, thế nhưng ai là người sống đúng hạnh độc cư, hơn 200 người về đây tu tập với Thầy, không có ai là người sống đúng, vì thế chẳng bao giờ ly dục ly ác pháp được, tức là họ sống không phòng hộ sáu căn hay nói cách khác là sống không hàng phục tâm, thường để tâm phóng dật, đó là hành động phá hoại độc cư tâm mình.

Người tu hành theo Phật Giáo mà phá hạnh độc cư thì tu hành phí công vô ích tức là tự phá hoại đời sống tu hành của mình

thì đi tu làm chi cho mất công vô ích.



HƠI THỞ THIỀN ĐỊNH

Hỏi: Kính bạch Thầy! Theo con nhận xét riêng, bản thân của con, con thấy hơi thở thiền định nó khác với hơi thở bình thường. Hơi thở thiền định thì có sự điều khiển chậm, nhẹ, dài và có lực. Thưa Thầy có đúng không?

Đáp: Hơi thở chậm, nhẹ, dài, có lực và có sự điều khiển là tu Định niệm hơi thở có kết quả tỉnh thức, chứ không phải hơi thở là thiền định, mà cũng không phải có thiền định mà hơi thở sanh ra chậm, nhẹ, có lực và có sự điều khiển.

Tất cả những sự tưởng ra trạng thái thiền định như thế này, như thế khác đều là sai cả, đều là do tưởng. Có những trạng thái thiền xảy ra trong khi tu tập ức chế tâm không vọng tưởng là tà thiền, tà định của ngoại đạo.

Thiền định của Phật chỉ khi nào tâm ly dục ly ác pháp hay nói cách khác là tâm lìa tham, sân, si thì đó mới chính là thiền

định của Đạo Phật.

Như vậy khi tu thiền có trạng thái này trạng thái nọ, thì phải mau mau xả tất cả những trạng thái đó, chứ đừng có cho nó là định tướng, thì bước đường tu hành sẽ là bước đường cùng, tu hành chẳng đi đến đâu cả, chỉ uống cho một đời tu hành mà thôi.



LÀM SAY MÊ QUÊN HƯỚNG TÂM CÓ MẤT TỈNH THỨC KHÔNG?

Hỏi: Con thường có thói quen, làm công việc gì, làm mãi miết cho xong, quên nhắc tâm tỉnh thức, như vậy có mất tỉnh thức không thưa Thầy?

Đáp: Làm mãi miết cho xong mà không có suy tư và cũng không quên mình đang làm là tỉnh thức, không cần hướng tâm.

Làm mãi miết mà có suy tư là thất niệm (bị vọng tưởng).

Làm mãi miết không có suy tư mà cũng không nhớ đang làm (làm theo thói quen) là thất niệm vô ký. Phải dùng pháp hướng nhắc tâm tỉnh thức.

Người ta hiểu lầm tu tập tỉnh thức chỉ biết có tỉnh thức trong hành động của thân hành động nội hay ngoại thì điều đó sai không có ý nghĩa gì cả của sự tu hành.

Người ta tập tỉnh thức để tỉnh thức nhận biết được ác pháp để đẩy lui chúng ra khỏi thân tâm của chúng ta, để đem lại cho thân tâm chúng ta một sự thanh thản, an lạc và vô sự, đó mới chính là sự giải thoát của Đạo Phật.

Bởi tỉnh thức không có nghĩa biết tỉnh thức mà tỉnh thức phải biết đâu là chánh niệm và đâu là tà niệm.

Như vậy sự tu tập tỉnh thức mới thực sự có ích lợi lớn cho mình cho người, còn tu tập tỉnh thức mà chỉ biết tỉnh thức thì đó là tu sai không ích lợi, mất thời giờ vô ích và mất công sức mỗi mệ.



MỘT NGƯỜI CHỨNG TỬ THIỀN, ĐẮC TAM MINH CÓ KHI NÀO CHẾT BẤT NGỜ KHÔNG?

Hỏi: Kính bạch Thầy! Một người chứng đến Tứ thiền, đắc Tam minh có khi nào vô

thường đến dần đi không thưa Thầy? Có nghĩa là cái chết đến bất ngờ họ không kịp làm chủ.

Đáp: Một người chứng Tứ thiên, đắc Tam minh là đã làm chủ sanh tử luân hồi thì không có sự chết bất ngờ, vì họ đã biết trước mọi nhân quả xảy ra, không thể có một vật gì che mắt tuệ Tam Minh họ được.

Khi nhập Tứ Thiên chứng Tam Minh thì dưới đôi mắt tuệ của họ không còn có một điều gì mà họ không hiểu.

Không gian có trải dài, thời gian có chia cắt nhưng không thể vì thế mà che mắt tuệ họ được, thì làm sao có sự vô thường đến với họ thành linh.

Người tu hành đến nơi đến chốn, họ đã làm chủ được sự sống chết, thì không còn có một chướng ngại nào mà họ không thông suốt, chỉ có người tu chưa đến nơi đến chốn thì chịu mờ mịt trước uy lực của nhân quả.

Tóm lại người tu đến nơi đến chốn thì không có sự thành linh ngẫu nhiên, mà có sự chủ động từ sự sống đến sự chết.



CON CÁI LÀ NHỜ ĐỨC CHA MẸ

Hỏi: Theo tục lệ ông bà nói: «Con cái là nhờ đức cha mẹ. Như cha mẹ hiền đức thì con cái cũng nhờ đó ăn theo phải không thưa Thầy?»

Đáp: Câu nói này rất đúng: **“Con cái nhờ đức của cha mẹ”** vì có nhân quả thiện mới sanh vào nhà hiền đức, nhờ gương hạnh hiền đức của ông bà cha mẹ, nên con cái cũng trở thành hiền đức, nhờ hành động hiền đức của con cái mà nó được hưởng phước, nếu hành động nó làm ác hiện thời, khi nó thọ hết phước của đời trước đã gieo (vào nhà hiền đức) thì nó phải thọ lấy tai ương của hành động hiện tại.

Ví dụ: Những đứa con được sanh vào nhà giàu có nhưng lại thích ăn chơi trác táng, rượu chè, bài bạc, xì ke, ma túy v.v....., không thích học hành, những đứa con này không thể lấy phước đức của ông bà cha mẹ mà che chở chúng được, do đó suy ra chúng ta biết phước báo là phải do chính con cái tạo ra, chứ không phải do phước đức của ông bà cha mẹ mà nó hưởng được,... nó chỉ hưởng được ảnh hưởng tốt của ông bà cha

mẹ mà thôi, còn nó được chia gia tài của cải hoặc làm ăn khá giả đều do phước báo đời trước của nó nên mới sanh vào nhà giàu có và hiền đức.

Tóm lại, nếu một người được tái sanh vào nhà hiền đức là do tiền kiếp khéo tu thiện pháp, nếu trong kiếp hiện tại không theo gương đức hạnh của cha mẹ ăn hiền ở lành thì ngay trong kiếp hiện tại đó cũng phải gặp hái những tai ương, họa khổ, vì chính hành động bất thiện của con cái dù cha mẹ có hiền đức nhưng con cái vẫn phải thọ khổ. Vì thế có những gia đình hiền đức mà con cái chẳng hiền đức chút nào, thường nghiện ngập, xì ke, ma túy, rượu chè, bài bạc.v.v.....Đây là môi trường tốt nhưng hạt giống xấu

Ngược lại có những gia đình không hiền đức mà những đứa con ngoan tốt... chăm học, không tham lam trộm cắp, không rượu chè bài bạc, hút xách, không xì ke ma túy... Đây là môi trường xấu mà hạt giống tốt.

Con cái nhờ đức của cha mẹ là nhờ cái gương đức hạnh để làm tốt theo, chứ không phải nhờ vào đức hạnh của cha mẹ mà thọ hưởng sự giàu sang phú quý.

Theo luật nhân quả ai làm thiện thì hưởng phước báo, ai làm ác thì phải chịu quả khổ, không ai giúp cho ai được dù là cha mẹ có thương con cách nào cũng không giúp được, nếu chính bản thân nó không ăn hiền ở lành, sống đời sống thiếu đạo đức thì nó phải chịu lấy hậu quả xấu, dù cha mẹ có ở hiền đức gì cũng không cứu nó được, chỉ trừ cha mẹ thiếu nợ nhân quả của nó, nên nó đến nó đòi, bằng cách phá của cải tài sản của cha mẹ tiêu tan.

Cho nên câu nói: **“Con cái nhờ đức của cha mẹ”**, nếu không khéo hiểu thì câu này trở thành lời nói phi đạo đức nhân quả, khiến cho con cái dựa lưng vào cha mẹ mà không tự lực vươn lên trong nền đạo đức nhân bản nhân quả, thì cuộc đời của nó chỉ là một cuộc đời khổ đau, tiêu cực.



Chương V

DIỆU TÌNH HỎI DẠO



LỖ TAY LÀM CHÚNG SANH CHẾT THÌ PHẢI LÀM SAO?

Hỏi: Kính thưa Thầy! Thầy đã dạy chúng con tu tập trau dồi lòng từ, bi, hỷ, xả, trong công việc làm hàng ngày lỡ tay làm chúng sanh đau khổ hoặc chết.

Trước cảnh đau khổ và chết của chúng sanh, con phải làm như thế nào để tránh sự trạo hối trong tâm con? Nhất là con đã xuất gia, để khỏi bị khuyết giới và nhân quả?

Đáp: Xưa Đức Thế Tôn là người đi kinh hành nhiều nhất, ngay cả ban đêm, vì thế làm sao không vô tình giẫm đạp lên chúng sanh.

Giới luật dạy không giết hại chúng

sanh, tức là dạy không cố tình giết hại chúng sanh, chứ không phải dạy vô tình.

Tứ vô lượng tâm là dạy từ, bi, hỷ, xả là để đối trị tâm tham, sân, si, ngã, mạn, nghi chứ không phải dạy vô tình sát sanh.

Chánh niệm tỉnh giác định là dạy chúng ta tỉnh thức trong mọi hành động để tránh sự vô tình sát sanh. Có tỉnh thức làm sao vô tình sát sanh, chỉ thiếu tỉnh thức say mê công việc, hoặc làm cho rồi việc thì mất tỉnh thức nên mới có trường hợp xảy ra vô tình sát sanh.

Người đi tu có tỉnh thức không bao giờ vô tình sát sanh.

Người làm mọi công việc có tỉnh thức cũng không vô tình sát sanh.

Chỗ nào có chúng sanh nhiều chúng ta nên tránh, dưới cỏ, dưới đất, ta rất ý tứ nhưng không thấy lỗ tay làm cho chúng đau khổ hoặc chết, ta xin ước nguyện chúng đời sau được sanh làm người, được gặp Phật pháp, được gặp minh sư đừng sanh làm loài chúng sanh nữa.

Một hạt gạo, một củ khoai, một trái

cây, chúng ta ăn để sống hàng ngày, đều có sự gián tiếp giết hại chúng sanh trong đó.

Người nông dân sản xuất gạo và thực phẩm cho sự sống của con người, họ phải giết hại các loài sâu bọ, côn trùng mà còn phải giết các loài chim, chuột và các loài cầm thú khác để bảo vệ thực phẩm mùa màng.

Tuy chúng ta không trực tiếp giết hại, nhưng chúng ta ăn thực phẩm là đã gián tiếp giết hại, bởi vậy có thân này là thân nhân quả nghiệp báo không thể nào thoát khỏi nhân quả, tuy là vô tình nhưng cũng phải nợ máu. Đời sống chúng ta không còn cách nào khác hơn khi ta đã là con người và chúng sanh đã là con vật. Nợ máu xương trong tiền kiếp, kiếp này gặp nhau tuy vô tình cũng phải trả vay, vay trả.

Đạo Phật dạy chúng ta những gì chưa thấu hiểu, phải thấu hiểu. Có thấu hiểu lý của Đạo ta mới vững tâm tu hành, nếu không thấu lý của Đạo, tưởng chừng như không thể nào tu hành nổi.

Mới nghe giới luật của Đạo ta chỉ nước nhịn ăn, nhịn uống, treo chân, treo tay,

chẳng còn dám làm gì cả.

- Tội do đâu mà có?
- Do tâm mà có tội.
- Tâm do đâu mà có?
- Do dục mà có.
- Dục do đâu mà có?
- Do tham, sân, si mà có.

Mục đích tu tập của Đạo Phật là đoạn dứt tham, sân, si, chứ không phải đoạn dứt sự vô tình sát sanh.

Khi nào tâm tham, sân, si hết là tâm đã bất động, mà tâm đã bất động thì còn hoàn cảnh, đối tượng và sự việc nào làm họ đau khổ thì làm sao gọi là có tội.

“Tánh tội vốn không do tâm tạo

Tâm bất động rồi tội có được không?”

Ở đây chúng ta đã hiểu được lý của Đạo nhưng còn tu hành phải như thế nào?

Tùy mọi hoàn cảnh, mọi việc làm, mọi đối tượng, cẩn thận, ý tứ, tỉnh thức để tránh vô tình sát sanh được ở mức nào tốt mức

nấy, đừng làm đại, làm đùa cho xong việc, mà hãy lấy việc làm thực hiện Tứ Vô Lượng Tâm, tránh vô tình giết hại bằng sức tỉnh thức và pháp hương tâm để quét sạch tâm tham, sân, si (vô lậu).

Người đời không biết tu, dù họ có tránh sát sanh hoặc vô tình sát sanh bằng mọi cách, nhưng tội khổ họ vẫn phải chịu.

Người tu biết cách diệt ngã, xả tâm, ly dục, ly ác pháp, dù tội họ có chất ngập cả không gian này, tâm họ bất động vẫn không thấy có tội.

Tại sao vậy?

Tại vì có tâm động mới có tội.

Mục đích tu hành là lo diệt ngã, xả tâm, chứ không đoạn dứt sự vô tình sát sanh nhưng phải cẩn thận, ý tứ, từng hành động để tránh sự vô tình sát sanh, đó là một hành động tu tỉnh thức tốt nhất.

Trước sự quần quại đau thương của chúng sanh dưới bàn tay vô tình của mình, chúng ta không thấy thương tâm sao?

Người tu sĩ Phật giáo phải lấy tứ vô lượng tâm thực hiện định chánh niệm tỉnh

giác, nhờ đó mới đạt được tâm **“vô lậu”** và nhập được **“Tứ thánh hiện tại an lạc trú định”** một cách dễ dàng, không còn khó khăn nữa.

Đừng tu tập theo kiểu Tịnh Độ một cách giả dối gian ác và lừa đảo mọi người. Tay cầm dao cắt cổ gà miệng đọc chú vãng sanh: **“Nam Mô a di đà bà dạ, đà tha dà đà dạ..... Đọc thân chú này khi con gà bị chết, linh hồn sẽ được về Cực Lạc Tây Phương, để được sanh làm người, thật là lừa đảo, dối người.”**

Những người tu theo Tịnh Độ với việc làm như vậy được xem là thực hiện Tứ Vô Lượng Tâm **“Từ, bi, hỷ, xả”** ư!

Thời nay người xuất gia làm nhiều việc không phải việc của người xuất gia, nên thường phạm tội lỗi, nhất là tội sát sanh, ngày xưa người xuất gia chỉ duy nhất có một nghề khát thực, vì nghề đi khát thực nên ít phạm lỗi lầm, do đó tập tu Tứ Vô Lượng Tâm rất dễ dàng, chỉ cần tỉnh thức trên từng bước đi của mình là đã thực hiện được tâm từ,bi, hỷ, xả.



Chương VI

DIỆU TÂM HỎI ĐẠO

(tiếp theo)

--->❖<---

BẰNG CÁCH NÀO KIẾP SAU GẶP ĐƯỢC CHÁNH PHẬT PHÁP

Hỏi: Nếu kiếp này con không tu giải thoát được, nhưng có hiểu chút ít chánh pháp, làm thế nào để kiếp sau con vẫn nhớ và ngộ đạo được sớm hơn (6,7 tuổi) đi tu?

Đáp: Nếu muốn kiếp sau gặp được chánh pháp tu hành, thì kiếp này mỗi tháng con nên chọn một ngày Thọ Bát Quan Trai.

Thọ Bát Quan Trai là phương pháp học làm Phật một ngày, chỉ một tháng có một ngày làm Phật thì đó là gieo duyên với chánh Phật Pháp để kiếp sau còn có duyên gặp được Chánh Phật Pháp, Đức Phật ví dụ như cây cổ thụ kia, nó nghiêng về hướng

nào thì bóng nó nghiêng về hướng nấy.

Thọ Bát Quan Trai là phương pháp tu tập giữ gìn giới đức thánh Tăng, nếu một ngày tu tập Thọ Bát Quan Trai, chịu khó con tư duy lại xem có phải ngày ấy là một ngày con ly dục ly ác pháp chẳng? Có phải ngày ấy là ngày con sống cho con phải không? Nếu ngày ấy con tu hành đúng pháp của Phật thì con tìm thấy được một ngày giải thoát hoàn toàn.

Ngày Thọ Bát Quan Trai mà con biết buông xuống hết những gì đang trói buộc trong con, thì con tìm thấy một chân trời hạnh phúc tại ngay đó.

Ngày Thọ Bát Quan Trai là ngày con gieo nhân với chánh Pháp của Phật, ngày ấy không bao giờ mất.

Ngày Thọ Bát Quan Trai là ngày con thấp sáng ngọn đèn trí tuệ giải thoát trong con, và ngọn đèn trí tuệ ấy cháy mãi cho đến khi con hoàn toàn chấm dứt sanh, tử, luân hồi vào Niết bàn.

Như vậy ngày Thọ Bát Quan Trai là ngày quan trọng nhất của đời người cư sĩ của các con, nó là một mốc quan trọng quyết

định cho cuộc đời tu hành theo Chánh Pháp. Các con hãy ghi nhớ những lời dạy trên đây, nhưng các con cũng phải đề phòng, vì có những loại Thọ Bát Quan Trai giả, lừa đảo mà không đúng chánh pháp của Phật.

Ví dụ: Thọ Bát Quan Trai bằng cách tụng kinh, niệm Phật, trì chú, ngồi thiền nghe thuyết pháp..... đó là Thọ Bát Quan Trai của Bà La Môn.

Thọ Bát Quan Trai đúng cách của Phật Giáo thì không được tập trung đông người vào thiền đường, Tổ đường, đại hùng bảo điện, mà chỉ mỗi người ở riêng một cái thất, sống độc cư, phòng hộ sáu căn và tu tập Tứ Niệm Xứ đầy lui các chương ngại pháp trên bốn chỗ đó suốt ngày hôm ấy, giống như một vị Tỳ kheo Tăng hay Ni. Có tu tập đúng như vậy mới gieo duyên với Chánh Pháp.

---->❖<----

NHẬP TAM THIÊN CÓ HẾT LẬU HOẶC CHƯA?

Hỏi: Khi một vị Tỳ kheo nhập được Tam thiên có thể hết lậu hoặc chưa (không còn tham sân)?

Đáp: Trong kinh dạy một vị Tỳ kheo nhập được Tam thiên mới đoạn dứt năm hạ phần kiết sử còn năm thượng phần kiết sử chưa đoạn, vì thế lậu hoặc chưa hết, riêng kinh nghiệm bản thân của Thầy, một vị Tỳ kheo nhập được Sơ thiên là ly được «tâm dục, còn nhập được Tam thiên là ly được «tưởng dục, tuy gốc lậu hoặc chưa quét sạch, nhưng cũng tìm thấy sự an ổn bất động của tâm. Chỉ khi nào chứng lậu tận minh thì lậu hoặc mới thật sạch, chừng đó mới chấm dứt được sự tái sanh luân hồi.

Khi nhập Tứ Thiên nơi đây có hai ngõ diệt sạch lậu hoặc, một ngõ đi về Tam minh và một ngõ đi về Diệt thọ tướng định, nếu đi về ngõ Diệt thọ tướng định thì thân tâm như cây đá, thân giống như người chết nhưng không hoại diệt, nhờ từ trường định của Diệt Thọ bảo vệ.

Đi ngõ Tam minh thì thân tâm giống như người sống bình thường nhưng bất động trước các ác pháp, tâm luôn lúc nào cũng thanh tịnh và thanh thản, an lạc, vô sự. Sống, chết, bệnh, đau là việc vô thường của nhân quả không tác động được thân tâm họ. Họ sống một đời sống còn lại những

ngày an vui tuyệt vời.



NGƯỜI GIẢNG THIỀN THÂM SÂU CÓ PHẢI VƯỢT QUA NĂM ẤM CHƯA?

Hỏi: Một vị Tỳ kheo thuyết giảng thiền rất thâm sâu, tâm vượt năm ấm tưởng tận, có phải vị ấy đã trải qua kinh nghiệm tu mà nói lên?

Đáp: Một vị Tỳ kheo nhập Tam thiền không thể vượt qua năm ấm được, chỉ có nhập Diệt thọ tưởng định mới vượt qua năm ấm.

Một vị Tỳ kheo thuyết giảng thiền rất thâm sâu về lý, nhưng không phải trải qua kinh nghiệm tu mà nói lên, mà do tưởng tuệ lạc vào tướng pháp, nên giảng thuyết rất hay nhưng xét cho cùng chỉ là một lý thuyết suông, pháp hành tu tập không có kết quả. Vì thế chưa bao giờ nhập định được.

Trong kinh sách Phật có dạy sáu loại tướng: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tướng, người tu thiền định lạc vào định tướng, pháp tướng triển khai, luận thiền,

luận đạo rất là thâm sâu về lý, nhưng pháp hành không vững. (Thiếu kinh nghiệm bản thân chỉ vay mượn trong kinh sách nói hoặc tưởng theo chữ nghĩa giảng dạy ra có khi đúng nhưng cũng có khi sai). Những gì của các nhà học giả giảng ra theo tưởng giải thì không thể nào tu tập được vì thiếu kinh nghiệm tu.

Thiền Đông Độ và kinh sách Đại Thừa đều do tưởng giải của người xưa nên chúng ta tu tập không đưa đến kết quả tốt ráo được, định cũng không ra định, tuệ cũng không ra tuệ, cuối cùng chỉ trở thành một trò hý luận, chứ chẳng thấy có ai làm chủ sanh, già, bệnh, chết cụ thể.

Bởi vì các thiền sư thời đại của chúng ta nói nhiều, mà bệnh đau thì đi nằm nhà thương, bác sĩ trị, thì thử hỏi làm sao chúng ta tin miệng họ được.

Người tu thiền Đông Độ sống vì danh, vì lợi nên luôn luôn tranh luận hơn thua và còn dùng những danh từ nói xấu kẻ khác, trong khi đó tu hành chỉ có hình thức mà chẳng có ai nhập định làm chủ sanh, già, bệnh, chết được.

Xưa Đức Phật từng đã nhắc nhở chúng ta: ***“Đừng có tin.....đừng có tin..... mà hãy tin những gì mà chúng ta thực hiện có lợi ích không làm khổ mình khổ người”***. Cho nên người ta thuyết giảng hay chưa hẳn họ đã làm được.

---->❖<----

TAM MINH

Hỏi: Thưa Thầy! Trong băng Thầy phủ nhận không có lục thông và Tam minh. Qua suốt giáo án chúng con ngâm hiểu Thầy có được những điều ấy. Tại sao Thầy không nhận để nó là linh hồn, là niềm tin vững chắc của giáo án? Con nhớ Phật còn bảo: Ta đã chứng được Tam minh, lậu tận ta đã hết.

Đáp: Thầy phủ nhận Tam minh, lục thông là vì thân thông không phải là mục đích tu hành giải thoát của Đạo Phật. Một người tu hành làm chủ được sự sống chết và chấm dứt luân hồi thì Tam minh, lục thông họ phải đầy đủ, nhưng vì nó không phải mục đích, nếu dùng nó thì người ta đến với Đạo Phật sẽ sai mục đích, mà đã sai mục đích thì không bao giờ làm chủ sanh,

già, bệnh, chết được. Nếu không làm chủ sanh, già, bệnh, chết được thì Tam Minh, lục thông cũng chẳng bao giờ có, và nếu có thì cũng chẳng có nghĩa lý gì cả.

Phật là đấng Giáo Chủ, Ngài tuyên bố thần thông như vậy là để đối phó với ngoại đạo. Các đệ tử của Ngài không được tuyên bố như vậy. Kinh Đại Thừa dạy: **“Còn thấy mình chứng quả A La Hán là chưa chứng quả A La Hán”** Đó là lối lý luận lừa đảo của Đại Thừa che đậy khi tu hành chưa đến nơi đến chốn. Còn Phật Giáo Nguyên Thủy tu đến đâu chứng đến đấy, tâm có tham thì biết tâm có tham, tâm không tham thì biết tâm không tham; tâm có sân thì biết tâm có sân; tâm không sân thì biết tâm không sân; tâm có Tam Minh lục thông thì biết tâm có Tam Minh lục Thông; tâm không có Tam Minh lục thông thì biết tâm không có Tam Minh lục thông. Và biết sử dụng đúng thời, không bị lợi danh làm mờ tâm trí, do đó Thầy phủ nhận không tự xưng mình có Tam Minh lục thông mà chỉ biết có sự giải thoát mà thôi.

Thầy không dụ dỗ người theo Thầy tu hành bằng thần thông, ai thấy con đường

tu hành của Thầy là phương pháp sống đạo đức giải thoát không làm khổ mình khổ người thì theo, còn không muốn sống đạo đức nhân bản nhân quả thì Thầy không ép, không mời, không lôi cuốn bằng những kinh sách nói láo, bằng sự mê tín, bằng bùa chú thần thông v.v.....

Trên đường tu tập thiền định để đi đến sự cứu cánh thì phải đi ngang qua lục thông Tam minh nên biết nó rõ ràng nhưng không phải vì tu để chứng nó. Nó không phải là mục đích để chúng ta chứng, mục đích tu chứng là tâm bất động.

Xay lúa, có gạo và trấu, gạo chúng ta lấy, trấu chúng ta bỏ.

Thần thông ví như vỏ trấu còn tâm bất động là gạo, cho nên tu tập theo Phật Giáo tâm không được tham đắm thần thông, còn tham đắm thần thông là không bao giờ tâm ly dục ly ác pháp được, tâm không ly dục ly ác pháp thì không bao giờ nhập chánh định được mà không nhập được chánh định thì không bao giờ có lục thông, Tam minh.

Người chưa ly dục ly ác pháp mà nhập được định đó là tà định vì thế họ có ngũ

thông chứ không được lục thông, Tam minh như người tâm ly dục ly ác pháp.

Người tâm chưa ly dục ly ác pháp dù họ có ngũ thông, có nhập định để lại nhục thân, nhưng không làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi được.

Thần thông không phải cốt tử và niềm tin của Đạo Phật. Vì Thầy tu hành có thần thông nhưng Thầy xem nó là một trò ảo thuật để dễ lừa đảo người khác.

Xưa ông thân của Thầy là một tu sĩ Mật Tông, ông lên núi Bà Đen và sang núi Cậu tu luyện thần thông rất linh diệu và mầu nhiệm, ông đã truyền lại cho Thầy tất cả mật chú, nhưng Thầy không phải là kẻ lừa đảo và ác độc, nên Thầy quyết tâm đi tìm đường tu tập giải thoát ra khỏi mọi sự đau khổ của kiếp làm người.

Xung quanh chùa nơi Thầy đang ở lúc bấy giờ toàn là một hàng rào tre, đến mùa măng mọc người xung quanh xóm nghèo khổ lén vào cắt trộm măng, ông thân Thầy dùng bùa chú yểm, khiến cho người vào đến ranh giới chùa là bất động đứng như trời trồng, ông thân của Thầy chỉ còn ra bắt và

khuyên không nên trộm cắp, nếu còn trộm cắp mạng thì ông thân Thầy sẽ đưa đến làng xã, khiến cho người ta quá sợ.

Bùa chú của ngoại đạo mà còn mầu nhiệm như vậy huống là tâm ly dục ly ác pháp, thanh tịnh hoàn toàn thì sự mầu nhiệm của tâm không thể lường được, vì thế người tu sĩ Phật Giáo đi tu không cầu mong lục thông Tam minh mà vẫn có đầy đủ Lục thông Tam minh, không tu luyện lục thông Tam minh mà vẫn có lục thông Tam minh đầy đủ.

Người đi tu theo Phật Giáo mà còn có tâm cầu Lục Thông Tam Minh thì đã tu sai đường. Hãy xa lìa và đoạn trừ tâm đó mà chỉ cố gắng tu tập sống một đời sống ly dục ly ác pháp, thì nơi đó là niết bàn, là hạnh phúc, là sự giải thoát của một kiếp làm người, là đạo đức làm người không làm khổ mình khổ người.

Cho nên, Thầy biết đủ thứ thần thông, nhưng Thầy không chấp nhận thần thông và thế giới siêu hình, luôn luôn lúc nào Thầy cũng muốn đem lại cho con người một nền đạo đức nhân bản nhân quả không làm khổ mình khổ người, đó là một sự lợi ích thiết

thực, còn thần thông chỉ là một trò lừa đảo, làm khổ người chẳng hạn như ông thân của Thầy, nếu ông thân của Thầy vắng mặt, không có ở chùa thì các con nghĩ sao? Khi người trộm cắp mạng này bị bùa chú bắt cứng mình thì họ sẽ khổ biết dường nào !

Trên cuộc đời này con có thấy những người tu hành có thần thông, đem lại hạnh phúc gì cho con người chưa? Hay chỉ là những người có thần thông luôn luôn làm việc bất chánh, làm khổ đau người **“tiền mất tật mang”**.

Nếu Thầy không giải thích cho các con rõ, mà nhận mình có thần thông là Thầy đã phỉ báng Phật Giáo, là Thầy đã hại Phật Giáo. Vì Phật Giáo không phải là những tôn giáo tu tập để có thần thông, dùng thần thông cám dỗ người theo đạo mình, mà Phật Giáo là tôn giáo tu tập làm ích lợi cho mình, cho người.

Thầy không lấy thần thông cám dỗ các con theo Phật Giáo, mà chỉ lấy đạo đức dạy các con đối xử với nhau, để không làm khổ mình khổ người đó là các con thoát khổ.

Các con nên hiểu, có thần thông là

không có đạo đức, có đạo đức là không thực hiện thần thông. Ai muốn tu theo Thầy để cầu sống một đời sống không làm khổ mình khổ người, để tâm hồn được thanh thản an lạc và vô sự thì theo, bằng cầu thần thông thì đi tìm nơi khác mà tu, chứ ở đây Thầy chẳng có thần thông để dạy.



TÂM TƯ

Hỏi: Xin Thầy giảng rõ thêm tâm, tứ. Cách diệt tâm tứ?

Đáp: Tâm là suy tư, suy nghĩ, tứ là ý tứ, tác ý ra. Tâm tứ có hai loại:

- 1- Tâm tứ ác.
- 2- Tâm tứ thiện.

Muốn diệt tâm tứ, ta phải diệt tâm tứ ác trước.

1- Diệt tâm tứ ác ta phải tu tập, phòng hộ sáu căn, thiếu dục tri túc, ăn ngủ không được phi thời, tu Định Chánh Niệm Tỉnh Giác, tu Định Vô Lậu (ly dục ly ác pháp). Tu tập Tứ Chánh Cần ngăn ác, diệt ác pháp, sanh thiện, tăng trưởng thiện pháp.

2- Diệt tâm tứ thiện, ta phải tu Định Niệm Hơi Thở, định diệt tâm giữ tứ, tu tập pháp hướng tâm, tu tập định diệt tứ.

Tóm lại tâm tứ là sự tác ý và sự tư duy, suy nghĩ của ý thức. Con nên đọc thêm bài kinh Song Tâm và An Trú Tâm, thì mới rõ nghĩa tâm tứ một cách cụ thể hơn, mà Đức Phật đã chỉ dạy một cách tường tận trên bước đường hành thiền theo Phật Giáo. Chính Ngài cũng nhờ sự tu tập này mà thành Chánh giác.

Chư Tỳ kheo, trước khi Ta giác ngộ, khi chưa thành Chánh Giác và còn là Bồ Tát, Ta suy nghĩ như sau: ***“Ta sống suy tư và chia hai suy tâm. Chư Tỳ kheo, phàm có dục tâm nào, (Dục tâm là lòng ham muốn khởi lên trong ta, bất cứ một sự ham muốn điều gì đều là dục tâm)”***.

Ví dụ: chúng ta đang tu tập giữ gìn tâm không phóng dật, thì bỗng dưng khởi niệm thần thông, nếu tu tập có thần thông mình sẽ phóng hào quang hoặc tịnh chỉ hơi thở cho phóng viên báo chí, truyền thanh, truyền hình biết, để loan tin thì chắc chắn người ta sẽ theo Đạo Phật nhiều và như vậy chúng ta sẽ chấn hưng Phật Giáo rất

nhANH. Những niệm khởi như vậy gọi là dục tâm. Sân tâm nào, (Sân tâm là lòng tức giận khởi lên trong ta) Hại Tâm, (Hại tâm là lòng nham hiểm, độc ác khởi lên tìm cách này cách nọ để nói xấu người khác, hoặc tìm mưu cách hãm hại khiến cho người khác đau khổ, khiến cho người khác mất uy tín, khiến cho tín đồ không còn theo tu tập, khiến cho người khác mất nghề nghiệp đời khổ v.v.....)

Ví dụ: những bức thư hạ nhục Thầy Chơn Quang, những bức thư bài bác HT Thanh Từ là những điển hình của hại tâm. Tất cả những việc trên đây đều là hại tâm. ***“Ta phân thành phần thứ nhất; phàm có ly dục tâm nào (ly dục tâm là lòng ham muốn) Vô sân tâm nào, (Vô sân tâm là tâm không còn giận hờn) Vô hại tâm nào (Vô hại tâm nào là tâm không còn mưu đồ tính toán hại người, nói xấu người) Ta phân làm phần thứ hai. Chư Tỳ kheo, rồi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần. Khi dục tâm khởi lên, Ta tuệ tri: Dục tâm này khởi lên nơi Ta và dục tâm này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, diệt trí tuệ, dự phần vào phiền***

não, không đưa đến Niết bàn. Chư Tỳ kheo khi Ta suy tư: Dục tâm này đưa đến tự hại, dục tâm này được biến mất. Chư Tỳ kheo khi Ta suy tư: Dục tâm đưa đến hại người, dục tâm được biến mất. Chư Tỳ kheo khi Ta suy tư: Dục tâm đưa đến hại cả hai, dục tâm được biến mất. Chư Tỳ kheo khi ta suy tư: dục tâm diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết bàn, dục tâm được biến mất. Chư Tỳ kheo, như vậy Ta tiếp tục trừ bỏ, xả ly và đoạn tận dục tâm, sân tâm, hại tâm.”

Qua đoạn kinh này chúng ta xét thấy một phương pháp tu thiền định rất thực tế của Đạo Phật. Ở đây chúng ta không thấy Đức Phật dạy ngồi thiền, nhiếp tâm bằng cách này, cách khác mà chỉ dạy chúng ta cách thức tư duy, suy nghĩ về lòng ham muốn của mình, xem coi lòng ham muốn của mình có còn ham muốn cái gì không. Nếu còn thì Đức Phật gọi là **“Dục Tâm”**, nếu thấy lòng mình không còn có ham muốn thì Đức Phật gọi đó là **“Ly Dục Tâm”**, nếu chúng ta còn dục tâm thì Đức Phật dạy chúng ta quán xét dục tâm, dục tâm sẽ đưa đến tự hại ta, hại người và hại cả hai. Bởi vì còn dục tâm

sẽ làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh, do hiểu biết như vậy ta liền xa lìa dục tâm, nhờ có xa lìa dục tâm ta mới thấy được tâm thanh tịnh, an lạc và vô sự; tâm thanh tịnh, an lạc và vô sự là tâm ly dục ly ác pháp; tâm ly dục ly ác là tâm nhập Sơ Thiên; tâm nhập Sơ Thiên là tâm lìa tham, sân, si; tâm lìa tham sân, si là tâm thanh tịnh; tâm thanh tịnh ấy là thiên định của Đạo Phật.

Như vậy bài Kinh Song Tâm là bài kinh dạy chúng ta tu thiên định của Đạo Phật

Chúng ta nên đọc thêm một bài kinh nữa, đó là bài kinh An Trú Tâm. Bài kinh Song Tâm Đức Phật dạy chúng ta lựa chọn tâm thiện, loại trừ tâm ác ra khỏi tâm.

Qua bài kinh này chúng ta đã biết cách lựa chọn tâm thiện, nhưng chưa biết cách sống trong tâm thiện, vì thế đến bài kinh An Trú Tâm, Đức Phật dạy chúng ta cách thức tu tập để được an trú trong tâm thiện, đó là một phương pháp rất đặc biệt của Phật Giáo trong việc nhập định, mà không có một giáo pháp nào của ngoại đạo có được.

Chư Tỳ Kheo, Tỳ kheo muốn thực hiện tu tăng thượng tâm cần phải thường thường tác ý năm tướng. Thế nào là năm?

Tỳ kheo y cứ tướng nào, tác ý tướng nào, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si sanh khởi, thời này các Tỳ kheo, Tỳ kheo ấy cần phải tác ý một tướng khác liên hệ đến thiện không phải tướng kia. Nhờ tác ý một tướng khác liên hệ đến thiện, không phải tướng kia, thì các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được diệt trừ, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm định tĩnh”. Đây là phương pháp thứ nhất mà Đức Phật dạy: ***“khi trong thân, thọ, tâm, pháp của chúng ta có ác pháp xâm chiếm, thì phải tác ý một tướng khác tướng ác đó, tức là một tướng thiện tướng ngược lại với tướng ác đó. Nhờ có tác ý một tướng thiện đối trị lại tướng ác đó, nên tướng ác đó bị đoạn trừ và tiêu diệt, thì lúc bấy giờ tâm chúng ta mới đẩy lùi chương ngại pháp, tức là ngăn ác, diệt ác pháp để tâm được an trú trong tâm thiện, để được an trú, an tịnh, nhất tâm, định***

tĩnh tức là nhập định.

Chư Tỳ kheo, Nếu Tỳ kheo ấy tác ý một tướng khác với tướng kia, liên hệ đến thiện mà các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên. Thời này chư Tỳ kheo, Tỳ kheo ấy cần phải quán sát các nguy hiểm của những tâm ấy: Đây là những tâm bất thiện, đây là những tâm có tội, đây là những tâm có khổ báo. Nhờ quán sát các nguy hiểm của những tâm ấy, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú an tịnh, nhất tâm định tĩnh”.

Đây là phương pháp thứ hai dùng quán tư duy để ngăn ác, diệt ác pháp, để tâm được an trú trong tâm thiện, tức là an trú trong định. Một người tu thiền định để tìm sự giải thoát, thì không thể thiếu phương pháp tu tập này được.

“Chư Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo ấy trong khi quán sát các nguy hiểm của những tâm ấy, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si

vẫn còn khởi lên, thời này chư Tỳ kheo, Tỳ kheo ấy cần phải không ức niệm, không tác ý những tâm ấy. Nhờ không ức niệm, không tác ý các tâm ấy, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được diệt trừ, đi đến diệt vong. Nhờ chính diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh”.

Đây là phương pháp thứ ba, để an trú trong tâm thiện, tức là ngăn ác diệt ác pháp, để tâm ly dục ly ác pháp nhập Sơ Thiên, do ly dục tâm mới được tâm tứ thiện, mới được nhất tâm, định tĩnh. Phương pháp tu tập này cũng giống như người không muốn nhìn thấy các sắc pháp nên nhắm mắt hoặc nhìn chỗ khác.

“Chư Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo ấy trong khi không ức niệm, không tác ý các tâm ấy, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên. Chư Tỳ kheo, vị Tỳ kheo ấy cần phải tác ý đến hành tướng các tâm và sự an trú các tâm. Nhờ tác ý đến hành tướng các tâm và sự an trú các tâm ấy, các ác bất thiện tâm liên hệ

đến dục, đến sân, đến si được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh”.

Đây là phương pháp thứ tư để an trú trong tâm thiện bằng cách tác ý các hành trong thân và giảm các hành dần để đi đến an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh, nhờ có an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh thì tâm mới không phóng dật, tâm không phóng dật thì tâm mới ly dục, ly ác pháp dễ dàng. Phương pháp ngăn ác, diệt ác pháp này tu tập có hiệu quả hay không, là do đặc tướng của mỗi hành giả.

Pháp này được xem là pháp môn tu tập trong thân hành niệm để an trú tâm thiện và rất có hiệu quả khi một người có nhiệt tâm tu hành.

“Chư Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo ấy trong khi tác ý đến hành tướng các tâm và sự an trú các tâm, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, đến sân, đến si vẫn khởi lên, thời chư Tỳ kheo, Tỳ kheo phải ghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng. Lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm đánh bại tâm. Nhờ ghiến răng dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm đánh

bại tâm, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân và si được trừ diệt, đi đến diệt vong”.

Đây là phương pháp thứ năm của pháp an trú tâm thiện cũng là phương pháp cuối cùng trong khi chiến đấu với các ác bất thiện pháp.

Phương pháp này chúng tôi thường gọi là niệm lực hay là pháp gom tâm vào tụ điểm để nhấn nhục trước các ác bất thiện pháp, để diệt trừ tâm loạn động, để diệt trừ tâm si mê ham ngủ nghỉ (hôn trầm thù miên vô ký), để diệt trừ tâm tham dục, để diệt trừ tâm đang tức giận v.v.....Phương pháp này là phương pháp chống trả lại các ác pháp rất mãnh liệt để tận diệt cho bằng được các ác bất thiện pháp.

Tóm lại trong năm phương pháp tu tập để an trú tâm thiện, Đức Phật đã trao cho chúng ta tất cả kinh nghiệm tu hành để đưa đến chỗ tâm không phóng dật.

Năm phương pháp an trú tâm là năm phương pháp dùng để ngăn ác diệt ác pháp tuyệt vời, mà một người tu tập phải luôn luôn sống với pháp môn này như hơi thở

mà chúng ta đang thở, nếu hơi thở dừng thì chúng ta ra người thiên cổ, còn pháp môn này rời khỏi chúng ta thì chúng ta sống trong hỏa ngục cũng như người chết chưa chôn.

Trên đường về xứ Phật, Đức Phật đã trang bị cho chúng ta đủ mọi thứ cần thiết để vượt qua những đoạn đường gian nan khốn khổ và nguy hiểm, nếu chúng ta bền chí, kiên cường, dũng cảm thì chắc chắn sẽ đến nơi, đến chốn an toàn.



BỒ TÁT QUAN ÂM DO TƯỢNG SAO CÓ SỰ LINH THIÊNG?

Hỏi: Bồ Tát Quan Thế Âm do tượng mà có, nhưng cũng có sự linh thiêng và cứu độ?

Đáp: Chính vì người ta thấy những bóng ma phảng phất, những sự linh thiêng của những nhân vật tượng tượng nên thế giới siêu hình mới có. Không ai giải thích được những hiện tượng kỳ lạ đó, do đâu mà có, khoa học cũng đành bó tay. Chỉ có những người nhập được chánh định, vượt

qua cảnh giới hữu sắc và vô sắc tức là vượt qua các loại định tưởng thì mới thấy được thế giới siêu hình rõ ràng và sự linh thiêng đó do đâu mà có.

Thân chúng ta gồm năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức

- Sắc là thế giới hữu hình.

- Tưởng là thế giới vô hình.

Người ta hiểu tưởng là do sự tưởng tượng. Tưởng ở đây không phải là tưởng tượng là tưởng ấm cũng như sắc ấm vậy, chứ không phải sự tưởng tượng. Sắc ấm có cảnh giới của sắc ấm như: nhà cửa, cây cỏ, vạn vật, cầm thú, vạn hữu v.v... thì cảnh giới tưởng ấm cũng vậy nó chỉ khác là vô sắc. Vì nó là hình ảnh bóng dáng theo khuôn mẫu của thế giới hữu hình, nó cũng giống như cây cỏ thụ kia và hình bóng của cây. Cây là thế giới hữu hình, còn bóng của nó là thế giới siêu hình, cho nên cây không có thì bóng cũng không có. Vì thế thân người mất thì linh hồn người cũng không còn.

Cảnh giới hữu hình và siêu hình của một người nó theo nhau như hình với bóng. Phước đến thì nó hiện ra giải nạn do một

niềm tin ở vị thần thánh nào đó, ngược lại người đó không tin thần, thánh thì nó khiến người đó lỡ tàu, lỡ xe để thoát nạn.

Đồng thời mọi người cùng thấy ở một góc độ nào đó, thì đó là do cộng nghiệp và do lòng tin, nhưng nó còn tùy ở tướng ấm hoạt động giao cảm mạnh hay yếu.

Người tu tập thiên định, trạng thái tướng xuất hiện kỳ lạ, nếu không có thiện hữu tri thức thì không thể nào ngồi yên nổi để tu. Trường hợp đó người tu nào cũng đều cho đó là thế giới oan hồn đến phá. Thấy một tảng đá, hoặc một người ngồi giữa đường, người lái xe lạng tay lái, gây tai nạn, đó là nghiệp ác đến, tướng ấm xuất hiện ra. Một người té xuống sông, có cảm giác như có người lôi họ xuống nước, đó là nghiệp ác lôi họ xuống, nhờ tạo thiện nên có người cứu thoát họ.

Luật nhân quả nghiệp báo sử dụng sắc ấm và tướng ấm rất là vi diệu mà loài người không thể lường được.

Hàng ngày, một người không tu tập và không trau dồi thân tâm bằng thiện pháp, nhân quả nghiệp báo sai sắc ấm của họ làm

những điều tội ác mà họ không hề hay biết, đến khi tội khổ thì họ lại than trời trách đất, đi cầu khẩn thần thánh gia hộ.

Còn nhân quả nghiệp báo sai tướng âm của họ gây tai họa hoặc cứu họ thoát chết thì họ cho oan hồn, quỷ ma tác họa, ngược lại được phước báo thì cho là thần thánh, chư Phật, chư Bồ Tát gia hộ bình an.

Mọi người sống trong thế giới đối đãi mà không thấy đối đãi. Sống trong thế giới nhân quả mà không thấy nhân quả.

Con người từ nhân quả sanh ra, chết đi về nhân quả, lại không thấy, cho rằng có những linh hồn người chết, có những Thần, Thánh, quỷ, ma. Cho nên Đức Phật dạy: **“Con người là thừa tự nhân quả”**. Đã thừa tự nhân quả thì làm sao có ma được? Có thế giới linh hồn người chết được?

Tất cả các tôn giáo khác đều không vén màn vô minh này, nên tôn giáo nào cũng xây dựng thế giới siêu hình có thật. Và vì thế cuộc đời này đã làm mất đi sự công bằng và công lý của loài người.

Người ta theo các tôn giáo thì được cứu rỗi, được gia hộ; còn ai không theo tôn giáo

thì chẳng được ai cứu rỗi và gia hộ cả. Như vậy có bất công không? Chỉ có Phật Giáo dám xác định thế giới siêu hình khách quan không có, mà có thế giới siêu hình chủ quan do từ tưởng ám lưu xuất. Khi một người còn sống thì có, nhưng khi đã chết thì không có. Vì thế Đức Phật cả quyết xác định thế giới siêu hình là do tưởng tri sản xuất sanh ra chứ không có thế giới thật. ***“Tưởng tri chứ không phải liễu tri”***.

--->❖<---

CÓ CÔI TRỜI KHÔNG?

Hỏi: Kính bạch Thầy, Trời có phải là một trong sáu nẻo luân hồi, nếu làm thiện tương xứng sẽ sanh ở đó. Trong kinh có nói 18 tầng trời hoặc 36 cõi trời. Xin Thầy chỉ cho con rõ?

Đáp: Sáu nẻo luân hồi chỉ là một sự diễn biến nhân quả nghiệp báo, do con người và chúng sanh vì vô minh tạo ra mà phải gánh chịu.

Mười tám tầng trời chỉ cho 18 trạng thái thiện.

Ba mươi sáu cõi trời chỉ cho ba mươi

sáu pháp thiện.

Ví dụ, Thầy nhập Sơ Thiên tức là Thầy đã ở cõi Sơ Thiên Thiên, nhập Không vô biên xứ tướng tức là Thầy đã ở cõi Không vô biên xứ Thiên, nhập nhãn nhục tức là Thầy đã ở cõi Đâu suất Thiên..... Như vậy có phải đợi chết rồi mới sanh về đó đâu? Chỉ cần thực hiện diệt một ác pháp tăng trưởng một thiện pháp là sanh vào cõi trời đó ngay liền, nhưng con phải hiểu thiện pháp có rất nhiều, nên có 33 cõi thiện pháp mà trong kinh gọi là 33 cõi trời, 33 cõi trời tức là 33 trạng thái thiện pháp.

Đó là một trạng thái giải thoát của tâm, khi tâm đã đạt mức độ thiện ở đó, thì tương xứng với cảnh giới Thiên ở đó. Có hiểu được như vậy mới hiểu được Đạo Phật.

Dù cho có các cõi Trời thật sự đi nữa mà tâm chẳng Thiện thì cũng chẳng có ích lợi gì cho chúng ta phải không hở con?

Dù cho không có các cõi Trời đi nữa, mà tâm chúng ta sống trong thiện pháp thì tâm chúng ta cũng được an vui, hạnh phúc như thường. Và như vậy không phải sống trong cõi trời sao? Chứ đâu phải chết mới

được sanh về đó. Chết được sanh về cõi trời đó là một ảo tưởng, một giấc mộng mơ hồ của những người thiếu óc thực tế khoa học.

Sống đang ở trong cõi Trời thì chết về đâu các con có biết không? Hỏi tức là trả lời. Do thế ngay từ trong cảnh sống ở thế gian mà người nào biết ngăn ác, diệt ác pháp thì người ấy đang sống trong Thiên Đàng chứ không phải Thiên Đàng ở cõi giới nào cả.

Thế giới siêu hình Thiên Đàng là do các tôn giáo dựng lên, chỉ là một cảnh giới do tưởng ấm sanh ra, để an ủi tinh thần của một con người yếu đuối đang gặp khổ đau tai nạn, để nuôi hy vọng làm thiện được sanh về đó.....

Người tu sĩ Đạo Phật vì thấu rõ nhân quả nghiệp báo, nên tự lực cứu mình bằng cách sống trong thiện pháp: ***“Các con hãy tự thấp đức lên mà đi”***. Đây là lời kêu gọi thiết tha do lòng đại từ bi của Đức Phật đối với chúng ta.

Nói đến thế giới thì chúng ta phải nói đến sự duyên hợp, có nhiều duyên hợp lại mới thành thế giới, vì thế một thần thức (thức ấm) đơn độc không thể là thế giới

được. Vì thế giới không có thì thế giới siêu hình và linh hồn cũng không có.

Ví dụ: chúng ta lấy một cây cột mà bảo rằng là cái nhà thì không thể được, vì cái nhà phải có nhiều duyên hợp lại như: cột, kèo, cửa sổ, cửa cái, vách, đòn tay, ngói gạch hợp lại thì mới gọi là cái nhà được.

Tóm lại thế giới siêu hình không có mà chỉ có những trạng thái thiện, ác pháp mà thôi.



Chương VII

TÙ TUỆ HỎI ĐẠO



CHÁNH KIẾN

Hỏi: Con kính trình Thầy những vấn đề con nhận thức được sau thời gian được Thầy chỉ dạy và cả những câu hỏi xin Thầy giảng dạy để con thấu hiểu hơn.

1- Thầy dạy câu: “Chỉ có tâm ly dục mới hiểu được mình, được người bằng chánh kiến”. Con đã suy tư và nhận thấy:

Tâm không ly dục ly ác pháp là tâm còn vẫn đục, đen đúa, ví như cái kiếng đen mà còn bị chà xước làm sao thấy được người đúng như thật. Tâm ly dục là tâm trong sáng như pha lê, thấy người như thật có và thấy mình như thật có.

Đáp: Đúng vậy, con đã hiểu những lời Thầy dạy, mặc dù các kinh có giải thích về chánh kiến, thấy thân, thọ, tâm, pháp

là vô thường, khổ, không, vô ngã, thấy 12 nhân duyên hợp là thế giới khổ, thấy 12 nhân duyên rã là hết khổ, thấy thân ngũ uẩn không phải là ta, không phải của ta, không phải tự ngã của ta. Thấy biết đúng như vậy gọi là chánh kiến.

Tuy dựa theo các kinh để hiểu biết, nhưng không phải như vậy, vì thế tâm vẫn còn chấp ngã, tham, sân, si vẫn đầy dẫy thì làm sao gọi là **“chánh kiến được, chỉ khi nào tâm ly dục ly ác pháp thì mới thấy thân, thọ, tâm, pháp, vô thường, khổ, không, vô ngã như thật (chánh kiến)”**.

Tóm lại khi nhìn thấy hình sắc xấu, tốt cũng như khi nghe âm thanh thuận tai, chướng tai, khi cảm giác êm ấm, thoái mái dễ chịu, khi ngửi một mùi thơm hay thối đều không có chướng ngại thân tâm thì đó là chánh kiến; khi lục căn tiếp xúc lục trần không dính mắc là chánh kiến, tức là một sự hiểu biết mà không có khổ đau, đó là chánh kiến.

Một sự hiểu biết mà không có sự dối trá, gian xảo, không có sự lừa đảo, lường gạt, không có sự phi đạo đức thì đó là chánh kiến.

Một sự hiểu biết mà không có ảo tưởng, trừu tượng, không có tướng tri thì đó là chánh kiến.

Ví dụ: không có thế giới siêu hình mà cho rằng có là không phải chánh kiến. Không Cực Lạc, Tây Phương, không có Thiên Đàng mà cho rằng có là không phải chánh kiến.

Không có thần thức, không có linh hồn, không có Phật tánh, không có đại ngã, không có tiểu ngã, không có bản thể vạn hữu mà cho rằng có, đó là không phải chánh kiến.

Chánh kiến nơi đâu thì nơi đó có đời sống giới luật, nơi đâu có đời sống giới luật thì nơi đó chánh kiến. Nơi đâu sống đời sống phạm giới, phá giới thì nơi đó không có chánh kiến.

Nơi đâu có chánh kiến thì nơi đó có tâm hồn thanh thản, an lạc và vô sự. Và vì vậy nơi đó có sự giải thoát của Đạo Phật.



SAU KHI NHẬP DIỆT CHƯ PHẬT CÒN TRỞ LẠI THẾ GIAN NỮA KHÔNG?

Hỏi: Đức Bốn sư Thích ca Mâu ni và các vị Phật xưa kia, sau khi nhập diệt từ bỏ xác thân có trở lại thế gian nữa không?

Đáp: Đức Bốn sư và các vị Phật xưa kia, sau khi nhập diệt từ bỏ sắc thân không còn trở lại thế gian nữa.

Trong kinh Nguyên Thủy thuộc tạng kinh A Hàm, Đức Phật Thích Ca đã xác định điều này rất rõ ràng. ***“Ta chỉ còn một kiếp này nữa thôi”***. Tại sao chư Phật không tái sinh lại cõi thế gian này nữa?

Chư Phật không tái sinh lại cõi thế gian này nữa, vì cõi thế gian đầy dẫy các ác pháp, con người trên thế gian này có việc gì thì ăn thua đủ, không biết nhẫn nhịn, hung dữ, chửi mắng, sỉ mạ, gian xảo, lừa đảo, điêu hoa, xảo quyệt, giả dối, nhiều chuyện, gian ác, hiểm độc v.v.....

Chư Phật không dám tái sinh lại cõi thế gian này nữa, là vì khí hậu thời tiết khắc nghiệt, lúc nắng, lúc mưa, gió bão bất thường, lại thêm bão lụt, động đất, thủy tai,

hỏa hoạn, giặc giã, trộm cướp, giết người chẳng chút lòng xót thương v.v.....

Chư Phật không dám tái sanh lại cõi thế gian này nữa, là vì mang thân tứ đại này giống như ở tù chung thân đi đâu cũng không được tự tại, tự do rất là khổ sở.

Chư Phật không dám tái sanh lại cõi thế gian này nữa, là vì mang thân tứ đại này như ở trong ổ bệnh, nóng nực quá chịu không nổi, lạnh quá chịu cũng không xong, mỗi mỗi đều có thể xảy ra gây thương tích làm đau nhức không xiết kể. Thân tứ đại lại vô thường nên thường xảy ra bệnh tật, khi bệnh tật thì khổ đau vô cùng, vô tận. Vì thân tứ đại vô thường, nên không tránh khỏi sự già nua, mà hễ già nua thì tay chân run rẩy, đi đứng không vững vàng, thì thật là khổ sở vô cùng. Vì thân tứ đại vô thường nên sự hoại diệt chắc chắn phải đến, đến trong sự đau khổ tử biệt sanh ly.

Cho nên khi một Đức Phật nhập diệt không tránh khỏi cả một trời đau thương phải không hỏi các con?

Khi còn là một học Tăng Thầy đọc kinh Niết Bàn, trước giờ phút Đức Phật nhập

diệt cả Trời Người đều khóc thương thảm thiết, khiến Thầy cũng xúc động khóc theo. Đây không phải là sự đau khổ tận cùng của sự chia ly hay sao?

Cho nên một Đức Phật ra đi, bỏ báo thân này thì không bao giờ trở lại làm thân người nữa, không phải chư Phật sợ khổ đau làm thân chúng sanh, mà chính duyên chúng sanh đã hết. Nếu còn duyên với chúng sanh thì Đức Phật không bao giờ nhập Niết bàn, Ngài phục hồi sự sống rất dễ dàng, muốn sống bao lâu cũng được.

Hết duyên với chúng sanh, có nghĩa là duyên nhân quả đã hết. Mục đích của một người tu theo Đạo Phật là phải trả sạch nhân quả, có nghĩa là không còn nợ nhân quả, không còn nợ nhân quả tức là một người sống toàn thiện, vì sống toàn thiện là thoát khổ, cho nên không còn nghiệp lực nhân quả đi tái sanh, không còn nghiệp lực nhân quả đi tái sanh, thì lấy cái gì để đi tái sanh, cái đi tái sanh đã bị diệt rồi và nợ nhân quả cũng hết rồi thì còn duyên nghiệp gì, để loài người đi tái sanh nữa.

Mục đích phải đạt của một vị tu sĩ là tu thành Phật, thành Phật để chấm dứt duyên

ngiệp tái sinh luân hồi. Khi chấm dứt rồi thì còn lấy cái gì đi tái sinh. Mâm tái sinh đã bị diệt ngay từ lúc hướng tâm đến Lộ Tận Minh.

Mâm tái sinh làm người đã dứt thì nợ nhân quả đã hết, nợ nhân quả đã hết thì duyên chúng sanh đã hết, duyên chúng sanh đã hết, thì dù có muốn tái sinh cũng không làm ích lợi cho con người. Vì hết duyên, có thuyết giảng, có dạy đạo chúng sanh cũng chẳng nghe.

Ví dụ hiện giờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có tái sinh trở lại dạy người tu hành thì người ta vẫn phỉ báng rằng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy pháp điên, dạy lỗi thời, dạy không đúng giáo pháp Đại Thừa và Thiền Đông Độ, dạy cho những người sơ cơ còn có chúng, có đắc, còn pháp môn hiện giờ vô chúng, vô đắc, tự tại, vô ngại đối ăn, khát uống, không chấp giới luật.

Do những điều trên đây mà chư Phật nhập diệt rồi thì không bao giờ trở lại cảnh giới thế gian này nữa.



KHI NHẬP DIỆT ĐỨC PHẬT ĐÃ TRỞ THÀNH SÓNG ÁNH SÁNG?

Hỏi: Có phải các vị Phật đã trở thành ánh sáng (sóng ánh sáng). Ánh sáng này mang năng lượng tỉnh giác, trí tuệ, không phải ánh sáng do mặt trời chiếu?

Đáp: Khi nhập diệt, bỏ sắc thân này tức là chấm dứt tái sinh luân hồi, chấm dứt tái sinh luân hồi tức là chấm dứt sự đau khổ của muôn vạn kiếp làm chúng sanh.

Khi chấm dứt tái sinh luân hồi, thì không trở thành ánh sáng (sóng ánh sáng), mang năng lượng tỉnh giác trí tuệ.

Khi vào Niết bàn bỏ xác thân này, thì chư Phật luôn luôn lúc nào cũng ở trong trạng thái thanh thản, an lạc và vô sự, chỗ tâm không còn ái dục. Lúc còn sống khi tu xong chư Phật đều ở trong Niết bàn này, cho đến khi chết thì trạng thái này vĩnh viễn không bao giờ mất. Chứ không trở thành sóng ánh sáng như người khác tưởng mà là một từ trường trong muôn vạn từ trường khác nhưng nó lại thanh thản, an lạc và vô sự.

Trong không gian có một từ trường thanh thản, an lạc và vô sự, vì thế người tu hành giữ gìn tâm không phóng dật là ở trạng thái từ trường đó, nên tâm chúng ta và từ trường đó là một. Nếu trong không gian mà không có từ trường đó, thì chúng ta không tu tập có được tâm thanh thản, an lạc và vô sự.

Cũng như, có tứ đại bên ngoài, thì thân tứ đại của chúng ta mới tồn tại, hay nói cách khác cho hiểu rõ ràng hơn. Có tứ đại bên ngoài thì mới nuôi sống thân tứ đại của chúng ta. Nếu bên ngoài không có tứ đại, thì thân tứ đại của chúng ta cũng không có.

Cho nên trạng thái thanh thản, an lạc và vô sự bên ngoài không có thì tâm chúng ta cũng không giữ gìn được thanh thản an lạc và vô sự.

Vì thế khi một Đức Phật đã nhập Niết bàn thì không bao giờ trở lại tái sinh đời này nữa, chỉ có những người tu chưa xong nên còn mê đắm tái sinh và nợ nhân quả chưa dứt tức là còn duyên với chúng sanh.



CÓ PHẢI PHẬT LÀ TRÍ TUỆ CỦA MỘT VỊ MINH SƯ KHÔNG?

Hỏi: Có phải Phật là trí tuệ của vị Minh sư, vị A La Hán đang tại thế không?

Đáp: Đúng vậy, Phật là trí tuệ của vị Minh sư, vị A La Hán đang tại thế.

Nhưng phải biết phân biệt vị Minh sư và vị A La Hán là bậc sống đúng giới hạnh (phạm hạnh), không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào. Đó chính những bậc này là trí tuệ của Phật, của bậc A La Hán. Vì thế, Phật là trí tuệ của họ.

Vì Đức Phật đã xác định trí tuệ ở đâu là giới luật ở đó, giới luật ở đâu là trí tuệ ở đó. Cho nên Phật là trí tuệ của vị Minh sư, nhưng vị minh sư sống phạm giới, phá giới thì vị minh sư ấy không phải là trí tuệ của Phật, họ chỉ là một học giả mà thôi.

Phật tử chỉ cần xét vị Minh sư của mình qua giới luật của Phật, thì sẽ rõ thấu vị minh sư hay là vị ám sư, nếu là minh sư thì giới luật nghiêm chỉnh, còn ám sư thì phạm giới, phá giới, thường sống trong chùa to Phật lớn; sống theo dục lạc thế gian;

sống như người giàu sang thế tục; sống ăn uống phi thời; sống cất giữ tiền bạc, châu báu, ngọc ngà; sống xem tivi, ca hát, nhạc kịch, phim ảnh v.v....Đó là những vị ám sư chứ không phải minh sư.

Vị Minh sư luôn luôn lúc nào cũng lấy giới luật làm hạnh sống của mình, lấy giới luật làm thước đo tâm lý dục ly ác pháp của mình, lấy giới luật làm tiêu chuẩn xét lại tâm mình có định hay chưa có định, lấy giới luật làm bản đồ, để chỉ hướng đến con đường giải thoát, mà không sợ lạc lối, không sợ lầm đường; lấy giới luật để làm ngọn đuốc sáng cho mọi người soi. Vì thế mỗi ngày tu là nghiệm thấy kết quả giải thoát ngay liền.

--->❖<---

ÁNH SÁNG TRÍ TUỆ

Hỏi: Vị Minh sư tỏa sáng đều khắp cho chúng sanh. Chúng sanh nào có tâm ly dục trở nên trong sáng sẽ được hưởng ánh sáng nhiều và ngược lại.

Đáp: Vị Minh sư luôn tỏa ánh sáng trí tuệ đều khắp cho chúng sanh. Chúng sanh

nào có đủ duyên với Phật pháp, nên khi gặp được ánh sáng trí tuệ đó, liền đặt trọn lòng tin kiên cố ở vị Minh sư, nhiệt tâm thực hiện lời dạy của Người, sống đúng, tu tập đúng, nhờ đó tâm ly dục ly ác pháp. Ngày ngày tâm trở nên trong sáng hơn và thụ hưởng ánh sáng trí tuệ đó nhiều hơn.

Ánh sáng trí tuệ Phật luôn luôn tỏa khắp trong không gian, như không khí mà quý vị đang hít thở, nếu quý khởi một niệm thiện pháp thì ánh sáng đó trở thành trí tuệ của quý vị, tức là quý vị đang hành động một đạo đức nhân bản không làm khổ mình khổ người.

Vì thế kẻ nào sống trong thiện pháp biết ngăn ngừa ác pháp, là đang sống trong trí tuệ của Phật, trí tuệ của vị minh sư, ngược lại sống không biết ngăn ác, diệt ác pháp, sống phạm giới, phá giới là sống xa lìa trí tuệ Phật, không hưởng được ánh sáng của vị Minh sư, tức là sống xa lìa sự giải thoát của Đạo Phật.

Phật lúc nào cũng sống bên chúng sanh, còn chúng sanh thì lúc nào cũng sống xa Phật. Tại sao vậy?

Vì chúng sanh thường sống trong ác pháp, còn Phật thì sống trong thiện pháp. Nếu chúng sanh biết sống trong thiện pháp thì đó là trở về với Phật, còn chúng sanh sống trong ác pháp, là xa lìa Phật, dù muốn gần Phật cũng không được, dù hết lòng cầu khẩn cũng không được.

Cho nên Đạo Phật rất đơn giản nhưng người không biết tu tập sai pháp như: ngồi thiền, tụng kinh, niệm Phật, niệm chú, bắt ấn, đọc thần chú, bái sám, lạy hồng danh chư Phật, cầu an, cầu siêu v.v..... đều là những việc làm đi ngược lại với Phật Giáo. Gây tạo ra nhiều màu sắc mê tín, dị đoan, ảo giác, trừu tượng...Phần nhiều sống trong ảo mộng. Xét lại tất cả các tôn giáo hiện có mặt trên hành tinh này đều có sự giống nhau, không rơi vào hình thức mê tín này, thì lại rơi vào hình thức mê tín khác. Đó là, vì chịu ảnh hưởng chung trong một bối cảnh siêu hình của tưởng tri

Vì thế, khi Đức Phật tịch các tu sĩ ngoại đạo cố gắng lồng thế giới siêu hình vào Đạo Phật, để biến Phật Giáo giống như các tôn giáo khác, để dễ bề chúng phát triển thế giới siêu hình.

Nếu Đạo Phật giẫm lại lối mòn của các tôn giáo khác, thì Đạo Phật không còn ý nghĩa tự lực của đạo giải thoát nữa.

Nhìn chung toàn bộ kinh sách Đại Thừa đều là một kho giáo giáo lý góp nhặt những tưởng tri của các nhà triết học tôn giáo và thế tục.

Lý luận, nghe rất siêu, nhưng áp dụng vào đời sống con người thì ích lợi không bao nhiêu mà tai hại thì rất nhiều.



DIỆT NGÃ

Hỏi: Thầy dạy: “Đạo Phật là Đạo diệt ngã”. Con hiểu rằng muốn diệt ngã là phải tu đức nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng là để không gặp đối kháng trong đời, để khỏi hao phí lực.

Đáp: Đúng vậy, con đã hiểu đúng ý Thầy dạy phần thứ nhất (không hao phí lực).

Phần thứ hai: nhẫn nhục là tu tâm từ bi; tùy thuận là tu tâm xả; bằng lòng là tu tâm hỷ. Do thế tâm hồn con mới được an

lạc thanh thân và giải thoát.

Phần thứ ba: nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng là giúp con tu tập ly dục, ly các ác pháp; ly dục ly các ác pháp tức là diệt ngã. cho nên người tu sĩ không ly dục ly ác pháp, thì không bao giờ diệt ngã được, nhưng ly dục ly ác pháp phải có những pháp hành đúng đắn, nếu không có pháp hành đúng đắn thì sẽ bị phí sức, đôi khi còn lạc vào thiền ức chế tâm, đã không có được giải thoát mà còn sanh bệnh tật rất nguy hại và hiểm nghèo.

Sự tu tập theo Phật Giáo phải có thiện hữu tri thức (người đã tu xong), hướng dẫn thì sự tu tập diệt ngã xả tâm không có phí sức.

Bởi vì, tu theo giáo pháp của Đức Phật, rất nhẹ nhàng, không có khó khăn không có mệt nhọc, không có phí sức.

Còn tu sai không đúng pháp thì phí sức nên sanh ra lười biếng, hôn trầm, thù miên, trạo cử, mệt nhọc, tinh thần thiếu sáng suốt, lơ đãng, không tỉnh giác, hay quên trước, quên sau, lẫn lộn v.v....

Còn tu đúng pháp thì thân tâm nhẹ

nhàng, an lạc, thoái mái, dễ chịu, thích tu, siêng năng tinh tấn, không lười biếng, nhất là lúc nào tâm hồn cũng thanh thản, an lạc, hân hoan, và vô sự.

Tu đúng pháp thì sức khỏe dồi dào, ít bệnh tật. Tuy rằng ngày ăn một bữa cơm, không ăn uống lặt vặt, phi thời nhưng sức khỏe không bị tổn giảm.

Cho nên tu theo pháp của Đức Phật liền có sự giải thoát nơi thân tâm, nếu không có giải thoát ngay liền, thì đó là chúng ta đã tu sai, cần nên tu sửa trở lại cho đúng cách.

Người tu theo Đạo Phật không sợ lạc lối, không sợ tu sai pháp. Vì Đạo Phật xây dựng giáo lý của mình trên nền tảng đạo đức làm người, không làm khổ mình, khổ người. Vì thế mỗi hành động thân, khẩu, ý đều xuất phát đầy đủ trọn vẹn thiện pháp.

Người sống trọn vẹn đầy đủ thiện pháp, là người hạnh phúc nhất thế gian, do đó không còn sự khổ đau nào xâm chiếm tâm hồn họ được.

Vì vậy khi bắt đầu tu, là phải sống trong thiện pháp, một thiện pháp được sống và tăng trưởng thì một ác pháp được đẩy lui

và diệt trừ. Một ác pháp được đẩy lui và diệt trừ, thì ngay đó chúng ta có tìm thấy sự giải thoát không? Chắc chắn là có, như vậy chúng ta tu tập theo Phật Giáo làm sao sợ sai pháp được? Làm sao đi lạc lối được? Có tu là có giải thoát, có sống là có đạo đức làm người, không làm khổ mình khổ người phải không hỏi các con?



THIỆU DỤC TRI TỨC

Hỏi: Thiệu dục, tri tức như con hiểu là để bớt công sức tạo ra vật chất bồi đắp cho mình và bớt công sức tiêu hao vật chất mà mình thu nhận vào thân.

Đáp: Đúng vậy, con đã hiểu được phần thứ nhất thuộc về phần tiết kiệm công sức của thân và tâm. Còn phần thứ hai, thứ ba và thứ tư thuộc về tâm khiến cho tâm con buông xả mọi vật chất (các pháp trần), dù trong hoàn cảnh nào, tâm vẫn thấy đủ, đó là cách thức xả tâm, diệt ngã.

1/ Phần thứ nhất là tiết kiệm công sức, để vun đắp năng lực cho sự xả tâm, ly dục, ly ác pháp.

2/ Phần thứ hai cũng thuộc về tâm, nhờ sống ít muốn biết đủ nên tâm dần dần ly dục, ly ác pháp, không còn ham muốn vật chất thế gian (các pháp), nên lúc nào tâm cũng thanh thản, vô sự và an lạc.

3/ Phần thứ ba thiếu dục, tri túc là một Thánh hạnh, một đức hạnh buông xả giải thoát mà người phàm phu không thể sống nổi, không thể làm được. Nhất là hạnh thiếu dục, tri túc, ba y, một bát của một vị Tỳ Kheo đệ tử của Đức Phật thì ít có ai sống và làm được.

Nói đến hạnh thiếu dục tri túc là nói đến một tâm hồn trắng bạch như vỏ ốc, phóng khoáng như hư không. Trên đời này, không còn có một vật gì ràng buộc tâm hồn của họ được. Đi ở tùy thích không có chùa to, Phật lớn, không có nhà cao cửa rộng. Nhất là họ đã thoát ra khỏi kiếp nô lệ tiền bạc, vì họ không cất giữ tiền bạc. Trên đời này khó mà có ai sống như họ được. Có như vậy mới gọi là hạnh thiếu dục, tri túc, ba y, một bát.

Nếu một người tu theo Đạo Phật mà không sống hạnh thiếu dục, tri túc, không ba y, một bát, thì cuộc đời tu hành của

những người này không bao giờ tìm thấy sự giải thoát chân thật, dù trong một phút, một giây cũng không có. Tâm hồn họ còn nặng nề và đang bị trói buộc bởi các pháp thế gian (dục và ác pháp).

---->❖<----

TỈNH GIÁC

*Hỏi: **Cẩn thận, kỹ lưỡng, dè dặt, kín đáo** như con hiểu là để quay vào kiểm soát thân tâm, để khỏi bị đời lôi cuốn. Tất cả để bảo tồn năng lượng, năng lực tự chủ, để tới lúc đủ lực vút lên khỏi ngục tù xác thân?*

Đáp: Đúng vậy, con đã hiểu được phần thứ nhất về định lực, còn phần thứ hai, thứ ba và thứ tư để Thầy sẽ giảng rõ cho con hiểu thêm:

2- Thứ hai là hạnh lực **“Cẩn thận, kỹ lưỡng, dè dặt, kín đáo”**, đó là giữ gìn hành động thân, hành động lời nói và hành động suy nghĩ, làm cho oai nghi, tế hạnh của con nhẹ nhàng, êm dịu, ôn tồn, nhã nhặn, những hành động đó không thể vô tình, vô ý được. Vì vậy khiến cho các con không làm khổ mình, không làm khổ người khác nữa.

2/ Phần thứ ba là phần tỉnh thức. Khi có cẩn thận, kín đáo, dè dặt, kỹ lưỡng thì phải có sức tỉnh thức rất cao, nếu không tỉnh giác thì cẩn thận, kỹ lưỡng, dè dặt, kín đáo chỉ là danh từ suông.

Như con đã biết, về vấn đề tu tập hàng đầu của Đạo Phật là tu tập tỉnh giác, có tỉnh giác mới phát hiện được ác pháp và lòng tham đắm của mình, nếu không tỉnh giác mà nói tu theo Đạo Phật thì chỉ hoài công vô ích. Cho nên sự tu tập tỉnh thức là một vấn đề quan trọng của Đạo Phật.

Phần thứ tư là phần chánh niệm khi có cẩn thận, dè dặt, kỹ lưỡng, kín đáo thì tâm luôn luôn ở trong chánh niệm, không có tà niệm xen vào, tức là không có niệm ác.

Tuy những danh từ đơn giản nhưng hiểu ra để tu tập, trau dồi thân tâm là một công trình tu tập, mà còn phải biết các pháp hành đúng như pháp của Phật thì mới có kết quả tốt đẹp.

Cho nên, người nào có tánh cẩn thận, kỹ lưỡng, dè dặt, kín đáo thì ngoài đời làm ăn cũng dễ thành công, trong đạo tu hành

cũng dễ thành tựu viên mãn.

Vì có cẩn thận, kỹ lưỡng, dè dặt, kín đáo thì sự tu hành dễ tỉnh thức, các chương ngại pháp ít xâm chiếm thân tâm. Người cẩn thận, kỹ lưỡng, dè dặt, kín đáo mỗi tâm niệm thiện hay ác khởi lên, người ấy dễ nhận thấy được một cách dễ dàng.

Người không có tánh cẩn thận, kỹ lưỡng, dè dặt, kín đáo, tánh tình thường thô lỗ, cộc cằn, hung dữ thì tu hành rất khó khăn và đôi khi sự tu hành chẳng đi đến đâu cả, chỉ mang tiếng tu hành, chứ chẳng có ích lợi gì cho mình, cho người.

Tánh cẩn thận, kỹ lưỡng, dè dặt, kín đáo rất quan trọng cho cả cuộc sống đời, lẫn cuộc sống đạo.

Người tu tập tỉnh thức, tức là tu tập thân hành niệm, tu tập thân hành niệm, tức là tập luyện tánh cẩn thận, kỹ lưỡng, dè dặt, kín đáo, chứ không phải sự tập trung tâm vào bước đi hoặc mọi hành động của thân, để cho tâm không khởi niệm vọng tưởng, đó là một sự tu tập sai lầm của các cư sĩ và tu sĩ, họ đã từng tu tập như vậy đã bao thế kỷ nay, mà chẳng có ai đạt được ích

lợi gì cho bản thân của mình và cho người khác.

Còn tu tập rèn luyện tánh cẩn thận, kỹ lưỡng, dè dặt, kín đáo thì ngay trong sự kỹ lưỡng, dè dặt, cẩn thận, kín đáo đó trên mỗi hành động thiện hay ác của họ, liền có sự giải thoát, khiến cho thân tâm được an lạc, thanh thản và vô sự. Vì sự cẩn thận, kỹ lưỡng, dè dặt, kín đáo (tỉnh giác) trong thiện pháp (Chánh niệm) nên thường ngăn chặn và diệt trừ các ác pháp (tà niệm).



THẾ GIỚI SIÊU HÌNH

Hỏi: “Thế giới siêu hình”. Dựa theo lời Thầy dạy con hiểu thế giới siêu hình như cái tivi, đầu video, những cuốn băng hình do con người tạo ra, để thu giữ những hình ảnh của thế giới con người hoặc là thế giới thần tiên cũng do con người diễn xuất. Nếu đập vỡ phương tiện thì chẳng còn gì. Con sợ con sa vào tưởng tượng nên con mạnh dạn trình Thầy để Thầy chỉ dạy.

Đáp: Đúng, con đã hiểu được ý của Thầy nói về thế giới siêu hình. Còn có sắc

thân này còn có cảnh giới siêu hình, nếu sắc thân này mất, thì cảnh giới siêu hình cũng mất.

Bởi vì con người đang sống trong thế giới đối đãi, thế giới duyên hợp nên cái này có cái kia có, cái này mất cái kia mất.

Con ví dụ rất khéo, thế giới siêu hình như cái tivi đầu máy video và cuốn băng quá cụ thể và rõ ràng, khiến cho mọi người đều có thể nhận ra được.

Bởi sắc uẩn nó là cái tivi, tướng uẩn là đầu máy video còn cuộn băng là năng lực của tướng thức. Nên chiêm bao, mộng寐, hình bóng ma, quỷ, linh hồn, thần, tiên, lên đồng, nhập xác cô, cậu đều do sắc uẩn tức là thế giới hữu hình của chúng ta đang sống và đóng những vai trò trên sân khấu của tướng uẩn, tạo ra những hình ảnh sống động khiến cho mọi người đều lầm tưởng là có thế giới siêu hình như thật. Nếu không đập vỡ sắc uẩn, tướng uẩn và tướng thức (tivi, đầu máy video và cuốn băng) thì ngàn đời người ta đều cho có thế giới siêu hình như thật.

Ví dụ: của con ở trên rất chính xác

khiến cho mọi người dễ nhận ra thế giới siêu hình do từ đâu mà có. Nếu không có sắc uẩn, tướng uẩn và tưởng thức thì thế giới siêu hình cũng không có.

Khi một người chết thì tướng uẩn và tưởng thức cũng tan hoại theo năm uẩn của nó, thì thử hỏi linh hồn của con người làm sao còn được?

Vậy mà sự vô minh, mê muội của con người không thấy như thật, nên cho người chết còn có linh hồn bất tử luôn luôn đi tái sinh luân hồi thì thật là sống trong mơ mộng.

Do không chân thật nhận ra bằng ý thức, mà chỉ nhận qua trạng thái tướng uẩn và tưởng thức của chính bản thân mình lưu xuất. Vì thế mà thế giới siêu hình không một ai dám xác nhận thế giới siêu hình không có. Thậm chí cho đến các nhà khoa học dù ở phương Đông cũng như ở phương Tây, không có một nhà khoa học nào dám khẳng định không có thế giới siêu hình, vì không thể đem khoa học chứng minh chính xác được những hiện tượng xảy ra của tướng uẩn và tưởng thức.

Những nhà ngoại cảm đã mang đến những hiện tượng siêu hình, khiến cho các nhà khoa học không thể giải thích được, nên đành phải câm miệng, nhưng cũng không dám bảo rằng có, cũng không dám bảo rằng không. Nếu bảo không có thì không giải thích được những hiện tượng siêu hình thì ai tin cho, còn bảo rằng có thì không chứng minh được những hiện tượng như sương, như khói, không gian và thời gian không bị chia cắt và trải dài là cái gì?

Khi các nhà Khoa học không chứng minh những hiện tượng của tưởng uẩn được là vì trí tuệ của các nhà khoa học còn trong sự hạn chế của trí tuệ hữu hạn. Còn những nhà tu hành đạt được trí tuệ vô hạn nên họ đã thấy biết rất rõ ràng các pháp trong vũ trụ. Khi họ nói ra một điều gì, nếu chúng ta chịu khó tư duy, suy nghĩ thì chúng ta sẽ hiểu một cách cụ thể, không có mơ hồ và trừu tượng.

Bởi vì trong hiện tại chúng ta nói, làm, suy nghĩ một việc gì thì những việc ấy còn lưu lại mãi trong không gian mà không bao giờ mất. Vì thế tưởng uẩn của các nhà ngoại cảm bắt gặp những âm thanh, sắc tướng đó.

Nhưng vì là tướng uẩn muốn trình bày sự bất gặp đó, nó phải dùng hai trường hợp:

1/ Phải thể hiện qua giác mộng (chiêm bao).

2/ Phải thể hiện qua sự nhập xác (đánh thiếp, lên đồng, nhập cốt....)

Không thể mượn ý thức diễn đạt, vì bấy giờ ý thức không còn hoạt động, vì thể tướng thức chỉ còn có cách thể hiện diễn đạt bằng hai cách nói trên.

Do tướng uẩn diễn đạt như vậy, nên chúng ta mới lầm tưởng có linh hồn người về nhập xác người sống. Và còn nhiều hiện tượng khác nữa như: sắc tướng (hình bóng như sương như khói v.v....), thính tướng (tiếng than khóc, tiếng kêu, tiếng hú giữa ban đêm v.v....), xúc tướng (cảm giác ớn lạnh, gió lay bức màn, xúc tướng loài bướm bay hoặc đậu nơi người vừa chết v.v.....).

Tất cả những hiện tượng này xảy ra, nếu không có một người tu chứng, vượt qua tướng uẩn thì không ai dám bảo rằng: không có thế giới siêu hình, có nghĩa là có đời sống sau khi chết.

Từ khi chúng tôi được sanh làm người thì cái thế giới siêu hình luôn luôn được ngự trị trong tôi, trên hết là cõi Niết Bàn tức là cõi Phật, kế đó là cõi Trời tức là cõi của chư Thiên ở, cõi Thần, Thánh, cõi quỷ, cõi ma v.v..... Tất cả những cõi trên đây đều là những cảnh giới của thế giới siêu hình hay nói cho dễ hiểu hơn là cõi của những linh hồn người chết. Đến khi tu tập, nhập được các định, vượt qua được tướng uẩn, chúng tôi mới nhận thấy, thế giới linh hồn của người chết không có, nhưng chúng tôi không nói ra, nói ra sợ người ta không tin. Đến khi đọc lại toàn bộ kinh sách từ Đại Thừa đến Nguyên Thủy thì chúng tôi thấy bài kinh Pháp Môn Căn Bản trong kinh Trung Bộ, Đức Phật đã xác định thế giới siêu hình không có. Bài kinh này là một cơ sở vững chắc để triệt tiêu thế giới siêu hình. Nhờ có triệt tiêu thế giới siêu hình thì mới có thể xây dựng nền đạo đức nhân bản nhân quả cho loài người trên hành tinh này. Nếu thế giới siêu hình có, thì luật nhân quả không có, luật nhân quả không có thì không thể có công bằng và công lý và loài người chỉ là loài ác thú.

Muốn cho cuộc sống của con người có

công bằng và công lý thì đạo đức nhân bản nhân quả phải được triển khai, biên soạn và viết ra thành bộ sách đạo đức làm người để giúp cho con người biết cách thực hiện sự công bằng và công lý trên hành tinh này.

Muốn cho cuộc sống của con người có công bằng và công lý thì trước tiên chúng ta phải triệt tiêu thế giới siêu hình, như chúng tôi đã nói ở trên. Vì còn có thế giới siêu hình thì chúng ta không thể áp dụng đạo đức nhân bản nhân quả vào cuộc sống của loài người được.

Nếu không áp dụng đạo đức nhân bản nhân quả vào cuộc sống của loài người thì loài người không còn có sự công bằng và công lý nữa.



TU TẬP CÓ ĐỐI TƯỢNG

Hỏi: Thưa Thầy, con tu tập xả tâm bằng cách: lấy người khác thường làm khó khăn, làm đối tượng tu tập buông xả, dẹp bỏ sân, si, phiền não. Nhờ tu tập như vậy lần lần thấy hết và những khó khăn được gỡ dần, bản thân con thấy an ổn hơn. Bây giờ

con bắt đầu tập xả tâm nhớ thường tương tự như vậy. Con trình Thầy cách tập luyện như vậy có được không?

Đáp: Được, đó là lấy đối tượng tu tập Định vô lậu, rất thực tế và cụ thể, Cô Út Diệu Quang thường tạo đối tượng giúp các cháu gái tu tập Định vô lậu xả tâm diệt ngã, ly dục ly ác pháp này.

Cách thức tu tập này rất khó, nếu là người có chí, có nhiệt tâm, có nhiệt huyết tìm đường tu hành để giải thoát đau khổ của cuộc đời thì một thời gian ngắn đã giải thoát hoàn toàn, đắc định và chứng Tam Minh không có khó khăn. Bằng ngược lại thì đau khổ nhiều, tâm thường sanh oán hận. Nếu tâm thường sanh oán hận, người này đang sống trong cảnh địa ngục và cuối cùng cuộc đời tu hành của họ cũng chẳng có ích gì cho chính bản thân họ, lại càng làm cho họ khổ đau hơn.

Lấy đối tượng tu tập Định vô lậu là phải thông suốt lý nhân quả, lý duyên hợp, thân ngũ uẩn, và còn phải dùng pháp hướng tâm “tâm như cục đất”, phải tập tỉnh thức trong mọi công việc làm hàng ngày, phải thiếu dục tri túc; phải giữ gìn sáu căn: mắt,

tai, mũi, miệng, thân và ý không cho dính mắc sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Có tu tập như vậy kết quả giải thoát mới đem lại đời sống an lạc, hạnh phúc chân thật cho chính bản thân của mình.

Tu tập có đối tượng, tức là tu tập Tứ Chánh Cần, tu tập Tứ Chánh Cần có bốn phần:

1/ Ngăn ngừa các ác pháp, giúp tâm không phóng dật theo các pháp bên ngoài.

2/ Đoạn diệt các ác pháp, quyết tâm tận diệt các ác pháp, khi các ác pháp đã làm chướng ngại tâm, làm cho tâm phiền não và khổ đau.

3/ Luôn luôn giữ gìn và bảo vệ tâm trong thiện pháp, không để tâm bị ác pháp xâm chiếm.

4/ Lúc nào cũng tìm mọi cách để tâm được thanh thản, an lạc và vô sự.

Tu có đối tượng là người phải có nghị lực, dũng cảm, gan dạ, kiên nhẫn, bền chí. Luôn luôn chiến đấu, nhưng quyết định phải dành được phần thắng về mình, nhất định là không chịu thất bại trước các ác pháp

nào cả.

Người có ý chí có quyết tâm như vậy thì chắc chắn phải thành tựu viên mãn trong sự tu tập.

Tu có đối tượng tuy khó, nhưng kết quả dễ nhận ra và nhận ra rõ ràng, cụ thể. Tu tập có đối tượng không sợ bị ức chế tâm, không sợ lạc vào thiên tưởng, nhưng phải tránh sự chịu đựng.

Tu tập có đối tượng dễ phát triển tri kiến giải thoát, vì phải thường xuyên quán xét, tư duy, suy nghĩ, làm việc nhiều về trí óc. Phát triển tri kiến giải thoát tức là phát triển trí tuệ đạo đức nhân bản nhân quả.

Người tu tập phát triển tri kiến giải thoát là người sống đúng giới luật không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào cả. Nhờ đó tâm họ ly dục ly ác pháp một cách dễ dàng.

Tâm ly dục ly ác pháp là tâm không phóng dật. Người tu hành tâm không phóng dật là tâm giải thoát. Như Đức Phật đã dạy: ***“Ta thành Chánh giác là nhờ tâm không phóng dật, muôn pháp lành cũng từ nơi đó sanh ra”***.

Chương VIII
HẢI TÂM HỎI ĐẠO
(TIẾP THEO)

--->>❖<<---

XẢ SẠCH

Hỏi: Biết bao giờ tâm con mới xả sạch?

Đáp: Nếu thấu rõ đời sống con người là khổ, khổ như thật. Trong cõi đời này không có một vật gì là của mình, là mình cả. Và những vật ấy không bao giờ thường còn mãi mãi, luôn có sự thay đổi vô thường từng phút giây. Vì thế, sáng vui, chiều khóc, chiều vui, sáng khóc. Đời sống con người là vậy vui ít, khổ nhiều, có gì là hạnh phúc đâu; có gì mà tham đắm.

Nếu một người không biết nhàm chán những sự cám dỗ của cuộc đời này, để vượt ra khỏi những khổ đau của kiếp làm người, mà cứ mãi đắm chìm theo dục lạc của nó thì khó mà buông xả sạch.

Nếu không chịu khó thường quán xét, tư duy thì không thể nào thấu suốt lý vô thường, khổ đau và vô ngã của vạn pháp trong thế gian này, thì làm sao buông xả sạch vạn pháp cho được.

Nếu tâm còn ham thích, chưa ngao ngán, chán chường cuộc sống này, thì làm sao xả bỏ sạch được, nếu xả bỏ sạch không được thì cuộc đời tu hành chỉ hoài công vô ích mà thôi.

Đạo Phật là đạo buông xả, có nghĩa buông xuống không dính mắc bất cứ một vật nào cả, còn dính mắc, dù cho một pháp nhỏ nhất như đầu mũi kim thì cũng chưa chấm dứt sanh tử, luân hồi.

Buông xuống, không có nghĩa trốn tránh, tiêu cực trong cuộc sống, như có một số nhà học giả hiểu Phật Giáo như vậy, hiểu trong tinh thần tiêu cực, thụ động. Ngược lại Phật Giáo buông xuống, có nghĩa là tích cực, năng nổ làm việc để đem lại cho mình cho người có một cuộc sống ấm no đầy đủ, nhưng không vì vật chất mà chà đạp, xâu xé lên nhau để chiếm đoạt về phần mình nhiều hơn. Do đó buông xuống có nghĩa là không dính mắc, chứ không có nghĩa tiêu

cực không làm việc.

Nhàm chán không có nghĩa là chán đời. Ở đây có nghĩa là thấu suốt được vạn pháp không có thực thể, nên tâm không còn tham đắm và dính mắc nó nữa.

Nói buông xả có nghĩa là sống một đời sống ly dục ly các ác pháp, khiến cho tâm mình thanh thản, an lạc và vô sự.

Nói buông xả, là nói đến một đời sống đạo đức nhân bản, nhân quả, không làm khổ mình, khổ người. Một đời sống tuyệt vời mà mọi người hằng mơ ước.

Bởi vậy con hãy cố gắng xả cho thật sạch. Xả cho thật sạch thì tâm con được an lạc, thanh thản và vô sự. Một trạng thái vô cùng an ổn và lợi ích cho muôn vạn người và tất cả chúng sanh, chứ không ích kỷ, nhỏ mọn, hẹp hòi như cuộc sống của con người hiện nay. Con người hiện nay đang sống trên sự đau khổ của muôn loài chúng sanh, nhưng vô tình họ nào có hay biết gì đâu.

Con hãy cố gắng xả cho thật sạch thì sự tu tập của con không phí bỏ vô ích một kiếp làm người. Vì những điều con muốn biết, muốn hiểu, con đều sẽ hiểu biết tất cả.

Không gian và thời gian không còn chia cắt và ngăn cách đối với con nữa. Rồi con sẽ hiểu: **“Con người từ đâu sanh ra và chết đi về đâu?”**.

Và con còn sẽ hiểu hơn nữa: **“Không có con người sanh tử mà chỉ có sự thay đổi hợp, tan của môi trường sống theo định luật của nhân quả”**.

Hãy cố gắng tu tập buông xả con ạ! Không uổng phí công tu tập, không hoài công đâu con ạ!

Buông xuống đi! Buông xuống đi!

Chớ giữ làm chi có ích gì.

Ôm vào đau khổ vô cùng tận,

Buông xuống ngay liền vạn khổ đi.

Buông xuống đi! Buông xuống đi, con sẽ thấy hạnh phúc vô cùng, vô tận.

Cuộc sống của con người chỉ là một vở tuồng trên sân khấu, có đáng gì cho chúng ta đắm mê, mà không buông bỏ được phải không hỡi con? Chỉ toàn là khổ đau, khổ đau vì tranh ăn; khổ đau vì danh lợi; khổ đau vì hơn thua v.v.....

Cho nên Đạo Phật ra đời dạy: **“con người bỏ xuống tất cả các ác pháp và sẽ được tất cả các thiện pháp”**. Đó là một bí quyết bảo vệ môi trường sống trên hành tinh này, đem lại cho muôn loài một đời sống công bằng và công lý.

--->❖<---

TÂM NHƯ ĐẤT

Hỏi: Tâm như cục đất có xả sạch được chưa?

Đáp: Tâm như cục đất là tâm con đã xả sạch, chừng đó con chẳng cần tu tập thiền định nào cả, lúc nào con cần nhập định là nhập được ngay liền, không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức.

Tâm như cục đất, đó là sự ước muốn của con. Muốn cho tâm không còn tham, sân, si, mạn, nghi nữa, khi tâm không còn tham, sân, si, mạn, nghi nữa là tâm hết khổ đau. Sự ước muốn như vậy, nếu con không cố gắng khắc phục tâm mình ly tham, đoạn ác pháp thì làm sao tâm thành đất được.

Muốn cho tâm thành đất thì con phải tu tập Bát Chánh Đạo. Nói tu tập Bát Chánh

Đạo là nói cách thức sống ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp hay nói cách khác là sống toàn thiện.

Muốn sống toàn thiện thì phải có Chánh kiến, Chánh kiến tức là thấy đúng nhân quả thiện và ác, chứ không phải thấy đúng, sai, phải, trái, tốt, xấu v.v.....

Trong cuộc sống bất cứ một việc gì xảy đến, chúng ta đều phải nhìn với lòng thiện, lòng từ, lòng bi, lòng hỷ, lòng xả. Nếu chúng ta nhìn thấy bất cứ việc gì với lòng bất thiện, lòng không từ, không bi, không hỷ, không xả thì ác pháp sẽ đến với chúng ta. Và vì thế tâm chúng ta sẽ khổ đau, và như vậy tâm không thể thành đất được.

Muốn tâm thành đất chúng ta phải có sự tư duy, suy nghĩ thiện và ác trong bất cứ một sự việc gì xảy ra, thiện thì chúng ta tăng trưởng để mà sống, không làm khổ mình khổ người, còn ác thì chúng ta tư duy suy nghĩ quét sạch những pháp ác ấy ra khỏi tâm, để đem lại cho tâm một sự thanh thản, an lạc và vô sự. Nhờ có tu tập được như vậy thì cuộc sống mới có an vui, hạnh phúc.

Muốn tâm thành đất thì chúng ta khéo léo giữ gìn tâm không phóng dật. Giữ gìn tâm như thế nào?

Muốn giữ gìn tâm thì luôn lúc nào cũng phải nhớ nhắc tâm: **“Tâm không được phóng dật, phải định vào thân đi”** hay **“Tâm định vào hơi thở đi”**, hoặc **“Tâm như đất là tham, sân, si, mạn, nghi đi”**.

Trong tất cả câu pháp hướng này, tùy theo mọi người mà chọn lấy cho mình một câu phù hợp với đặc tướng, còn riêng Thầy thì câu: **“Tâm không được phóng dật phải định vào hơi thở đi”**, thì rất phù hợp. Tại sao vậy?

Tại vì câu này có hai tác dụng:

1/ Bất buộc tâm không được phóng dật theo ra các pháp.

2/ Bất buộc tâm phải định vào hơi thở (định vào thân).

Nếu tâm không phóng dật là tâm thành đất, tâm thành đất là tâm bất động, tâm bất động là con đã viên mãn con đường tu tập theo Phật Giáo của mình.



ĐỘC CƯ

Hỏi: Kính thưa Thầy và cô Út, xin giảng lại cho con hiểu rõ chỗ độc cư?

Đáp: Mục đích của độc cư là giữ tâm chuyên nhất vào pháp hướng để tu tập, không phóng tâm ra ngoài. Người không giữ hạnh độc cư, thường để tâm phóng dật chạy theo trần cảnh bên ngoài, sanh ra tạp cử gọi là tuôn trào, khi tâm tuôn trào chạy đi nói chuyện đầu này, đầu kia, sanh ra nhiều ác pháp, khiến cho mình và người khác không an để tu tập, đó là đã phá hạnh độc cư, làm hại mình hại người. Người phá hạnh độc cư, được xem là người đã tu sai pháp, khiến tâm không bao giờ buông xả được. Họ chỉ nói buông xả, chứ thật ra tâm tham, sân, si, mạn, nghi vẫn còn đầy đủ. Vì thế lòng thương, ghét, thù, oán, tỵ hiềm v.v... không mất một chút nào cả. Và cuối cùng họ còn hiểm độc, gian xảo, hung ác hơn những người chưa tu, chỉ vì họ bị ức chế tâm.

Đức Phật gọi tâm này là tâm phóng dật. Người tu hành còn để tâm phóng dật thì không thể tu theo Đạo Phật được, nên

trở về sống đời sống thế gian, trau dồi đạo đức nhân quả, thì không mang nợ của đàn na thí chủ.

Người tu hành nhập thất từ 1 tháng đến 3 tháng, rồi xả thất ra đi ta bà chỗ này đến chỗ kia.....Sau đó rồi trở về tu tập lại. Nếu người nào cứ tu như vậy thì suốt đời tu hành cũng chẳng tới đâu, vì luôn luôn phá hạnh độc cư.

Người sống độc cư không chịu nổi là người không thể tu thiền định của Đức Phật được.

Người muốn sống độc cư được trọn vẹn thì phải giữ tâm trong các pháp hành thật miên mật, không được để có kẽ hở.

Còn có kẽ hở thì tâm theo kẽ hở đó mà phóng ra, khiến cho chúng ta cảm thấy cô đơn vô cùng. Từ đấy tâm dễ sanh buồn chán và sự tu hành bắt đầu chểnh mảng tu hành, tâm không còn thích tu nữa. Do đó sự tu hành chỉ còn tu lấy lệ cho qua ngày.

Khi sống không đúng độc cư, con bị phóng tâm chạy theo ngoại cảnh. Do đó con tu thiền dù bất cứ loại thiền nào, con cũng sẽ rơi vào tà thiền.

Tà Thiên ở đây có nghĩa là loại thiên không làm chủ được sự sống chết và không chấm dứt luân hồi tái sanh.

Bởi hạnh độc cư rất quan trọng, nếu một người tu mà không giữ gìn trọn vẹn hạnh này thì uổng phí một đời tu, chẳng có kết quả gì.

Những tu sĩ đến đây tu hành nhìn qua hạnh độc cư là biết người tu được hay không tu được. Ngày xưa Đức Phật đã đuổi 500 vị Tỳ kheo không giữ gìn hạnh độc cư, mặc dù đó là những đệ tử của ông Xá Lợi Phất và ông Mục Kiền Liên.

Gần 20 năm Thầy đón nhận những người về đây tu tập chưa tìm thấy một người nào giữ hạnh độc cư trọn vẹn.



Chương IX

LIỄU THIÊN HỎI ĐẠO

---❧>❖<❧---

Chân Như ngày 17 tháng 5 năm 2001

Kính gửi: Liễu Thiện

VỀ KẾT QUẢ BẢN THÂN

Hỏi: Nương theo sự chỉ dạy của Thầy, con đã y cứ vào đó mà thọ trì tu tập, càng ngày con càng nhận được sự thanh thản, an lạc rõ ràng hơn. Hiện nay trước một loạt các khó khăn và bất an xảy ra thường ngày con đã vững vàng, bình tĩnh hơn, và đã vượt qua được. Nếu so với trước đây thì khó khăn lắm con mới làm chủ được. Tất cả những gì con làm là điều do ánh sáng trí tuệ của Phật, của Thầy chỉ dạy, con hiểu ra rằng chỉ có sống đúng đạo đức nhân bản bằng những giới luật hàng ngày thì ta mới có bản lĩnh và nghị lực để vượt qua được mọi sóng gió của cuộc đời. Tuy kết quả chưa được to

lớn nhưng cũng là một sự khích lệ, động viên để con vững bước trên con đường mình đã chọn.

Kính thưa Thầy, trong khi tu tập thực hành có nhiều lúc con phải kìm nén, những giọt nước mắt trước sự tấn công của ác pháp, vì hiện tại con chưa đủ đạo lực để vượt qua. Nhưng qua những lần như vậy con lại càng cấp hơn, mạnh mẽ hơn. Con luôn tự nhủ nếu mình chùn bước trước mọi ác pháp thì mình sẽ mãi mãi trôi lăn trong khổ đau vô tận. Những lần như vậy con lại nghĩ đến Thầy, đến cô Út với tất cả tấm lòng kính trọng vô biên trước mọi khó khăn, cực nhọc mà Thầy và cô đã trải qua. Do vậy, trong lúc học đạo làm người có những việc con chưa làm được, còn phạm phải những lỗi lầm không đáng có. Ví dụ như vẫn còn hay cãi lại mẹ hay lời nói không được đẹp tai, dịu dàng lắm v.v... Mỗi lần như vậy con thật sự xấu hổ với bản thân. Hôm nay con viết những dòng này kính bạch lên Thầy những việc con chưa làm được mà tự nơi tâm con không thể nói hết được, kính xin Thầy từ bi hoan hỷ tha thứ và chỉ dạy.

Đáp: Mặc dù con rất cố gắng khắc phục

tâm mình, nhưng gặp những pháp cực ác thì không sao làm chủ được. Đó là nghiệp lực sân hận con đã huân tập nhiều đời, nhiều kiếp, nó đã thành khối. Vì thế muốn tu tập quét cho thật sạch khối nghiệp lực này thì phải kiên trì, bền chí tu tập với một ý chí sắt đá hàng ngày phải thường nhắc câu pháp hướng **“*Tâm như đất, tham, sân, si phải chằm dứt*”**, mỗi lần vấp ngã thì con hãy đứng lên tiếp tục tu tập nữa; mỗi lần vấp ngã là mỗi lần rút ra nhiều kinh nghiệm xả tâm; mỗi lần vấp ngã là mỗi lần giúp con tỉnh giác nhận được ác pháp ngay liền nơi con và thiện pháp nơi người; mỗi lần vấp ngã là mỗi lần pháp hướng tâm hiện ra như một người bạn lành tốt bụng nhắc con, khiến cho tâm con được an ổn ngay liền; mỗi lần vấp ngã là mỗi lần trí tuệ tri kiến giải thoát của con phát triển, nếu con biết cách triển khai. Nhờ đó mà tâm hồn con thanh thản, an lạc và vô sự.

Một người tu theo Đạo Phật mà sợ gặp ác pháp, thường tránh né, tìm chỗ an ổn để tu tập, thì khó mà xả tâm, thường bị ức chế tâm.

Mục đích của Đạo Phật là tâm bất động

trước các ác pháp. Muốn tâm bất động trước các ác pháp thì con nên nhớ hằng ngày phải tra dồi những pháp sau đây:

1/ Pháp hướng tâm **“*Dẫn tâm vào đạo chứ đừng dẫn đạo vào tâm*”**, nghĩa là tu tập nhiều chứ đừng học nhiều, học nhiều không tu thì chẳng ích lợi gì, giống như cái tủ đựng kinh sách.

2/ Triển khai trí tuệ tri kiến nhân quả. Đừng thấy mọi sự việc đúng, sai, phải, trái, mà hãy thấy nó thiện và ác.

3/ Đừng thấy lỗi người mà hãy thấy lỗi mình.

4/ Hãy khởi tâm yêu thương những người đang sống trong ác pháp.

5/ Hãy khởi tâm tha thứ những người đang sống trong ác pháp.

6/ Chúng ta lớn hơn, cao thượng hơn mọi người là nhờ ở chỗ biết nhẫn nhục, tùy thuận và bằng lòng.

7/ Chúng ta có được một tâm hồn thanh thản, an lạc và vô sự, đó là nhờ biết buông xả các ác pháp

8/ Chúng ta làm chủ được sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt tái sanh luân hồi là nhờ biết ly dục ly bất thiện pháp, biết diệt ngã, xả tâm, biết buông xả các ác pháp, biết giữ tâm bất động trước ác pháp và các cảm thọ và luôn luôn lúc nào cũng biết giữ tâm thanh thản an lạc và vô sự.

Một cuộc đời tu tập theo Đạo Phật mà biết buông xả, tâm bất động trước các ác pháp, thì không có một vật gì quý báu nhất trong đời này mà đem trao đổi được.

Vì biết tâm thanh thản, an lạc và vô sự là một vật vô giá, không có vật quý báu nào trên thế gian này hơn được. Vì thế chúng ta hãy cố gắng tu tập, tu tập cho bằng được, vì nó rất lợi ích cho chúng ta và cho mọi người trên hành tinh này.



TRAI HAY LÀ CHAY

Hỏi: Trong một bài giảng về chánh tín và mê tín đăng trên nguyệt san Giác Ngộ. Hòa thượng Thích Thanh Từ có giảng... Trong miền nam các nhà sư Nguyên Thủy chỉ có ăn trai chứ không ăn chay. Vì trong

khi hành hạnh khát thực, ai cho gì ăn nấy kể cả thức ăn mặn. Có phải vậy không thưa Thầy?

Đáp: Trai là một danh từ chữ Hán.

Chay là một danh từ chữ Việt.

Nghĩa của **“traị”** và **“chay”** thì đồng nghĩa, có nghĩa là không ăn thịt chúng sanh. Vì thế mới có **«nguyệt trai», “nhật trai”**,

Nguyệt trai là một tháng ăn chay (không ăn thịt chúng sanh), như: tháng giêng, tháng bảy và tháng mười.

Nhật trai là ngày ăn chay (không ăn thịt chúng sanh) như:

1/ Nhị trai.

2/ Lục trai.

3/ Thập Trai.

Nhị trai gồm có: ngày rằm và ngày 30. Âm lịch

Lục trai gồm có: ngày 8, 14, 15, 23, 29, 30 Âm lịch.

Thập trai gồm có các ngày như: 1, 8,

14, 15, 18, 23, 24, 28, 29, 30 Âm lịch.

Theo chữ nghĩa thì Bắc Tông Đại Thừa hiểu chữ trai là **“ăn chay”**. Nam Tông Tiểu Thừa hiểu chữ trai là **“giới cấm”**, cho nên mới có Thọ Bát Quan Trai, ngộ trai.

Nhưng nói đến giới cấm thì không nói đến chay và mặn, mà chỉ nói đến thiện và ác. Vì vậy trong giới luật của Phật mới có **“Giới thứ nhất dạy chẳng sát sanh”**, nghĩa là cấm không cho giết hại chúng, không bảo, không xui bảo người khác giết hại.

Ở đây có nghĩa giới luật cấm các vị Tỳ kheo không được ăn thịt động vật, vì ăn thịt động vật tức là bảo người khác giết hại chúng sanh.

Cho nên chữ trai bên Nam Tông Tiểu Thừa cũng có nghĩa là ăn chay, nhưng các sư biến chữ trai thành nghĩa khác như HT Thích Thanh Từ giảng như vậy là để tùy thuận với các sư Nam Tông, nuốt trôi những miếng thịt động vật.



ỨC CHẾ TÂM

Hỏi: Theo sự hiểu biết của con, thì ức chế vọng tưởng là do những niệm khởi lên mà ta không tỉnh thức quán xét xem là thiện hay ác pháp, để xả bỏ. Vội vàng đoạn diệt không cần truy cập nó thuộc về lậu hoặc nào.

Vả lại ức chế tâm còn do sự ham muốn dục lạc, khi dục lạc ham muốn khởi lên ta cũng không quán xét lợi hay hại để xả bỏ mà chỉ có nhẫn chịu, vì thế, nếu có dịp nó sẽ bùng ra. Có phải vậy không thưa Thầy?

Đáp: Đúng vậy, sự ức chế tâm có hai cách:

1/ Chịu đựng mọi sự giận hờn, căm tức, phiền não, sợ hãi, lo rầu v.v..... mà không bao giờ nói ra cho một ai biết. Sự chịu đựng này gọi là kham nhẫn.

Ví dụ: trong gia đình có người chồng độc tài luôn luôn bắt vợ con phải tuân theo lệnh của mình, sai bảo đâu làm đó, không được làm trái. Những người bị bắt buộc như vậy gọi là chịu đựng, những người chịu đựng là những người ức chế tâm.

Sức chịu đựng sẽ đến một mức độ nào đó, thì không còn chịu đựng được nổi. Khi không còn chịu đựng nổi thì thần kinh hưng phấn, thần kinh hưng phấn thì người ấy bị rối loạn thần kinh, bị điên khùng, bị tẩu hỏa nhập ma v.v.....

Suốt thời gian chịu đựng thì người ấy là người khổ đau tận cùng của cuộc đời mình.

2/ Người dùng một đối tượng, một pháp môn để ức chế tâm để không khởi niệm vọng tưởng, đó là loại ức chế có pháp môn, có phương cách.

Loại ức chế tâm này có đường lối, có phương pháp để dẫn tâm vào thế giới tưởng như: thiền xuất hồn, thiền Yoga, thiền Đại Thừa, Thiền Đông Độ, thiền Lục Diệu Pháp Môn, Mật Tông, Tịnh Độ Tông v.v....

Cho nên các pháp môn này đều xây dựng cho mình một thế giới siêu hình mơ hồ, trừu tượng, ảo giác, khiến cho con người phải mê mết với nó, nhưng không ích lợi thiết thực cho đời sống.

Chỉ riêng có thiền của Phật Giáo Nguyên Thủy thì xả tâm ***“ly tham đoạn ác pháp”***. Do đó người tu hành sẽ không bị

ức chế tâm và đạt được kết quả giải thoát làm chủ sanh, già, bệnh, chết, chấm dứt tái sanh luân hồi.

---->❖<----

KINH NĂM BA

Hỏi: Trong kinh Trung Bộ, phẩm kinh Năm Ba con không hiểu rõ lắm, xin Thầy giảng tóm tắt ý nghĩa cho con được không?

Đáp: Bài kinh Năm Ba là bài kinh Đức Phật dùng để bài bác 62 luận thuyết của tà giáo ngoại đạo, tức là 62 pháp môn của các tôn giáo đương thời trong đất nước Ấn Độ. Và cuối cùng Đức Phật đưa ra giáo thuyết của mình **“Khổ, Tập, Diệt, Đạo”** để giải quyết sự khổ đau của con người trên hành tinh này rất thực tế và cụ thể.

“Ở đây, này các Tỳ kheo, vô thượng tịch tịnh tối thắng đạo này được Như Lai chánh đẳng giác, nghĩa là sau khi như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt và nguy hiểm của sáu xúc xứ, có sự giải thoát không chấp thủ”.

Tất cả giáo lý của Đạo Phật không ngoài bốn chân lý: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Nó

là một chân lý của loài người để con người rèn luyện tu tập thoát ra khỏi bản chất loài cầm thú, để trở thành con người thật sự là con người và cao hơn nữa để trở thành những bậc Thánh nhân

Ngoài bốn chân lý này, nếu còn có giáo pháp nào khác, thì coi chừng đó là tà giáo ngoại đạo xen vào trong Phật Giáo. Chúng ta là những hàng đệ tử của Phật phải đề cao, cảnh giác và loại trừ chúng ra khỏi.

Bốn chân lý của Đạo Phật là dựng lại một nền đạo đức nhân bản nhân quả cho loài người, khiến cho con người trên hành tinh này sống không làm khổ mình khổ người và khổ tất cả chúng sanh, biến hành tinh này trở thành Cực Lạc, Thiên Đàng.

Bài kinh Năm Ba là bài kinh xác định giáo pháp của Đức Phật và giáo pháp của ngoại đạo không có giống nhau một chút xíu nào cả, khiến cho người phật tử tinh ý sẽ không thể lầm lạc được.

Thế mà hiện giờ người ta đã lầm lạc lấy giáo pháp của ngoại đạo làm giáo pháp của Phật để tu hành và còn khinh thường giáo pháp của Phật là Tiểu Thừa, thật là

đau lòng.



PHƯƠNG PHÁP TU TẬP CHO NGƯỜI GIÀ

Hỏi: Kính thưa Thầy, ở ngoài này có bác Hạnh Nghĩa, rất nỗ lực tu học, nhưng chưa biết cách thức tu học cho phù hợp với bản thân và gia cảnh. Bác có hỏi con nhưng con không biết trả lời ra sao, mà chỉ góp ý với bác hãy sống đúng giới hạnh của người cư sĩ đó là nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng. Kính xin Thầy từ bi chỉ dạy cho Bác (Bác năm nay gần 70 tuổi, Nhưng vẫn khỏe mạnh và bình thường).

Đáp: Con nên chỉ dạy cho bác cách tu tập giữ tâm thanh thản, an lạc và vô sự.

Dạy cho bác câu pháp hướng tâm: **“Tâm như đất, lìa tham, sân, si là hết khổ”**, để hằng ngày bác huân tập câu pháp này sẽ có hiệu quả giải thoát trong những ngày cuối cùng của đời bác.

*Lúc bệnh tật khổ đau cũng như lúc gặp các ác pháp thì con nên dạy bác nhắc tâm: **“Tâm phải bất động trước các ác pháp, không được sợ hãi, hãy bình tĩnh hãy***

gan dạ, tất cả đều là do nhân quả”.

Cuối cùng con nên dạy bác mỗi tháng nên Thọ Bát Quan Trai một ngày. Ngày ấy là ngày tập làm Phật.



TU TẬP GIỚI CHƯA ĐỦ

Hỏi: Tại sao trong một câu nói: Tất cả những ai từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói lưỡi hai chiều, từ bỏ sân, tâm có chánh kiến, sau khi thân hoại mạng chung họ đều sanh vào thiện thú, thiện giới, cõi đời này, Như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy.

- Còn câu nói: Ta đã thấy ở đây có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho..... như trên. Như vậy, Ta chấp nhận cho vị ấy.

Con

- Thích Nữ Liễu Thiện.

Đáp: Cùng một câu nói, một ý nghĩa như nhau, mà được Đức Phật chấp nhận và không chấp nhận. Chỉ vì, người thực hiện

pháp đó lại khác nhau (người tu sĩ và người cư sĩ).

Người tu sĩ mà thực hiện pháp thiện đó chưa đủ để giải thoát, chỉ mới được sanh vào thiện thú, thiện giới ở cõi đời thì Đức Phật không chấp nhận.

Còn người cư sĩ tại gia thực hiện pháp thiện đó để được sanh vào thiện thú, thiện giới ở cõi đời này thì Đức Phật chấp nhận.

Tóm lại câu này Đức Phật xác định tu tập Giới luật chưa đủ để giải thoát hoàn toàn, mà phải tiếp tục tu tập Định và Tuệ.



Chương X

ĐÀO THỊ VINH HỎI ĐẠO



DUYÊN NHÂN QUẢ

Hỏi: Kính thưa Thầy, vợ chồng lấy nhau, người ta bảo rằng, đều có số định cả, có nghĩa là người này phải lấy người mà có số định với mình, không được lấy người nào khác. Có phải vậy không thưa Thầy?

Đáp: Không phải số định mà cũng không phải số mệnh mà là duyên nhân quả nợ vay trong thuận cảnh, cũng như trong nghịch cảnh.

Ví dụ: kiếp trước chúng ta đối xử với những người làm công cho mình quá khắc nghiệt, đánh đập, chửi mắng, trả tiền công ít v.v.....

Kiếp này họ làm vợ hoặc chồng hoặc con cái trong nhà, họ phá tán của cải tài sản và còn chửi mắng đánh đập, khiến cho

gia đình đau khổ bất an.

Cho nên kiếp trước gieo nhân nào thì kiếp này phải trả quả nấy. Tình nghĩa vợ chồng con cái đều do nhân quả, chứ không phải do số mệnh duyên nợ tiền định. Vì không có tiền định. Tiền định là cái vật gì? ông gì? Ông Ngọc Hoàng Thượng Đế ư?

Vì không hiểu môi trường sống nên người ta đặt ra những câu hỏi để có hỏi mà không có trả lời: ***“Con người từ đâu sanh ra? Chết đi về đâu”?***

Do không hiểu, người ta dùng tướng tri, tạo ra một Đấng Vạn Năng, một ông Ngọc Hoàng, một ông Trời, một ông Tạo Hóa sanh ra vạn vật trên hành tinh này. Lại có thuyết cho rằng từ trong Đại ngã vạn vật sanh ra và mỗi vật được sanh ra là tiểu ngã. Những thuyết này mơ hồ và trừu tượng không thể trả lời hai câu hỏi trên. Và vì vậy hai câu hỏi trên vẫn còn đóng kín cửa.

Duyên tiền định giữa đôi vợ chồng cũng là sự tướng tri của con người đặt ra, chứ không có số định, số mệnh.

Theo Đạo Phật con người từ nhân quả sanh ra, chết trở về nhân quả, chứ không từ

đâu đến và chết cũng không đi về đâu.

Còn duyên vợ chồng, con cái đều là do vay nợ của nhân quả theo định luật của nhân quả **“Vay thì phải trả”**.

Vậy chồng vợ có số là không đúng, mà có nợ nhân quả ác hay thiện với nhau là đúng.

Nhìn cuộc sống của họ chúng ta có thể biết chắc chồng nợ vợ hay vợ nợ chồng một cách cụ thể và rõ ràng.

Vì thế, trong cuộc đời này vợ chồng thường làm khổ cho nhau nhiều hơn là đem lại hạnh phúc an vui cho nhau. Họ sống với nhau phần đông là chịu đựng.



HỒN VỀ NHẬP CÔ ĐỒNG

Hỏi: Kính thưa Thầy, con đi gọi hồn, cô đồng nói đúng được tên tuổi người trong gia đình con, thưa Thầy như vậy là thế nào?

Đáp: Cô đồng dùng tưởng thức của mình giao cảm với tưởng thức của con, nên nói đúng tên họ tuổi người trong gia đình con, chứ không phải có linh hồn người chết

trong gia đình con về nhập cô đồng.

Người chết, đó là danh từ chỉ cho các duyên nhân quả đã tan hoại hết, tức là thân ngũ uẩn đã tan rã không còn sót một duyên nào, thì còn đâu có linh hồn người chết.

Trong thân người đâu có linh hồn, linh hồn là một danh từ chỉ cho một hình ảnh ảo tưởng do năng lực tưởng tạo ra. trong thân người chỉ có năm duyên như: sắc, thọ, tưởng, hành, thức, mà trong kinh Phật gọi là thân ngũ uẩn. Khi người chết các duyên tan rã, đâu còn một duyên nào thì làm sao gọi là người chết còn có linh hồn, như trên chúng tôi đã nói.

Cái mà người chết còn lại là hành động thiện ác, hành động thiện ác, tức là nhân quả. Khi người chết là nhân quả trở về với nhân quả. Vì thế Đức Phật dạy: **“Chết trở về nhân quả”**. Như vậy là đã trả lời câu hỏi thứ hai của quý vị.

Hành động nhân quả không thể gọi là linh hồn được. Thế sao có linh hồn nhập đồng nhập cốt?

Không có linh hồn nhập đồng, nhập cốt, mà chỉ có tưởng thức của đồng, cốt giao

cảm rồi tự xưng mình là ông này, bà kia chết oan, chết ức, chết tức, chết tối v.v..... Người không có trí tuệ vô hạn, không hiểu biết được, nên vội tin theo lời của đồng, cốt cho là có linh hồn người chết về nhập, báo cho gia đình biết mọi sự xảy ra đúng như thật.

Nhờ báo lại những sự việc xảy ra cách 5 năm hay 10 năm đều đúng như thật, mà các nhà khoa học không sao chứng minh được, nên cũng phải đành tin theo và cho rằng có thế giới siêu hình, có sự sống sau khi chết.

Như chúng tôi cũng thường nói: chỉ duy nhất trên thế gian này có một người không chấp nhận thế giới siêu hình, đó là Đức Phật. Ngài cho rằng có thế giới siêu hình thì con người không bao giờ tu hành giải thoát khổ đau được và Phật Giáo cũng không có mặt ở trên đời này.

Bởi vì, thế giới của chúng ta đang sống là do các duyên hợp, cho nên các pháp không có bản thể thường hằng. Các pháp chỉ là vô thường thay đổi liên tục, tan hợp không dừng nghỉ.

Cho nên các con đừng tin có linh hồn, tin có linh hồn là mê tín. Linh hồn chỉ là một sản phẩm của tưởng thức tạo ra. Đối với trí tuệ hữu hạn của loài người không thể hiểu được năng lực của tưởng, nếu lý giải như khoa học thì không thể lý giải được, nhưng có thể lý giải ở góc độ khác mà khoa học thì chưa đến, nên chưa chứng minh được.



XIN QUÊ

Hỏi: Kính bạch Thầy, mấy năm con bị ốm đau. Đầu năm con đến chùa xin quẻ thẻ. Quẻ thẻ cho biết suốt cả năm, nó nói đúng 60%. Thưa Thầy trong đó có câu ghi như sau:

“Đất ở nhà người có người Thân

Ta về mau đi mới được yên”.

Con xin thêm vài quẻ thẻ đầu năm đều nói lên như vậy. Con làm cơm canh cúng cũng không thấy khỏi. Sau đó con phải đến nhờ cô đồng gọi hồn xem con ốm vì sao?

Kính bạch Thầy, sau đó hồn lên nói

con bị ốm bệnh về âm, vì có ông thân đất ngay nhà con ở, ông ấy làm cho con ốm. Sau đó cô đồng báo con về làm lễ tại nhà và rước vong xuống thờ điện nhà cô đồng, rồi cô rước vong đi chùa Hương. Cho họ ăn lộc chùa Hương, vì ông thân này là người Tàu chết cách đây 387 năm thành ông Thần Hoàng.

Kính bạch Thầy, sau con cũng về làm đúng như vậy thì thấy bệnh có đỡ và các năm sau đó con cũng xin quẻ thẻ mà không thấy quẻ thẻ nói gì về ông thân đó nữa. Con kính bạch Thầy, xin Thầy giải thích cho con biết.

Đáp: Tất cả những quẻ thẻ đều ghi những sự việc xảy ra chung chung trong đời người, không xác định cụ thể, giống như lời sấm. Chỉ có thẻ đúng 50 đến 60 phần trăm.

Khi người đến chùa hay đến điện thờ của ông đồng, bà cốt xin thẻ đều là những người có tâm trạng bất an, ý thức không còn chủ động, thường sống trong tưởng. Khi đó, người lắc hoặc rút thẻ do tưởng giao cảm khiến cho quẻ thẻ rút ra hoặc lắc được giống như tâm trạng của mình đang bị ảnh hưởng truyền thống mê tín ông Thần này,

bà Chúa kia, linh hồn nọ v.v.....

Căn bệnh của con thuộc về loại bệnh tinh thần (tinh thần bệnh thì thân bệnh), vì thế con tự cúng lễ thì không hết bệnh mà nhờ có cô đồng rước vong vị thần đó về chùa Hương để hưởng lộc chùa. Cô đồng đã giải tỏa được tâm bệnh của con, cho nên bệnh con hết.

Tóm lại, vì ảnh hưởng mê tín thế giới siêu hình có ông thần này, bà chúa nọ, oan hồn kia v.v.....đã mang đến cho con người biết bao nhiêu là sự khổ đau về thế giới này **“THẾ GIỚI TƯỚNG”**, thế giới không có thật, chỉ vì tưởng của mình và tưởng của người giao cảm mà biết đúng những sự việc xảy ra của mình do đó nên dễ bị kẻ khác lừa đảo, khiến cho mình khổ lại càng khổ hơn. Mình đại khờ tự mình làm khổ cho mình mà không biết, chứ quỷ thần làm sao có được mà làm khổ mình.

Người ta đâu biết rằng sự khổ đau hay hạnh phúc đều do hành động nhân quả thiện ác của chính bản thân mình tạo ra.

Cho nên Đức Phật dạy: ***“ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện***

pháp” là để chúng ta dừng những hành động nhân quả ác. Dừng những hành động nhân quả ác có nghĩa là dừng những điều đau khổ cho chính mình và mọi người, chứ không có thần thánh quỷ ma bắt con người đau bịnh và làm ra tai nạn khổ ách.

Về sau con xin quẻ thẻ không có nói đến vị thần đó nữa, là vì bịnh tinh thần tưởng của con đã khỏi hẳn, nên tưởng của con không còn giao cảm với những quẻ thẻ nói đến thần, chứ không phải vị thần ấy đã đi khỏi nhà con.

Hiện giờ những người mê tín là những người sống trong tưởng ám, sống trong ảo giác, sống trong trừu tượng, mơ hồ, hư hư, thực thực. Những hạng người này dễ bị kẻ khác lừa đảo trong thế giới siêu hình.

Trong một cuộc cách mạng mê tín, nếu không giải thích được những hiện tượng siêu hình khiến cho con người càng mê tín lại càng mê tín hơn.

Muốn quét sạch những truyền thống mê tín, dị đoan, lạc hậu thì phải có cơ sở giải thích những hiện tượng siêu hình kỳ lạ thì mới có thể phá và quét sạch chúng.

Còn nếu chưa có cơ sở vững chắc thì không nên động đến chúng. Động đến chúng mà không giải thích được thì sự mê tín càng phát triển mạnh.

Cuối tập 3 Đường Về Xứ Phật, quý bạn sẽ được đọc một bài viết về thế giới siêu hình của một nhà trí thức học giả miền Bắc. Với mục đích viết bài này là một sự nghi ngờ quá lớn, tác giả thuật lại những hiện tượng siêu hình xảy ra qua trung gian của những nhà ngoại cảm, là để dựng lại hay nói cách khác là yêu cầu các nhà khoa học chứng minh, làm sáng tỏ: **“có sự sống sau khi chết”**, trong cuộc đi tìm hài cốt liệt sĩ của em mình.

Nếu không được giải thích rõ ràng thì sự mê tín càng lúc càng phát triển mạnh thì những người hiền lành dễ bị những thầy phù thủy, đồng, cốt và các nhà tôn giáo lừa đảo bằng những hiện tượng siêu hình kỳ lạ **“Tiền mất tật mang”**.



NHÀ NGOẠI CẢM

Hỏi: Kính thưa Thầy, ở Hà Nội bây giờ có một ông ở khu Kim Liên, người ta gọi là cậu Liên, (được bộ công an quận chấp nhận) Ông có khả năng đi tìm mồ mả thất lạc và hài cốt của liệt sĩ. Kể cả những người con đang sống thất lạc. Đây là hiện tượng có thật. Cậu còn chữa được cả bệnh.

Vậy, con kính mong Thầy giải đáp cho chúng con được hiểu rõ hơn.

Đáp: Con hãy đọc Đường Về Xứ Phật tập 3 đoạn cuối: **“*Những hiện tượng các nhà ngoại cảm đi tìm hài cốt liệt sĩ*”**, thì con sẽ rõ và cũng trả lời câu hỏi này của con.



SỰ LỬA ĐẢO CỦA ĐỒNG CỐT

Hỏi: Kính bạch Thầy, ở chùa làng con thôn Cư Đình, xã Việt Hưng. Vào ngày 3 tháng 3 Âm lịch, hay đội bát nhang và hầu đồng. Hôm ấy con có đi dự, đến lúc có một bà đang đội bát nhang, tự nhiên hai tay cứ vả vào mặt mình, các đệ tử của bà cứ khẩn

vái kêu van mãi mới thôi. Hỏi ra mới biết là bà ấy trước đây có đội bát nhang, sau bỏ mấy năm không đội nữa, đến nay đội lại nên bị Ngài phạt.

Đáp: Đó là trò bịp, lừa gạt người khác của các thầy phù thủy, thầy bùa, đồng, cốt v.v..... Nếu chúng ta đi vào bề trái thế giới của những hạng người này thì chúng ta sẽ thấy được những sự lừa đảo, gian xảo, có nhiều thủ thuật và những thủ đoạn tinh vi để tạo ra sự mê tín. Nhờ có những người vô minh không rõ mảnh khoe gian xảo, nên những đồng cốt giả hiệu dễ bề lừa đảo, cướp giật tiền của của những người đang gặp tai nạn hay bệnh tật v.v..... Nhất là kiến thức còn cạn cợt.

Có dịp Thầy sẽ kể cho các con nghe, những tội ác gian xảo của bọn người lợi dụng sự giao cảm của tướng thức làm tiền bất chánh mà pháp luật không bắt tội họ được.

Vả vào mặt mình để tạo uy thế cho ông thần hay cô, cậu rất hiển linh, khiến cho mọi người phải tin và cúng bái tiền bạc.

Con cũng là một người bị lừa đảo trong

số người đến dự ngày hôm đó.

Đối với Đạo Phật thì các con không nên tin một cách mù quáng về thế giới siêu hình mà hãy tin những gì có lợi ích cho mình cho người; mà hãy tin những gì mà ý thức con phán xét thấy như thật, biết như thật thì mới tin.

Đối với Đạo Phật thì các con nên tránh xa những hạng người bói khoa, đồng cốt, thầy phù thủy, thầy bùa, thầy ngải, thầy cúng bái, tụng niệm v.v.... Những hạng người này là những hạng người không tốt, họ có nhiều mảnh khõe, gian xảo, lừa đảo, họ là những hạng người ác.

Đức Phật thường dạy: ***“Làm bạn với thiện xa lánh với ác”***.

--->❖<---

TỬNG LỰC

Hỏi: Kính thưa Thầy, con có một cô em gái cũng bị Ngài phạt, Ngài trói ghì cánh khuỷu tay, nhưng không có dây. Và trói đầu chặt lắm không gỡ ra được. Chính miệng cô em con nói ra như vậy. Chúng con là người vô minh không hiểu. Vậy chúng con tha

thiết kính xin Thầy giảng giải cho chúng con hiểu rõ.

Đáp: Cô em gái của con là người chịu ảnh hưởng mê tín nặng, nghe đâu thì dễ tin theo đó, có nghĩa là cô em của con rất tin có linh hồn người chết, do lòng tin ấy mà tưởng uẩn của cô rất bén nhạy, thường hoạt động thay cho ý thức. Vì thế ý thức thường nhường lại cho tưởng thức làm việc, cho nên tâm tính cô em thường sống trong niềm tin hơn là sống với lý trí phân biệt phán xét. Do đó cô bị tưởng lực của chính cô tạo ra trạng thái như bị trói chặt hai khuỷu tay của cô.

Sự bị trói hai khuỷu tay của cô em là một trạng thái tưởng của cô em và chính cô không những cảm giác và còn thấy mình đang bị trói rất chặt.

Mọi người bên ngoài không hiểu tưởng là có (Thần Tàu) bắt phạt cô em của con đã có sự lầm lỗi với Ngài.

Với trường hợp này xảy ra khiến cho mọi người ai nấy đều tin có thần thánh ma quỷ và linh hồn người chết thật sự. Nói chung là nhờ có những trạng thái của tưởng

uẩn hoạt động một cách mâu nhiệm mà trí hữu hạn của con người không thấu rõ được. Do đó thế giới siêu hình mới thành hình.

Thế giới siêu hình không thể lấy ý thức mà hiểu nó được, không thể phân tích bằng phương pháp khoa học như khám phá phân tích vạn vật bằng phương pháp vật lý hoá học của thế giới hữu hình được.

Cho nên khoa học và trí hữu hạn của con người phải đành bó tay trước những hiện tượng kỳ lạ của tưởng uẩn (tưởng thức).

Cái kỳ lạ của thế giới siêu hình, chứ sự thật thì không có kỳ lạ gì hết. Vì ý thức của con người bị hạn cuộc bởi thời gian và không gian. Còn tưởng thức thì không bị hạn cuộc bởi không gian và thời gian, nên nó mâu nhiệm với ý thức, mà không mâu nhiệm với tưởng thức, với tâm thức.

Sự linh thiêng của thế giới siêu hình đối với hạng người tin nó, có những người không tin thì không có thiêng. Người sống trong trí tuệ ý thức thì không bao giờ tin có thế giới siêu hình, là những người sống không mê tín. Người thường sống trong trí tuệ tưởng thức là người tin có thế giới siêu

hình, là những người mê tín.

Vì thế một người còn đang sống thì luôn luôn có hai thế giới hữu hình và vô hình, còn khi chết thì hai thế giới này cũng không còn.

Một người chết là tất cả đều hết. Hành động nhân quả hằng ngày đều trả về nhân quả. Và tất cả những hành động nhân quả ấy tiếp tục lại luân hồi tái sinh làm chúng sanh khác, thứ hai, thứ ba và thứ vô lượng kiếp.

Người nào tin có thế giới siêu hình là người sống trong tưởng thức, phán xét bằng tưởng tuệ, là người không trí tuệ, thường sống trong ảo ảnh, mơ hồ, trừu tượng, thiếu thực tế, thiếu khoa học. Còn người không tin có thế giới siêu hình là người sống trong ý thức. Người có trí tuệ, người có óc khoa học, thích sống thực tế.

Người sống trong tưởng tuệ thường bị người khác lừa đảo, thường sống trong cảnh khổ đau hơn người sống trong trí tuệ.

Bệnh tật, tai nạn xảy ra thì những người sống trong tưởng thức, khổ đau nhiều hơn người sống trong ý thức.

Người sống trong tưởng thức thường tổn hao tiền của một cách ngu si, **“tiền mất tật mang”**. Còn người sống trong ý thức khó ai lừa đảo họ được.

Chính những nhà ngoại cảm, đồng, cốt, các tôn giáo và các hệ phái tư tưởng mang màu sắc siêu hình khác nhau, đều bị sự lừa đảo của tưởng thức mà họ không hề hay biết.



THẦN GIAO CÁCH CẢM

Hỏi: Kính thưa Thầy, con có một ông chú họ, có thể nói được tâm vốc và tính tình của một người tương lai sẽ làm dâu của con. Mặc dù chưa bao giờ gặp mặt. Đã ba năm rồi khi con dâu con về nhà thì con suy ngẫm đúng hệt như ông đã nói.

Vậy con kính bạch Thầy, Thầy dạy cho con hiểu thêm.

Đáp: Đây cũng do tưởng ám của ông chú này đã giao cảm được với cô con dâu của con mà chưa bao giờ biết mặt. Tất cả những sự việc có vẻ siêu hình và mâu nhiệm, mà hiện nay con người không thể giải đáp được,

chỉ vì nó vượt ra khỏi tầm hiểu biết của ý thức loài người.

Chỉ có những người tâm không còn tham, sân, si thì mới thấy được năng lực mầu nhiệm của tướng ấm loài người, thật là kỳ lạ và mầu nhiệm. Nhưng khi một người đã chết thì thế giới của tướng ấm kia cũng không còn.

Trong môi trường sống trên hành tinh này, nó đầy đủ các duyên vận chuyển hợp tan không bao giờ ngưng nghỉ. Do sự vận chuyển hợp tan này mà vạn vật phải vô thường.

Sự vô thường này chia làm hai mặt:

1/ Sự vô thường về hữu hình.

2/ Sự vô thường về vô hình.

Sự vô thường về hữu hình thì ai cũng rõ, đó là sự sanh diệt của vạn hữu. Còn sự vô thường về vô hình thì ít ai biết đến. Và người ta còn lầm chấp cho rằng thế giới vô hình thì trường tồn vĩnh viễn.

Khi con người chết ở thế giới hữu hình thì họ trở về thế giới vô hình vĩnh cửu. Ở thế giới hữu hình còn chưa hiểu hết thì

làm sao hiểu được thế giới vô hình. Vì thế, người ta hiểu thế giới vô hình chỉ là một sự “**tưởng hiểu**” Tưởng hiểu nên thế giới siêu hình không thật sự có.



TƯỞNG ẤM

Hỏi: Kính bạch Thầy, tưởng ấm là gì? Tưởng ấm ở đâu?

Đáp: Tưởng ấm là một duyên trong thân ngũ ấm. Thân ngũ ấm gồm có:

- 1/ Sắc ấm.
- 2/ Thọ ấm.
- 3/ Tưởng ấm.
- 4/ Hành ấm.
- 5/ Thức ấm.

Năm ấm này hợp lại thành thân người. Vì thế chia ra làm hai phần:

1/ Về phần hữu hình thì duy nhất chỉ có sắc ấm.

2/ Về siêu hình gồm có bốn ấm kia: Thọ ấm, hành ấm, tưởng ấm và thức ấm.

Nhưng dù thế giới hữu hình hay siêu hình đều hoạt động do phần sắc ấm, phần sắc ấm rất quan trọng nhất là bộ óc của con người. Thế giới hữu hình và thế giới siêu hình cũng do nó chỉ huy. Vì thế khi sắc thân hoại diệt thì bộ óc cũng hoại diệt theo. Bộ óc ngoại diệt thì thế giới siêu hình cũng hoại diệt theo

Cho nên Đức Phật dạy: ***“Khi một người chết thì toàn thân ngũ ấm đều hoại diệt không còn một ấm nào cả”***.

Như vậy tướng ấm chỉ là một duyên của thân ngũ ấm và nó ở trong thân ngũ ấm. Đó là thế giới siêu hình của quý vị, mong quý vị hãy bỏ đi, đừng có vô minh, tự làm khổ mình mà không biết.

Thế giới siêu hình chẳng có ích lợi gì mà còn tai hại cho đời sống của quý vị.

Hãy bỏ xuống! Hãy bỏ xuống! Đó là một ảo ảnh, một hình bóng của thế giới hữu hình của con người.



THẤY MA

Hỏi: Con đã được đọc quyển Vôga, của Bun Gari. Bà Vôga này là một người mù bà nói gần đúng như Thầy. Nhưng có khác Thầy là: bà Vôga nói rằng: bà ấy nhìn thấy ma, và ai đến xem về người âm bà Vôga có thể nói về người chết đó hiện nay đang mặc quần áo gì, và đang đứng trước mặt bà ấy. Vậy con kính bạch Thầy giải thích cho con được rõ thêm.

*Đáp: Bà Vôga là một nhà ngoại cảm, trường hợp tưởng thức của bà Vôga giao cảm với những từ trường của những người chết hay nói cách khác là tưởng thức của bà bắt gặp từ trường tưởng thức của người chết còn lưu lại trong không gian những hình ảnh, âm thanh và hành động. Khi bắt gặp như vậy thì bà Vôga thấy người chết nói chuyện với bà, và kể lại tất cả những sự việc đã xảy ra. Vì thế, bà Thấy ma và còn nói chuyện với ma, đó là năng lực tưởng thức của bà tạo ra con ma để kể lại cho bà nghe, và bà nói lại cho người khác nghe, chứ con **“ma tưởng”** của bà không thể nói cho người khác nghe được mà mượn thân miệng bà nói lại, trường hợp này cũng giống như lên*

đồng, nhập cốt, nhưng lên đồng, nhập cốt thì thân lúc lắc hoặc ợ, ngáp v.v.....còn bà Vôga thì rất tự nhiên, vì bà bị mù mắt, nên bà thường sống với tưởng thức của mình nhiều hơn ý thức.

Ở đây chúng ta nên hiểu, tưởng của bà giao cảm với người chết rồi mượn thân miệng bà nói lại cho người khác biết.

Ví dụ: thân miệng của bà làm thông ngôn cho tưởng ám của bà để nói lại cho chúng ta biết những gì đã xảy ra của một người đã chết từ lâu hay mới chết, chứ không phải có con ma thật nào nhập vào bà.

Do đó, Đức Phật đã xác định: **“thế giới siêu hình”** là thế giới của **“tưởng tri”** chứ không phải là **“liễu tri”**.



NĂNG LỰC CỦA TƯỚNG

Hỏi: Kính bạch Thầy, người ta vì bốc mả người chết mà đổ nước vào trong quan tài khấn vài câu, xương nổi lên mặt nước hết vì sao? Xương bốc bỏ vào tiểu đầy không hết, đây nắp không được, nhưng nếu khấn vài câu tự nhiên xẹp xuống và đây nắp kín.

Con kính mong Thầy giải thích cho con được rõ?

Đáp: Từ nhỏ còn bé cho đến hôm nay tuổi Thầy đã gần đất xa trời mà chưa có một lần đi bốc mả, vì miền Nam không có tục lệ như miền Bắc. Do đó Thầy không có dịp trực tiếp quan sát những sự việc xảy ra khi bốc mộ, nhưng theo sự suy tư của Thầy có hai trường hợp xảy ra:

1/ Về khoa học xương người chết, nước và không khí có tác dụng khoa học, khiến xương nổi lên và xẹp xuống.

2/ Về phần tâm linh thuộc về tướng âm. Khi tâm thành khẩn thì năng lực tướng của người khẩn phát tác, khiến cho xương nổi lên và xẹp xuống đây kín nắp tiểu.

Ở đây, chúng ta đừng hiểu theo kiểu mê tín có linh hồn người chết khiến cho xương nổi lên, xương nổi lên cần gì phải đổ nước vào quan tài? Nếu khẩn mà linh thiêng thì khẩn cho tất cả xương đều bay vào tiểu, cần gì người ta phải lượm xương chắt vào tiểu.

Tất cả những sự việc trên đây mà con hỏi cũng đã khiến cho người ta phải tin

rằng có thế giới siêu hình có thật. Vì không ai hiểu và giải thích được của một năng lực tưởng của người còn sống siêu thời gian và không gian.

Vì thế chỉ có những người tu hành đúng chánh pháp của Phật vượt không gian và thời gian thì mới thấu rõ được năng lực của tưởng của người còn sống thật là vi diệu.

Từ xưa đến nay loài người và các tôn giáo đều không hiểu rõ năng lực của tưởng nên lầm lạc cho đó là thế giới siêu hình. Vì thế, mà thế giới siêu hình được duy trì và tồn tại sống mãi đến ngày hôm nay. Mặc dù dân trí của loài người nhờ khoa học nâng lên tầm hiểu biết khá sâu rộng, tuy chưa hoàn chỉnh nhưng cũng tiến bộ rất xa.... Sự tiến bộ này đã bắt đầu làm rung chuyển thế giới siêu hình. Cho nên Đại Thừa và Thiền Đông Độ sẽ không còn lừa phỉnh được ai.

Rồi đây thế giới siêu hình hoàn toàn bị triệt tiêu trên hành tinh này do các nhà khoa học và đạo đức học. Và loài người không còn bị lừa đảo bởi thế giới siêu hình này nữa.



CÂU CHUYỆN LIÊU TRAI

Hỏi: Kính bạch Thầy, người ta bảo trần sao âm vậy. Vì người ta từng đi “tem” qua chỗ tha ma người ta thấy họ cũng họp chợ lao xao tiếng nói như người. Vậy như thế nào? Xin Thầy dạy cho chúng con được rõ.

Kính thư

Đào Thị Vinh.

Đáp: Đây là câu chuyện Liêu Trai mà người ta đã chịu ảnh hưởng tư tưởng của Bồ Tùng Linh. Những chuyện Ma của Bồ Tùng Linh là một tư tưởng phi không gian và thời gian có nghĩa là không có sự chết mà chỉ có một sự hiện hữu trong cuộc đời này bằng hai mặt: sắc và vô sắc.

Với đôi mắt của Bồ Tùng Linh thế giới hữu hình và thế giới siêu hình chỉ là một, chứ không hai. Do thế một tiểu thư con gái nhà quan đã chết hơn trăm năm mà vẫn thành chồng vợ với một cậu thư sinh mới mười tám tuổi.

Vì thế, sự họp chợ ngoài nghĩa địa tha ma là một sự tưởng tượng phi không gian và thời gian của nhà văn Bồ Tùng Linh.

Chúng ta phải đứng trong góc độ của ý thức xây dựng cho mình một nền đạo đức chân thật để mang hạnh phúc an vui cho mình cho người, đừng nên sống trong sự tưởng tượng của Bồ Tùng Linh, nó không lợi ích thiết thực mà chỉ là một giấc mơ ảo huyền, đôi khi còn ám ảnh tâm hồn của chúng ta trong thế giới ma.

Nếu chúng ta không hiểu ý nghĩa của Bồ Tùng Linh thì cái thế giới tưởng siêu không gian và thời gian này sẽ mang cho chúng một sự mê tín rất lớn và còn đem tai hại cho đời sống của chúng ta nhiều khổ đau hơn là hạnh phúc.

Là một con người chúng ta phải sống chân thật cho mình, đừng sống trong ảo tưởng, mà phải sống trong nền đạo đức nhân bản nhân quả không làm khổ mình khổ người, để khắc phục những nỗi khó khăn của kiếp làm người. Những nỗi khó khăn đó đang chờ đợi chúng ta ở phía trước.



Chương XI

LIỄU THIÊN HỎI ĐẠO

(Ngày 8 tháng 3 Âm lịch, năm 2000)

--->>❖<<---

SỐNG LÀ TU

Hỏi: Kính thưa Thầy, Sống là tu, tu là sống như thế nào?

Đáp: Thường người ta quan niệm tu hành, khác với cuộc sống. Khi tu phải lìa xa cuộc sống thế gian, không có sống chung với người thế gian, nghĩa là khi đi tu thì phải cắt ái, ly gia, bỏ vợ, bỏ con, bỏ cả sự nghiệp, lìa xa gia đình, những người thân, ngay cả cha mẹ và anh em dòng họ v.v.... Người tu hành phải thực hiện các pháp môn hằng ngày như: ngồi thiền, tụng kinh, niệm chú, niệm Phật, lạy hồng danh chư Phật v.v.....

Những pháp môn này không phải của Đức Phật dạy mà của ngoại đạo khéo lồng vào giáo pháp của Đức Phật để lừa đảo tín

đồ Phật Giáo.

Bước vào Đạo Đế tức là bước vào một chân lý trong bốn chân lý của Đạo Phật. Mà Đạo đế là pháp hành của Đạo Phật dạy chúng để sống trong cuộc sống với mọi người thì làm gì có dạy chúng ta ly gia cắt ái, bỏ vợ, bỏ con, bỏ cha, bỏ mẹ, bỏ gia đình sự nghiệp v.v..Khi bắt đầu vào tu theo pháp môn của Đạo Phật thì Ngài dạy chúng ta phải sống đúng chánh kiến, nghĩa là hằng ngày chúng ta phải thấy và hiểu biết: Cái nào thiện thì biết là thiện, cái nào ác thì biết là ác; biết thiện thì tăng trưởng, vì thiện không làm khổ mình khổ người; biết ác thì ngăn ngừa và diệt chúng để không làm khổ mình khổ người. Người thấy và biết sống như vậy là chánh kiến.

Sống không làm khổ mình khổ người là tu, mà người tu tập phải sống có chánh kiến, mà sống có chánh kiến tức là tu tập. Như vậy Đạo Phật không có dạy chúng ta tụng kinh, ngồi thiền, trì chú, cúng bái, tế lễ v.v.....mà dạy chúng sống đúng chánh kiến, sống đúng chánh tư duy, sống đúng chánh nghiệp, sống đúng chánh mạng, sống đúng chánh tinh tấn, sống đúng chánh niệm

và như vậy chúng ta sẽ sống đúng chánh định tức là chánh thiên định mà chánh thiên định tức là bắt đầu từ Sơ Thiên cho đến Tứ Thiên, mà Sơ Thiên tức là ly dục ly ác pháp, mà ly dục ly ác pháp tức là chánh kiến.

Như vậy, không phải sống là tu hay sao? Và tu là sống không làm khổ mình khổ người thì có đúng không? Cho nên thiên định là cuộc sống mà tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ, chứ không phải thứ thiên định là cuộc sống “Ngôi thiên”.

Sự tu tập của Đạo Phật không là cuộc sống, kẻ nào là cuộc sống ngôi thiên, tụng kinh v.v.....thì tu hành không bao giờ có sự giải thoát. Xa là cuộc sống mà sống phạm giới, phá giới, thì có khác gì cuộc sống của người thế gian, thì người đó tu không đúng Đạo Phật, mà đang tu theo ngoại đạo. Tu theo ngoại đạo thì sẽ rơi vào tà kiến, tà niệm, tà thiên, tà định, thì đời đời kiếp kiếp sẽ trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi.



CON NGƯỜI TỪ ĐÂU SANH?

Hỏi: Con người từ nhân quả sanh ra là sao? Nghĩa như thế nào? Sống trong nhân quả? Chết trở về nhân quả? Nghĩa nó như thế nào? Xin Thầy giảng cho chúng con được hiểu.

Đáp: Con người từ nhân quả sanh ra có nghĩa là con người được sanh ra từ những hành động nhân quả thiện ác của môi trường sống.

Đức Phật dạy: **“Vô minh”** sanh **“hành”**, **“hành”** sanh **“thức”**. Vậy **“thức”** có được là nhờ **“hành”**, **“hành”** có được là nhờ **“vô minh”**. Do vô minh mới có những hành động lúc ác, lúc thiện; do hành động lúc ác, lúc thiện mới có làm khổ mình, khổ người, do hành động ác và thiện này mà sanh ra thức, do thức mới có danh sắc.

Trên đây là nói theo kinh sách, nói theo lời dạy của Đức Phật, còn nói theo thực tế qua cái nhìn hiểu biết của ý thức, thì con người từ môi trường sống sanh ra. Trong môi trường sống gồm có đất, nước, gió, lửa, các chất khí và các từ trường, do sự vận hành của các chất khí và các từ trường mà

tạo ra sự biến dịch thay đổi không ngừng của các vật thể, vì thế mà tạo các duyên tan hợp, nhờ các duyên tan hợp này mà vạn vật sanh ra.

Con người từ nhân quả sanh ra, chết trở về nhân quả, chứ không từ đâu sanh và cũng không về đâu. Đó là câu trả lời: ***“Con người từ đâu sanh ra và chết đi về đâu?”***

Câu trả lời này rất cụ thể và dễ hiểu. Vì con người từ cát bụi và không khí (môi trường sống) sanh ra thì chết cũng trở về cát bụi và không khí (môi trường sống).

Nếu không có môi trường sống thì con người không thể sanh ra được, như mặt trăng, mặt trời và các hành tinh khác không có sự sống thì không có vạn vật sanh ra.

Sự sanh ra được vạn vật trong vũ trụ là nhờ sự vận hành của các duyên lúc hợp lúc tan; lúc hợp lúc tan, tức là có sự thay đổi. Sự thay đổi ấy Đức Phật gọi các duyên là vô thường, hay các pháp vô thường đều có nghĩa này. Do các pháp vô thường và biết chắc chắn như vậy nên Đức Phật xác định: ***“Mười hai nhân duyên khi tan rã thì***

không còn duyên nào cả, cũng như thân ngũ uẩn, khi một người chết thì không còn uẩn nào cả". Do đó Đức Phật lại còn xác định thêm: ***"Nếu các duyên dù còn một chút xíu như đất trong móng tay Ta thì Đạo Ta không ra đời, vì không giải khổ cho ai được hết"***. Do tánh chất vô thường thay đổi của các pháp, nên con người tu hành giải thoát được.

Ví dụ: Một người chửi mắng chúng ta, nhưng chúng ta không chửi mắng lại họ, không buồn tức giận họ, và còn khởi tâm thương họ, thì ngay đó nó đã thay đổi các duyên của các ác pháp đó trở thành các duyên cho các thiện pháp. Do tánh chất các pháp vô thường thay đổi như vậy nên chúng ta thấy được sự giải thoát một cách cụ thể và rõ ràng. Nếu các pháp không vô thường, cố định, hay nói cách khác là các pháp có tánh chất thường hằng thì không thể làm thay đổi được ác pháp thành thiện pháp được.

Ví dụ: Một người chửi mắng chúng ta thì chúng ta phải tức giận và chửi mắng lại họ. Nếu tánh chất các pháp thường hằng thì ác pháp này không thể thay đổi được,

nếu thay đổi không được thì con người dù có tu hành cũng không thể giải thoát được.

Nếu các pháp không thể thay đổi được thì các pháp phải có bản thể thường hằng, nếu các pháp có bản thể thường hằng thì con người phải có đời sống sau khi chết, nếu có đời sống sau khi chết thì con người phải có linh hồn, có linh hồn thì thế giới siêu hình mới có.

Nếu thế giới siêu hình có thì phải có một ông vua của thế giới này, và ông vua của thế giới này thì phải là một đấng toàn năng, một đấng tạo hóa, một đấng toàn thiện v.v.....Mà là đấng tạo hóa, toàn năng, toàn thiện khi tạo tác ra con người và vạn vật thì con người và vạn vật phải là hiền lành không bao giờ giết hại và ăn thịt lẫn nhau.

Con người và vạn vật do đấng toàn thiện sanh ra thì phải thương yêu nhau, đùm bọc lẫn nhau, chứ có đâu giết hại lẫn nhau mà chẳng hề xót thương chút nào.....

Do thế chúng ta không tin thuyết này vì nó không thực tế, mơ hồ, trừu tượng, cho nên những tôn giáo xây dựng thế giới siêu

hình đã lỗi thời, không thể còn lừa đảo được ai nữa, khi trình độ hiểu biết của con người được nâng lên theo sự tiến bộ của khoa học.

Cho nên thuyết “***nhân duyên***” của Phật Giáo là phù hợp, là thực tế, cụ thể như khoa học, Vì thế, không có một triết thuyết nào bài bác nó được, nó là một sự thật hiển nhiên của vạn vật trên hành tinh này đều do duyên hợp.

Mà đã do duyên hợp thì chỉ có môi trường sống mới có sanh ra vạn vật, từ loài rong rêu, cỏ cây cho đến các loài động vật nhỏ nhất như vi trùng, vi khuẩn v.v.....

Con người cũng là một loài động vật như bao nhiêu loài động vật khác nên cũng từ môi trường sống sanh ra. Vì thế chúng ta khẳng định: “***Con người từ nhân quả sanh ra chết trở về nhân quả***”.



TƯỚNG TRI VÀ THẬT TRI

Hỏi: Tướng tri và thật tri nghĩa như thế nào?

Đáp: Tướng tri và thật tri khác nhau

không giống nhau. Tưởng tri là sự hiểu biết qua tưởng thức, thật tri là sự hiểu biết qua ý thức.

Ví dụ: Một người chưa từng bao giờ thấy ma, nghe người ta nói ma, họ diễn tả con ma hình thù bằng cách này, bằng cách khác. Do sự tưởng diễn tả những hình ảnh của ma. Từ đó năng lực tưởng thức của chúng ta mô phỏng theo hình dáng đó xuất hiện, khiến chúng ta nhìn thấy con ma như thật. Cái thấy con ma thật sự như vậy gọi là tưởng tri.

Cho nên cái thế giới siêu hình cũng do từ năng lực của tưởng tạo ra, chứ không phải có linh hồn người chết nhập vào người còn sống, mà chính người còn sống mới có năng lực tưởng tri của mình tạo ra. Chính năng lực tưởng tri của người đó đã nói chuyện với người đó.

Vì thế các nhà ngoại cảm vẫn thấy có linh hồn người chết mượn xác thân mình nói chuyện với người còn sống.

Những sự hiểu biết như vậy qua tưởng thức như vậy gọi là tưởng tri.

Còn thật tri là sự hiểu biết qua ý thức,

chắc quý vị ai cũng đều rõ. Khi chúng ta phân biệt mọi vật trước mắt mà hiểu được mọi vật đó một cách rõ ràng và cụ thể thì đó là thật tri.

Thật tri chính là ý thức của chúng ta đang sử dụng hằng ngày trong cuộc sống. Đó là sự hiểu biết phân biệt phải, trái, tốt, xấu, trắng, đen, dơ, sạch, thiện, ác v.v.....

---->>❖<<----

PHẠM HẠNH

Hỏi: Thân người do tâm ham muốn (dục) mà có. Do ái dục mà có sanh y. Muốn bước lên quả vị Thánh thì phải triệt tiêu ái dục, triệt tiêu ái dục thì phải triệt tiêu sanh y. Vậy triệt tiêu sanh y như thế nào? Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.

Đáp: Muốn triệt tiêu sanh y, tức là phải sống đúng đời sống giới luật của Phật, có nghĩa là sống đúng phạm hạnh của một vị Thánh Tăng. Phạm hạnh của một vị Thánh Tăng như thế nào?

Chúng ta hãy nghe kinh dạy: **“Cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, sống không gia đình, không nhà cửa, thiếu dục, tri túc,**

ba y một bát, tâm hồn trắng bạch như vỏ ốc, phóng khoáng như hư không". Đó là một lối sống triệt tiêu sanh y, lối sống giới luật, có sống đúng giới luật thì tâm mới ly dục ly ác pháp, tâm có ly dục ly ác pháp thì mới đoạn dứt sanh y, đoạn dứt sanh y thì tâm mới bất động trước các ác pháp.

Như vậy chúng ta thấy rõ ràng, muốn làm chủ sanh, già, bệnh, chết thì sanh y là cửa vào của chúng ta. Muốn bước vào cửa sanh y thì phải mở ổng khóa giới luật. Cho nên giới luật là một pháp môn vô cùng quan trọng cho người mới bắt đầu tu theo Đạo Phật.

Nếu tu hành theo Đạo Phật mà không nghiêm trì giới luật, thì tu hành chẳng ích lợi gì và còn phí công vô ích, uống một đời tu chỉ có hình thức mà thôi.

Vì thế người cư sĩ tu theo Đạo Phật, muốn làm chủ sanh, già, bệnh, chết thì phải Thọ Bát Quan Trai, một tháng ít nhất cũng phải có một ngày tu tập làm Phật, tức là một ngày giữ giới trọn vẹn.

Một ngày giữ giới trọn vẹn là một ngày lìa xa sanh y, lìa xa sanh y tức là lìa dục, lìa

ái dục tức là giải thoát.

Vậy giới luật là một pháp môn quan trọng nhất cho con đường giải thoát của Đạo Phật, nếu ai tu theo Đạo Phật mà phạm giới, phá giới, xem thường giới luật Phật, là tu theo ngoại đạo, tu theo tà giáo thì con đường tu tập để được giải thoát sẽ còn rất xa và xa biệt mù.



Bài Viết
CỦA
G.S. TRẦN PHƯƠNG

(Hà Nội, tháng 12 năm 1999)

--->❖<---

THẾ GIỚI SIÊU HÌNH KHÔNG CÓ

Vào ngày 17 tháng 6 năm 2000 chúng tôi có nhận được một tài liệu nói về thế giới siêu hình do cô Minh Châu đưa về. Muốn làm sáng tỏ vấn đề này thì chỉ có những người nhập được Tứ Thánh Định và Tam Minh của Đạo Phật thì mới đủ khả năng giải thích cho mọi người rõ.

Dưới đây là một bài viết của Giáo sư Trần Phương ghi lại sự tìm kiếm hài cốt cô em gái của mình (một liệt sĩ). Người muốn nói lên những điều mắt thấy, tai nghe mà mình đã chứng kiến trên bước đường tìm hài

cốt đưa em thân thương của mình, nhưng không sao giải thích được, qua những việc làm của các nhà ngoại cảm.

Phải chăng có sự sống sau khi chết?

Nếu có sự sống sau khi chết, thì thế giới siêu hình là có thật. Và sự mê tín của con người sẽ không còn là mê tín nữa.

Vậy chúng ta hãy đọc: **“TÌM HÀI CỐT LIỆT SĨ, MỘT HÀNH TRÌNH ĐẦY BÍ ẨN”** của Giáo sư Trần Phương.

Tôi có cô em gái, kém tôi hai tuổi (sinh năm 1929), tên là Vũ thị Kính, thuở nhỏ gọi tránh là Cánh. Từ hồi kháng chiến chống Pháp được biết đến cái bí danh Trần thị Khang. Cô tham gia cách mạng 16 tuổi, tỏ ra là một giao liên gan dạ, một cán bộ phụ vận có uy tín. Năm 1950 cô là Huyện Ủy viên của Đảng bộ Phù Cừ (ĐCSVN), Bí thư phụ nữ cứu quốc Huyện, người tổ chức chỉ huy đội nữ du kích Hoàng Ngân trong Huyện. Tháng 6 năm đó, địch bắt được cô từ hầm bí mật, đưa về bót La Tiến (bót đóng ngay trên bến đò La Tiến), là một bót khét tiếng tàn ác, một đồn binh lớn án ngữ phía Nam tỉnh Hưng Yên, phía Bắc tỉnh

Thái Bình và phía Tây tỉnh Hải Dương. Chúng biết cô là ai, vì vậy đã dùng mọi cực hình tra tấn, hòng buộc cô khai báo và đầu hàng. Trước khí tiết không lay chuyển của cô, chúng đã giết chết cô và vát xác cô xuống sông Luộc. Sau ngày cô hy sinh, đội nữ du kích Hoàng Ngân của Huyện đã phát động: **“Tuần lễ giết giặc, trả thù cho chị Khang”**. Chánh phủ đã truy tặng cô Huân chương kháng chiến hạng nhì.

Huyện Ủy và đội du kích Hoàng Ngân đã tổ chức đi tìm xác cô, nhưng không thấy. Đây là nỗi đau đứt xót xa của gia đình tôi suốt mấy chục năm. Mặc dù vẫn biết rằng người chết thì mọi nỗi đau cũng chấm dứt. Mẹ tôi hồi còn sống, thỉnh thoảng lại hỏi tôi: **“có tìm thấy xác em không?”** Tôi đành tìm lời an ủi: **“Bao giờ chiến tranh hết, con sẽ tổ chức việc tìm kiếm, chắc là được mẹ ạ!”** Nói thế mà lòng tôi muốn khóc, vì biết mình bất lực trước nỗi đau của mẹ. Cả một dòng sông Luộc mênh mông như thế trôi ra biển cả, biết tìm kiếm nơi đâu?

Mười năm lại đây, nghe tin nhiều người tìm được hài cốt người thân, bằng gọi hồn, bằng ngoại cảm, bằng thấu thị. Tóm lại là

bằng những phương pháp, được xem là thần bí, chưa ai lý giải được. Tôi vốn được đào tạo theo tinh thần khoa học thực nghiệm, cái gì chứng minh được mới tin là có, cái gì chưa chứng minh được thì dứt khoát không tin. Trong đời, tôi chưa bao giờ tin có linh hồn, thần, thánh, ma, quỷ. Ngay những ngày giỗ bố mẹ, tôi cũng không làm cơm cúng, không thắp hương, chỉ sửa một lọ hoa tươi để tự mình tưởng nhớ. Vậy mà khi nghe những tin trên, trong lòng tôi hé lên một niềm hy vọng mong manh: biết đâu đấy? Nếu bằng phương pháp thần bí mà tìm được hài cốt em tôi thì có gì phải câu nệ? Miễn là có cái gì đó để nhận biết hài cốt ấy đúng là của em tôi. Và điều này mới chính là điều khó nhất. Sau hơn năm chục năm trôi dạt, hài cốt có còn gì không để nhận ra em tôi? Nếu còn thì may ra là còn được hàm răng không nhuộm đen. Nhưng thời đó, thiếu gì con gái không nhuộm răng đen? Đã có lần bạn bè mách bảo tôi một bộ hài cốt vô thừa nhận mà đặc biệt là hàm răng không nhuộm đen. Lúc đó, chính tôi đã phân vân: nhận một hài cốt mà trong lòng nghi hoặc, mỗi khi tưởng niệm thì có ý nghĩa gì? Còn khám nghiệm AND? Đó là chuyện xa vời. Trong

tình cảnh bất lực của chính mình và của khoa học thực nghiệm thì bất cứ phương pháp nào giải tỏa được nỗi ray rứt trong tôi và gia đình tôi đều phải được xem trọng. Nghĩ thế tôi bèn tìm cách tiếp cận các nhà ngoại cảm có tiếng tăm. Một số thông tin báo rằng hài cốt vẫn còn, nhưng chưa có ai chỉ rõ được nơi chôn cất.

Giữa lúc ấy thì tôi gặp chị Tuyết Nga là người đã nhờ ông Liên tìm được mộ bà mẹ bị giặc sát hại từ những năm 60. Chị khuyên tôi nên tìm đến bạn chị là anh Nguyễn Văn Nhã, một người nổi tiếng ở miền Nam, vì đã tìm thấy nhiều mộ liệt sĩ. Chị gọi điện cho anh Nhã, và ngay chiều hôm đó anh bay ra Hà Nội.

Sớm ngày hôm sau, ngày 25 /7/ 1999, tôi gặp anh Nhã, anh chưa đến 50 tuổi, là một kỹ sư Hóa, Đảng viên, nhiều năm làm công tác ở đoàn viên thanh niên Cộng Sản thành phố Hồ Chí Minh. Theo anh nói thì anh mới có khả năng đặc biệt này từ trước Tết và không được ai huấn luyện cả. Anh đã vẽ hơn sáu trăm ngôi mộ, tỷ lệ trúng đạt sáu chục phần trăm. Có những trường hợp trúng đến mức chính anh cũng phải kinh

ngạc. “**Thông tin**” đến với anh như thế nào thì anh vẽ như thế ấy. Còn thông tin từ đâu đến, trúng hay trật, đối với chính anh cũng là điều bí ẩn.

Trong căn phòng làm việc của tôi, không có hương khói gì cả, anh hỏi tôi và vợ tôi mấy thông tin đơn giản: Cô em tên là gì? Sinh năm nào? Hy sinh ngày tháng nào? Ở đâu? Người đi tìm tên là gì? Anh lại hỏi bến đò La Tiến thuộc xã nào? Huyện Phù Cừ thuộc tỉnh nào? Bến đò ấy có cây cầu không? (chứng tỏ anh không biết gì về vùng đất đó cả). Rồi anh lấy một tờ giấy to và mấy cây bút màu ra vẽ bản đồ, vẽ một cách thư thả, lưu loát, không gạch xóa gì cả. Mọi việc chỉ diễn ra trong vòng mười phút.

Nhìn vào bản đồ, tôi thấy anh vẽ con sông uốn lượn đường to đường nhỏ giao nhau, rồi ghi: từ bến đò La Tiến đi về hướng Đông Nam thấy một trường học đi chừng 1 km6 thì đến một ngã tư, phía trái ngã tư thấy một quán tạp hóa có cửa màu xanh dương, lúc đó rẽ tay phải, thấy một cái đình, đi chừng một km thì rẽ trái vào một con đường nhỏ, đi chừng 60 mét thì rẽ phải, đi chừng 45 mét nữa thì đến mộ. Mộ nằm trên đất cô

Nhường 47 tuổi đối diện với mộ về hướng Tây là quán ông An 56 tuổi. Mộ chôn về hướng Tây, cách một gốc cây độ 4 mét, trên mộ có một khúc cây dài 4 tấc, một cục gạch vỡ màu nâu đỏ và năm cây cỏ dại có hoa màu tím nhạt.

Rồi anh hỏi tôi: Bao giờ thì đi tìm mộ? Tôi trả lời: Để chuẩn bị thì cũng phải 2 tuần nữa. Anh nói chậm quá, nên đi sớm. Tôi quyết định: 3 ngày nữa thì đi. Anh nói: tôi phải cho anh một tín hiệu để dễ tìm. Hai con bướm nhé? Tôi nói: Hai con bướm thì sợ khó tìm. Anh ngẫm nghĩ mấy giây rồi nói: Vậy thì một bé gái nhé? Rồi anh ghi tiếp vào tấm bản đồ 13h30 ngày thứ tư 28 tháng 7 sẽ có một bé gái chừng 11 tuổi, mặc áo hoa xanh đến gần mộ (Tôi thật không hiểu anh làm cách nào mà điều được cho tôi một cô bé đến vào ngày đó, giờ đó) rồi anh dặn: Nếu anh đến sớm thì năm cây cỏ dại có 10 bông hoa tím, nếu anh đến muộn thì chỉ còn 5 bông.

Ngạc nhiên quá tôi hỏi anh: Anh không biết gì về vùng đất đó cả, vậy dựa vào cái gì mà anh vẽ ra tấm bản đồ chi tiết như vậy?

Anh nói: Tôi thấy trong đầu tôi hiện ra

như thế nào thì tôi vẽ như thế nấy tôi cũng chẳng hiểu nữa.

Tôi lại hỏi: Còn những tên người kia? Tại sao gọi là đất cô Nhường, là quán ông An?

Anh nói: Tôi thấy trong tai tôi như có âm thanh ấy có thể là Nhường, Nhường, Nhường gì đó, cũng có thể là 47 tuổi hay 87 tuổi, Còn An thì cũng có thể là Am. Anh còn dặn thêm: Có thể phải xem cái bản đồ này từ âm bản. Lời dặn này, lúc ấy tôi không để ý lắm.

Vẽ bản đồ trao đổi trong vòng nửa tiếng xong, anh Nhã chia tay tôi, để vội vã bay về thành phố Hồ Chí Minh, nơi anh đang phải điều hành một công ty tư vấn.

Về phần tôi, tin hay không tin thì vẫn phải làm theo chỉ dẫn của anh. Còn có cách nào khác đâu?

Tìm mộ ngày thứ nhất.

Đúng hẹn ngày 28 tháng 7 cả gia đình tôi phóng về bến đò La Tiến, cách Hà Nội chừng 100 km. Chúng tôi chia nhau làm nhiều ngả, đối chiếu với bản đồ mà tìm. Tất

cả các ngã đều không tìm được những dấu hiệu khớp với bản đồ, trừ một ngã hướng thẳng vào giữa làng La Tiến, hướng này do anh Đạt, một cán bộ về hưu có cái quán giải khát ở bến đò, chỉ dẫn. Khi xem bản đồ, cụ Yến, cũng đang ngồi ở quán giải khát nói: Cái bản đồ này vẽ theo đường ngày xưa, ang áng như bây giờ thôi, có mấy đoạn đã được nắn lại. Tuy nhiên, đường từ bến đò đến nơi ghi là phần mộ lại rất ngắn, chỉ bằng một phần ba cự ly ghi trong bản đồ. Tôi dùng điện thoại di động hỏi anh Nhã, anh trả lời: miễn là tìm thấy các dấu hiệu đã ghi, nhất là 4 dấu hiệu nơi phần mộ, còn cự ly thì có thể là do anh ước lượng không chính xác.

Lần theo hướng ghi trên bản đồ và các dấu hiệu trên đường (trường học, đình, quán tạp hóa có cửa màu xanh nước biển, đến ngã tư rẽ phải, rồi rẽ trái, rồi lại rẽ phải _ tất cả đều đúng) chúng tôi đến đất nhà anh Điển, một nông dân kiêm thợ nề trên 60 tuổi. Cả hai vợ chồng đều gầy gò ốm yếu nhưng tốt bụng. Ông bà sẵn sàng cho chúng tôi tìm bới hài cốt liệt sĩ, mặc dù không tin rằng đất trong đê lại có thể có hài cốt liệt sĩ. Ông bà Điển cũng như nhiều người khác đều chỉ chúng tôi ra dải đất bãi phía ngoài đê, cạnh

vụng Quạ (gọi thế là vì có nhiều quạ bay tới vụng để ăn xác chết bị cuốn vào vụng) mà từ nhà ông Diển nhìn ra thì về hướng Đông, chưa đến nửa cây số cạnh vụng quạ, vẫn còn ba cái mộ vô thừa nhận. Chúng tôi đến đó xem xét rất kỹ, nhưng không thấy một dấu hiệu nào như anh Nhã đã cho, đành quay về nhà ông Diển, theo đúng bản đồ.

Giữa mảnh đất rộng chừng hai sào, có một ngôi nhà gạch hướng Đông Nam, trước nhà là sân gạch tường hoa, một dải vườn đẹp lơ thơ mấy vạt dây lang rồi đến một cái ao to, tiếp đó là đường làng, một cái đầm sen mênh mông, rồi đến con đê sông Luộc chạy dài từ Tây sang Đông. Sau nhà là một vườn chuối được dọn sạch sẽ, không một ngọn cỏ. Đầu hồi phía Đông là đường vào ngôi nhà. Vậy chỉ còn tìm kiếm ở đầu hồi phía Tây. Vườn ở phía này rộng, trồng táo và mít um tùm, dưới gốc đầy cỏ dại, toàn một loại có hoa bằng hạt thóc, màu tím nhạt. Tìm một ngàn cây thì được, chứ tìm 5 cây thì biết chọn cây nào? Còn cành cây khô và mảnh gạch vỡ thì bừa bãi, đâu cũng có. Sục tìm một hồi lâu, chúng tôi đành thất vọng quay ra.

Đứng trước cửa nhà, nhìn về chân đê sông Luộc, chệch về phía Tây, là ngôi nhà của anh An, 45 tuổi. Nhà xây bằng gạch để ở, chứ không bài biện như một quán hàng. Anh cho biết vợ anh có một gian quán bán lòng lợn ở chợ La Tiến, hàng ngày gánh hàng đến đó, nhưng có ai cần mua tại nhà thì vẫn dành lại để bán. Như vậy thì nhà anh có đáng gọi là một quán hàng không? Tôi phân vân như cứ tạm cho là được đi.

Còn đất bà Nhường? Cả làng không có ai tên là Nhường hay Nhượng. Chỉ có một bà tên là Nhượng, khoảng 70 tuổi. Bà này thì tôi biết vì cùng hoạt động với em gái tôi. Chính bà mấy năm trước, thông qua bà Tiến, đã nhắc tôi về nhận một bộ hài cốt vô thừa nhận mà căn cứ vào hàm răng trắng, bà cho là hài cốt của cô Khang.

Dấu hiệu dẫn đến ngôi mộ thì có đủ, nhưng dấu hiệu của chính ngôi mộ thì không thấy. Tôi đành chờ đến 13h30. Vào giờ này, giữa trưa hè oi ả, giữa cái làng hẻo lánh giáp đê sông Luộc này thì kiếm đâu ra một bé gái mặt áo hoa xanh? Mặc dù vậy, chúng tôi vẫn chia nhau đón các ngã đường dẫn đến nhà ông Điền. Đường sá vắng tanh.

Cả vùng như ngừng thở với ánh nắng chói chang.

Quá 10 phút rồi 15 phút. Bỗng một tốp thiếu niên ồn ào đạp xe từ cuối làng tới. Nhưng tất cả đều là con trai. Mấy phút sau, có một tốp con gái cũng từ cuối làng đi bộ tới. Chúng tôi giữ các em lại hỏi thăm. Các em chỉ nhà bà Nương ở gần ngã tư, sau cái đình. 3 em hăng hái dẫn chú em tôi tới đó, còn một em không muốn mà đứng lại. Em mặc áo màu xanh lá cây, có hai bông hoa to in trước ngực em khai tuổi 15, nhưng vóc người thì nhỏ hơn tuổi. Hỏi về những ngôi mộ vô thừa nhận, em chỉ mấy ngôi ở vườn chùa ngay cạnh đó đây là mộ của những người chết đói năm 45. Em lại chỉ 3 ngôi mộ ở phía ngoài đê, cạnh vụng quạ. Chúng tôi đã đến đó vào sáng nay. Em đứng lại với chúng tôi chừng nửa tiếng bên bờ cái ao to trước nhà ông Điền mà không có mục đích gì cả, phải chăng đó là tín hiệu mà ông Nhã điều cho tôi? Nhưng khai thác được gì ở em thì không được gì cả.

Xế chiều gần như mất phương hướng, tôi lại gọi điện cho anh Nhã. Anh hỏi: Có thấy cái lạch nước không? Có thấy cái cống

không? (dường như từ Sài Gòn, anh nhìn thấy những cái đó!) rồi anh bảo tôi đi tìm ngôi nhà mà 4 mặt đều sơn màu trắng lớp, trước nhà đầy hoa đỏ.

Cái cổng lớn xây bằng gạch cạnh đất chùa, kế nhà ông Diển, thì chính tôi đã ngồi trên đó để hỏi chuyện bé gái. Còn cái lạch nước, hỏi ông Diển hồi lâu mới biết: ba chục năm trước đây, chính cái đầm sen là một vùng ruộng trũng ở giữa có một con đường bờ vùng chạy song song với một con lạch, dẫn nước qua cổng của chùa vào vùng ruộng mạ mà nay là đất ở của ông và mấy nhà xung quanh. Cuối những năm 60, để lấy đất bồi đắp con đê sông Luộc, người ta đã biến vùng ruộng trũng thành cái đầm sen bây giờ, nó chạy dài gần một cây số ven đê và ruộng vài trăm mét. Con đường và cái lạch nước cũng biến mất trong lòng cái đầm sen ấy.

Chúng tôi ngó nghiêng khắp làng để tìm **“ngôi nhà mà 4 mặt đều sơn màu trắng lớp”**. Chẳng có cái nào cả. mọi nhà đều quét vôi vàng hoặc xám. Bỗng anh Tân Cương (một cộng sự của tôi đã từng nhiều lần đi tìm mộ) chỉ vào cái quán bên đường,

hay là cái này? Đó là cái quán nước mà chúng tôi vẫn qua lại từ sáng đến giờ. Quán nhỏ và thấp lè tè, xây bằng gạch, đủ kê một cái giường và một cái chõng bày bán mấy gói kẹo và mấy chai nước ngọt. Quán mới xây, cả bốn mặt đều quét vôi trắng xóa. Một cái quán nhỏ cũng có thể xem là một cái nhà được chứ? Tạm cho là như vậy. Nhưng còn hoa đỏ? Tìm tòi hồi lâu, anh Tân Cương chỉ cho tôi cái đầm sen trước mặt. Giữa mùa hè, đầm sen là cả một biển hoa đỏ có thể là như vậy chăng?

Chủ quán là một bà lão hom hem. Nhà cụ giáp nhà ông Điển, về phía Tây, cụ xây cái quán ngay cạnh đường làng, lối đi vào nhà cụ mà cũng là một cái bờ ao nhà ông Điển. Hỏi tên tuổi thì cụ cho biết tên là Mân đó là tên chồng, còn tên thật của cụ là Nguyễn Thị Nhờ, năm nay 81 tuổi.

Sục sạo đến tối mịt, chúng tôi đành quay về Hà Nội. Tôi gọi điện cho anh Nhã. Anh bảo tìm được cái quán trắng làm mốc là tốt rồi. Cụ ly so với bến đò có gần hơn, không sao. Có trường học, có ngã tư, có quán màu xanh dương, có cái đình rồi. Có cái cổng không? (tôi báo cáo cho anh biết

kết quả điều tra được). Anh động viên: nên tìm kiếm liên tục. Hôm nay chưa thấy thì ngày mai lại đi. ***“Chỉnh mộ là một quá trình vất vả lắm đấy, không thể một lần mà trúng ngay được.”***

Rồi anh chỉ dẫn cho tôi ngày mai làm gì

- Tám giờ sáng phải có mặt ở cái quán trắng. Tôi hoặc con tôi (phải là người ruột thịt của cô Khang) thấp 20 nén hương ở lối đi bên cạnh. Khoảng 8 giờ rưỡi, có một con chó vàng nâu đến cách đó chừng 10 mét, nó nhìn mình xem mình có đi theo nó không, hãy đi theo nó, giữ một khoảng cách. Nó sẽ đi hơn 100 mét, rồi dừng lại, ngồi và bới. Nhớ lấy chỗ đó, rồi quan sát, tìm những dấu hiệu phần mộ như đã ghi trên bản đồ.

Nếu tín hiệu trên không xuất hiện thì chờ đến 8 giờ 30 - 9 giờ tìm kiếm quanh vùng sẽ thấy một con chó vàng nằm một chỗ như ồm. Đánh dấu lấy chỗ đó mà đào. Đào thấy thì con chó sẽ hết ồm. Khi nào thấy tín hiệu thì gọi điện lại để anh chỉ dẫn tiếp.

Tìm mộ ngày thứ hai.

Chúng tôi lại đến làng La Tiến, làm

đúng những việc mà anh Nhã dặn. Chúng tôi chia nhau đi các ngã để xem có con chó vàng nâu nào tiến về phía quán trắng không. Quá 8 giờ 30 mà không thấy tín hiệu thứ nhất xuất hiện, chúng tôi bèn chia nhau đến các nhà quanh vùng. Nhà nào cũng nuôi chó vàng, thấy người lạ vào là chúng nhảy ra sủa inh ỏi, không có con nào nằm một chỗ như ốm. Cô em tôi mấy lần vào ra nhà cụ Nhờ, ngó nghiêng mọi xó xỉnh cuối cùng, cô phát hiện thấy phía sâu bên trong gian nhà phụ, dưới gầm giường, có một con chó vàng nằm ẹp. Chúng tôi lần lượt vào ngó, nhưng nó vẫn nằm im, chỉ ngược nhìn mà không sủa. Hỏi chủ nhà thì biết nó chữa, chê cơm mấy hôm nay. Tôi liền điện cho anh Nhã. Anh bảo: Tìm kiếm trong vòng bán kính 10 mét xem có những dấu hiệu phần mộ không.

Từ chỗ con chó nằm, tôi vạch một vòng tròn có bán kính 10 mét. Hầu hết vòng tròn bao lấy nhà và sân gạch của cụ Nhờ, chỉ một mẩu nhỏ lấn sang dải vườn hẹp trước tường hoa nhà ông Điển. Dải vườn này, hôm trước chúng tôi đã đi qua mà không thèm để ý đến mấy vạt rau lang. Hôm nay tập trung vào một diện tích hẹp, anh Tân

Cương là người đầu tiên phát hiện ra một gốc cây đổ vùi lấp dưới lớp dây lang, gốc cây to bằng bắp chân, dài hơn gang tay, nằm sát đất, trên thân cây lơ thơ mấy cái chồi cần cỗi. Ông Điển cho biết đó là cây nhót mà ông đã chặt đi năm ngoái, nhưng chưa kịp đánh gốc. Cách gốc cây nhót về hướng Đông chừng hai mét, chúng tôi thấy ngay nửa viên gạch vỡ màu nâu đỏ nằm cạnh một cành cây khô to bằng cổ tay, dài nửa mét. Nhìn tiếp về hướng Đông chừng 3 mét nữa, dưới tán cây cam thấp lùn, chúng tôi reo lên khi thấy cả một dãy cây hoa màu tím nhạt vượt lên đám rau lang, đếm được đúng 5 gốc mỗi gốc mang hai bông hoa to và dài bằng ngón tay. Cây hoa mọc theo một đường thẳng dài 3 mét từ tường hoa ra phía bờ ao. Ông Điển cho biết mấy năm trước ông trồng làm cảnh, sau chán, vất ra vườn.

Sau khi soát xét lại kỹ càng, tôi gọi điện cho anh Nhã. Anh bảo: Từ gốc cây đổ đến dãy hoa tím, vẽ thành hình tam giác, rồi đứng vào giữa, đánh dấu lại. Lấy một chiếc đũa cắm vào chỗ đó, rồi tự tay tôi (phải là người ruột thịt) đặt một quả trứng lên đỉnh chiếc đũa, nếu quả trứng nằm im là đúng. Nếu quả trứng không nằm im thì

cắm chiếc đũa lùì ra nửa mét.

Bà Điền vội vã rút từ ống đũa cho tôi một chiếc, rồi chạy vào ổ gà lấy quả trứng mới đẻ. Nhìn chiếc đũa tre còn mới, tôi thâm nghĩ: Nghèo quá, đến chiếc đũa tre cũng khăng khiu! Với chiếc đũa này, lão Nhã đánh đổ mình đây. Rồi tôi suy luận: Chẳng lẽ xác cô em mình lại có sức hút mạnh hơn trọng lực trái đất ư? Vấn đề chỉ là ở chỗ ngắm cho thật cân và không được xúc động !

Tôi loay hoay mãi với quả trứng. Ngắm nghĩa thật lâu rồi mới đặt xuống nhiều lần như vậy. Đặt nằm rồi lại đặt đứng. Nó vẫn lăn bo xuống đất. Người tôi vã mồ hôi. Mấy chục người xung quanh dán mắt vào quả trứng như nín thở, tôi nghĩ chỉ tại cái đũa chết tiệt ! Tiết diện nhỏ quá mà lại không phẳng, tài gì mà đặt được quả trứng cho cân !

Tôi bèn lùì lại nửa mét, mặt vẫn hướng vào tường hoa. Cắm chiếc đũa thật thẳng rồi nhẹ nhàng đặt quả trứng xuống như mọi lần. Kỳ lạ quá, nó nằm im trên đầu đũa, tựa như có chất keo gắn vào đầu đũa. Tôi không tin có sự can thiệp của cô em tôi (vì

làm gì có linh hồn mà can thiệp? Mà nếu có thì linh hồn đâu phải là một lực tác động vật chất?) nhưng vẫn thở phào nhẹ nhõm vì nếu không qua được thử thách này thì không thể đi tiếp bước sau.

Tôi gọi điện cho anh Nhã. Anh bảo: Lấy quả trứng làm tâm, vẽ một hình chữ nhật dài 2 mét, rộng 1 mét 2 rồi đào sâu xuống 1, mét 5 cho đến lớp cát đen. Hài cốt không nằm sâu hơn lớp cát đen đó.

Lúc ấy đã gần trưa. Chúng tôi tạm nghỉ, ra bến đò La Tiến ăn cơm hàng. Trời đang nắng gắt bỗng ập xuống một cơn mưa như trút nước kèm theo gió to kéo dài gần một tiếng. Chúng tôi bảo nhau phen này thì đèn quả trứng của bà Diễm thì cái chắc. Khi quay về thì lạ quá, quả trứng vẫn yên vị trên đầu chiếc đũa chẳng lẽ khi mưa, bao giờ cũng có hai giọt nước rơi cân bằng xuống hai đầu quả trứng? Còn gió to nữa, chẳng lẽ nó không tác động gì đến quả trứng?

Để chuẩn bị cho thợ đào đất, tôi gỡ quả trứng ra khỏi chiếc đũa hai tay tôi cảm nhận thấy một sức hút nhẹ. Phải chăng nước mưa đã làm giãn nở vỏ trứng và chiếc đũa tre, khiến cho quả trứng gắn chặt vào

đầu đũa?

Hai tốp thợ thay nhau đào. Sâu 1,2 mét thì hết lớp đất màu nâu là lớp **“vượt thổ”**, đến lớp bùn đen pha cát, vừa đào, chúng tôi vừa soát xét từng xẻng đất đào lên xem có hài cốt không? đến độ sâu 1,5 mét vẫn không thấy gì cả.

Tôi gọi điện cho anh Nhã. Anh bảo: Phát triển về hướng Nam và đào sâu thêm 4 tấc nữa. Chiều rộng của cái hố được mở thêm nửa mét ra phía bờ ao và đến tối mịt thì chiều sâu đạt tới 2,8 mét. Vẫn không thấy gì cả. Chúng tôi quay về Hà Nội.

Tôi gọi điện cho anh Nhã. Anh bảo: Thử đào sâu thêm vài tấc nữa. Thực ra thì cái hố đã được đào sâu quá mức ấy rồi. Tôi cảm thấy **“thầy”** đã hết phép. Mặc dù vậy, tôi vẫn quyết định ngày mai đi tiếp.

Tìm mộ ngày thứ ba.

Qua hai ngày, dậy từ bốn giờ sáng, mãi 11 giờ khuya mới về đến nhà, cái tuổi 72 của tôi đã cảm thấy đuối sức. Tôi ủy nhiệm cho các con cùng bà chị tôi và anh Tân Cương đi tiếp. Tôi dặn: Không đào sâu thêm nữa làm gì, chỉ soát lại đống cát đen đào xới lên, hạ

may tìm thấy mảnh hài cốt nào thì đem về, nếu không thì thu dọn chiến trường mà về. Họ làm đúng như thế.

Thấy chúng tôi không thu được kết quả gì, nhiều cụ già, nhất là các cụ về hưu, xúm lại bài bác: Đã bảo mà ! Tìm ở ngoài đê, quanh cái vụng Quạ thì không lại đi tìm ở trong đê! Làm gì có xác trôi sông vượt qua được con đê để vào tận trong đồng! Chị Tiến và chị Nhung cũng có mặt, hai chị khuyên chúng tôi nhận lấy bộ hài cốt rỗng trắng chôn ở góc đê phía trên bên đê.

Duy có anh Thìn, con cụ Giám, hiện là hiệu Trưởng trường cấp hai, thì nói: bố anh hồi ấy có vớt được ba cái xác hai nữ một nam- kéo qua đê, rồi chôn ở cánh đồng này. Cụ Giám, theo dân làng nói, là người rất nghèo (làm nghề đơm đó và đánh dậm) nhưng bạo gan, nhà ai có việc đào huyệt, bốc mộ thì đều nhờ đến cụ, cả những cháu bé bị chết, cụ cũng sẵn sàng vác lên vai đem đi chôn giúp. Từ hồi kháng chiến chống Pháp, có nhiều xác chết nổi lên ở vụng Quạ, làng cũng giao cho cụ vớt lên chôn cất. Cụ Yến xác nhận rằng cụ Giám được làng phụ cấp để làm việc đó, nếu có xác chết chôn ở đây

thì chỉ là nhờ tay cụ Giám thôi. Cụ Trọng thì nhất quyết bài bác: làm gì có chuyện đó! Anh Thìn đưa ra thông tin trên là đưa vào tiết lộ của cụ Giám, nhưng cụ Giám thì mất cách đây 18 năm. Hồi còn sống, cụ đã được tặng bằng khen vì những thành tích trong kháng chiến chống Pháp.

Tôi gọi điện cho anh Nhã. Anh nói: Nghe gia đình đã báo cáo tìm thấy đủ các dấu hiệu thì tôi cũng tin, tuy rằng cự ly có phần không đúng. Bây giờ thì phải lật cái bản đồ mà xem từ âm bản. Tôi hỏi: Như vậy có nghĩa là phần mộ sẽ nằm ở bên kia sông, tức là trên đất Thái Bình? Anh nói: Phải vậy đó. Rồi anh dặn tiếp: Phải tìm đến một cái vụng xoáy, **“một cái vụng do nước xoáy vào bãi sông mà tạo thành”** ở đó có một xóm mới, dân mới ra ở đó khoảng hai chục năm, trong đó có cô Nhường, có ông An. Mộ nằm trên đất cô Nhường, trên mộ vẫn những dấu hiệu như đã chỉ.

Tìm mộ ngày thứ tư và thứ năm.

Các con tôi, vốn đã không tin vào phương pháp thần bí, đều không muốn đi tiếp. Các lão già (chị và các em tôi) thì đều đã mệt mỏi. Chỉ có anh Tân Cương là vẫn

vững lòng tin, vì chính anh đã nhờ vào các nhà ngoại cảm mà tìm được mô mã gia tiên. Anh nhận giúp tôi tìm kiếm tiếp. Anh cùng anh Đạt vượt bến đò La Tiến sang đất Thái Bình, đi dọc sông để tìm cái vụng xoáy, chốc chốc lại gọi điện thoại di động về. Xế chiều, cách bến đò La Tiến chừng 8 cây số, một cụ già bảo anh: phía Thái Bình không có vụng xoáy đâu. Vì nước sông ở đoạn này quật sang đất Hưng Yên. Cụ chỉ sang vụng bà Khán Mỹ bên kia sông. Gọi thế là vì bà Khán Mỹ nhiều năm sinh sống trên vụng đó bằng thuyền đánh cá. Vậy là lại phải qua sông để trở về đất Hưng Yên. Cạnh vụng bà Khán Mỹ. Trên đất bãi có một xóm mới, trong đó có một chị tên là Nhượng, có một anh tên là An có mấy ngôi mộ vô thừa nhận, nhưng chẳng có dấu hiệu nào khớp với bản đồ mà anh Nhã đã cho.

Anh Tân Cương đi tiếp một ngày nữa, từ vụng bà Khán Mỹ ngược lên vụng Qua. Nơi nào có mộ vô thừa nhận là anh đến. Nhưng chẳng đâu tìm thấy đủ những dấu hiệu mà anh Nhã cho.

Cuộc tìm kiếm theo đủ mọi hướng đến đây xem như tắc ty. Cái tính hoài nghi khoa

học vốn có của tôi trôi dạt: Tôi nghĩ: Lão Nhã này, hấn đánh đổ mình! Hấn bày ra cả một “trận đồ bát quái”, nào là dấu hiệu, tín hiệu, tên người và tên đất, rồi bảo mình phải đi tìm cho đủ. Lục tìm cả cái đất nước này, chưa chắc đã có nơi nào khớp được với cái trận đồ bát quái của hấn !

Nghĩ thế rồi tự trách mình là vô lý. Đã chấp nhận đi theo thầy Nhã mà tỷ lệ trúng mộ chỉ đạt 60% thì lý gì lại thắc mắc khi trường hợp của mình rơi vào 40% kia? Đã chấp nhận tìm đến con đường thần bí như nguồn hy vọng cuối cùng thì lý gì lại đòi hỏi phải lý giải cái “*Trận đồ bát quái*” kia?

---->❖<----

GỌI HỒN

Theo đuổi hai nhà ngoại cảm nổi tiếng đã vẽ trúng hàng trăm ngôi mộ liệt sĩ, nhưng đến lượt mình thì không có duyên, tôi bàn với anh Tân Cương chỉ còn cách là tìm đến những người có khả năng gọi hồn. Theo tin của anh thì cô Phan Thị Bích Hằng đã mất năng lực đó vài năm nay rồi, anh đang giúp tôi liên hệ với một bà ở Cẩm Giang và một bà ở Hải Phòng. Chị Tuyết Nga cũng

khuyên tôi tìm kiếm theo hướng đó. Chị cho tôi một địa chỉ điện thoại mà điều tra ra thì đó chính là địa chỉ của cô Bích Hằng. Trong quá trình tìm mộ, tôi thường hay kể lại với bạn bè khi rảnh rỗi. Tình cờ một hôm, anh Trần Công Bảy biết tôi có ý định gọi hồn, liền nhận giúp tôi liên hệ với cô Bích Hằng. Cô nhận giúp tôi vào chiều ngày 9/8/1999.

Ngày 9/8/1999- Tiếp xúc với linh hồn.

Qua cô Bích Hằng, tôi hy vọng có được thông tin về phần mộ em tôi, nhưng điều còn quan trọng hơn là: Kiểm nghiệm xem có thật linh hồn còn tồn tại sau khi người ta chết không. Tôi lục tìm trong trí nhớ những vụ việc mà chỉ tôi và em tôi biết, để kiểm tra xem có thật là linh hồn em tôi đang nói với tôi không. Dự buổi gọi hồn có chị tôi và em gái tôi, nhưng tôi dặn không ai được nói, đề phòng hở hênh, để lộ thông tin cho **“thầy bói nói dựa”**.

Bích Hằng là một cô gái nhỏ nhắn, xinh đẹp và thùy mị, năm nay 27 tuổi tốt nghiệp đại học kinh tế quốc dân, hiện đang làm kế toán cho một công ty xây dựng của quân đội, đồng thời vẫn theo học lớp đào tạo thạc sĩ quản lý kinh doanh do trường

đại học Oxtord (Anh) tổ chức tại Hà Nội.

Tôi hỏi cháu có khả năng đặc biệt từ bao giờ. Cô nói: từ khi còn đang học phổ thông, sau khi bị chó dại cắn, lên cơn nhưng không chết. Cô bạn cháu cùng bị chó dại cắn thì chết. Một hôm, giỗ bà nội, cháu nhìn lên bàn thờ thấy bà ngồi cùng hai đứa bé. Cháu hỏi ông nội: hai cậu bé ngồi cùng bà nội kia là ai? Sau một hồi kinh ngạc, ông nội giải thích: người con thứ nhất của bà được hơn một tuổi thì chết, người con thứ ba sau bố cháu được hơn hai tuổi cũng chết. Từ đó trở đi, khi qua nghĩa địa, cháu nhìn thấy vô số là vong hồn người nằm, người đứng, khi tỏ khi mờ giống như nhìn vào cái màn hình bị nhiễu. Mới đầu thì rất sợ, sau cũng quen dần đi.

Tôi lại hỏi: Có tin nói: khả năng đặc biệt của cháu suy giảm rồi, có đúng không? Cô trả lời: Khi cháu có bầu và sinh con, cháu phải lấy cố đó để từ chối. Bây giờ con cháu đã 14 tháng, cháu mới nhận giúp bác.

Khác với anh Nhã, cháu Hằng yêu cầu đặt lên một cốc nước, một cốc gạo để cắm hương, một ngọn nến và một bức ảnh của cô Khang theo cháu nói là để nhận diện

vong hồn được triệu về có đúng là cô không. Cháu mang theo một xấp giấy tiền đặt lên bàn.

Thắp hương và đốt nén xong, cháu khẩn mời cô Khang bằng một giọng nhỏ nhẹ, tưởng chừng như cô đang ngồi trước mặt.

Rồi quay sang nói với tôi: Ở căn phòng này, bác không thờ bao giờ, có thể là khó về

Nghe Hằng nói, tôi đâm lo. Chẳng những không thờ bao giờ mà 10 năm nay tôi không ở nhà này, giao cho con. Nhìn quanh cửa kính đóng kín mít (để mở máy điều hòa nhiệt độ) thì mùi hương bay đi đâu mà cô nhận biết được? Cháu Hằng có lời mời nhưng cô ở đâu mà nghe thấy được? Nếu nghe thấy thì tìm sao nổi đến địa chỉ này giữa cái thành phố ồn ào bát ngát? Nếu tìm thấy địa chỉ thì lách qua kẽ hở nào mà vào được?

Một phút chờ đợi căng thẳng trôi qua. Cháu Hằng vẫn dán mắt vào tấm ảnh. Rồi hai phút, rồi ba phút. Bỗng cháu Hằng hơn hở: Cháu chào cô ạ! Cháu là Phan Thị Bích Hằng. Bác Trần Phương nhờ cháu mời cô

về để hỏi cô hài cốt của cô hiện nay ở đâu?

Rồi Hằng vội quay sang tôi, hạ giọng nói: Có một người đàn ông, thanh niên đi cùng với cô. Tôi ngồi im, cố đoán xem người đó là ai.

Cháu Hằng vẫn chăm chú lắng nghe, thỉnh thoảng lại vâng à, à, thế ạ! à, cái gì ngân, cô Ngân hay là cái gì?

Qua phiên dịch của cháu Hằng, cô Khang nói: người thanh niên đi cùng em chính là anh Sơn đấy. Anh vẫn thường xuyên đến gặp em (Anh Sơn thật ư? Người anh, người bạn và người đồng chí thân thiết nhất của tôi ! Tôi muốn reo lên, gọi thật to tên anh. Nhưng tôi cố nén mình lại, chờ xem sao). Anh không có duyên rồi, anh đi tìm em, đối mặt với em rồi mà không đến được với em. Từ hôm anh đến mấy chị với em trong đội Hoàng Ngân của em cứ bảo sao lâu quá không thấy anh Phương trở lại. Chỗ em nằm chỉ cách chỗ anh đào 3 bước chân xuôi dài ra phía bờ ao (tôi hỏi: Vậy em nằm trên vườn hay dưới ao?. Đến bờ ao cũng còn ba bước chân nữa. Phía trên em chừng 2 mét là chị Nguyễn Thị Bê, đội viên đội nữ du kích Hoàng Ngân, quê ở ngay làng

La Tiến. Cách chỗ em nằm cũng chừng hai mét về phía Đông là một nam, bị bắt từ Hải Dương về, em không biết tên. 3 cái mộ gần như nằm trên một đường thẳng. Hai người kia cùng bị giết một ngày với em. Chúng cột tay ba người lại với nhau rồi vất xuống sông vào nửa đêm. Dân phòng ta có đi tìm nhưng không thấy. Mãi mấy ngày sau, xác mới nổi lên. Dân vớt được - thực ra, dân cũng là dân phòng giả dạng thôi. Đưa về đây chôn, vì thế mà ba cái mộ sát gần nhau. Xa hơn, còn mấy người nữa. Chỗ này còn có cả thấy bảy người cơ. Mấy người nổi lên trước thì dân còn cho được manh chiếu. Còn nổi lên sau thì đến manh chiếu cũng không có, nói gì đến quan tài! (vì cháu Hằng hỏi: Chôn cô có quan tài không?).

Rồi cô chỉ dẫn tử mả chỗ cô nằm, với các đặc điểm cây cỏ xung quanh, bắt đầu từ cây nhãn ở góc vườn mà tôi nhận ra ngay. Đó là cây nhãn giáp với nhà bà Nhờ, tôi đã ngồi ở đó để theo dõi việc đào mộ.

Tôi hỏi: em có biết chỗ em nằm thuộc về đất của ai không? Của bà nào không?

Cô đáp: em cũng không biết nữa.

Cháu Hằng xem ảnh, bảo đúng, nhưng trông bác già hơn và gầy hơn trong ảnh. Thực vậy, bức ảnh chụp năm 1948, trong tư thế rất bảnh trai, khi anh tôi đang công tác ở Sơn Tây.

Anh nói: Chú đi tìm em Khang mà chẳng nói với anh một câu. (Tôi xin lỗi anh. Nhưng trong bụng vẫn nghĩ: Oan em quá, em đâu có biết anh còn tồn tại?) Lần sau, chú báo trước cho anh, anh sẽ dẫn đường cho chú đến tận nơi. Người trên này có tâm đấy, nhưng mò kim đáy biển, biết chỗ nào mà đào? Ai khoanh cho chú chỗ ấy là họ hiểu biết đấy. Cũng may mà khúc sông ấy hơi cong lại, xác em mình dạt vào, nếu không thì đã trôi tuột đi rồi.

Mẹ thì khóc thương em nhiều lắm, cứ muốn em về bên mẹ để mẹ ôm ấp. Còn anh thì anh khuyên em về nghĩa trang liệt sĩ. Vì đấy là vinh dự của em mình, của gia đình mình cơ mà. Tổ quốc ghi công mình, đời đời người ta thấp hươg cho mình, chứ đâu chỉ con cháu trong gia đình mình. Vả lại đời anh chị em mình đã vậy, chứ đến đời thằng An thì nó còn biết gì! (Tôi giật mình, vì thằng An chính là con tôi, 10 năm sau khi

hy sinh, nó mới ra đời).

Hôm nào khi đưa em Khang về nghĩa trang liệt sĩ, chú cũng cần nói lại với bố mẹ như thế.

Hôm chú đi tìm mộ em Khang, anh cũng có theo dõi. Chú đào xuyên đến cả lớp đất nguyên thủy. Em mình đâu có nằm sâu đến thế. Chỉ hơn một mét là đến lớp cát đen rồi. Em mình cũng chỉ nằm ở tầm ấy thôi. Lần này chú để ý sẽ thấy một thanh củi mục. Thực ra, đấy là cái cán thuổng mà người đào đất đánh gãy vất lại đó, vô tình như đánh dấu cho mình.

Bống cháu Hằng nói như ra lệnh: Pha chén nước chè !

Tôi hỏi nhỏ cháu sao lại làm như vậy?

Hằng nói Bác Sơn bảo: Nói chuyện khan thế này thôi à?

Cháu Hùng đứng dậy đi ra ngoài, rồi lại vào ngồi cạnh tôi. Một lát cháu đứng dậy đi ra cửa, đỡ lấy hai chén trà nóng đặt lên bàn.

Cháu Hằng quay sang tôi nói: Bác Sơn bảo: Ở kia cái thằng An ! Nó vào mà không

chào bác.

Cháu Hằng và tôi đều ngồi quay lưng ra cửa, không để ý ai đã hé cửa đưa chén trà cho Hùng. Sau mới biết là cháu An, nó vừa đi làm về.

Bác Sơn nói tiếp: Các cháu học sinh nó không biết đẩy thôi. Người âm không giúp được gì nhiều, nhưng cũng có lúc đỡ được. Có lần, chỉ cần anh đến chậm một tý thì cháu Trang đã gặp nguy hiểm rồi (Tôi kinh ngạc khi anh nhắc đến tên cháu Trang con của An).

Tôi hỏi: Anh bảo sẽ dẫn đường cho em, làm cách nào mà em nhận biết được?

Anh nói: Anh không thể nắm tay chú, nhưng anh sẽ tìm con vật nào đấy: con ong, con bướm chẳng hạn, sai khiến nó để nó dẫn đường cho chú. Làm việc này đối với người âm là khó đấy, nhưng anh sẽ cố. Khi thấy con vật chú gọi nó lại, rồi đi theo nó đến chỗ nó đậu

Một lúc lâu cháu Hằng không dịch, mà trao đổi gì đó. Tôi chỉ nghe cháu nói (cháu còn con nhỏ. Vâng, cháu sẽ cố. Sau này hỏi lại, Hằng nói: cô Khang cứ thuyết phục

cháu đi đến mộ để cô nói với cháu, chỉ cho cháu đúng chỗ cô nằm, kéo lại đào chệch như lần trước. Bác Sơn cũng dỗ cháu. Bác bảo: Chú Phương chú ấy quen tác phong chỉ huy, ra lệnh. Còn bác thì bác nhờ cháu. Bác Sơn bác ấy vui tính lắm. Hễ bác nói là thấy không khí vui vẻ, phấn khởi ngay. Còn cô Khang thì có vẻ hơi buồn.

Cháu Hằng lại hỏi: Bác Phương muốn biết chính xác ngày giỗ của cô. Bác ấy chỉ biết vào khoảng 20 tháng sáu dương lịch.

Rồi Hằng nói tiếp: Cô cười bảo: Đối với anh Phương thì ngày nào mà giỗ chẳng được. Em bị chúng nó bắt, có được bóc lịch đâu mà biết ngày. Chỉ nhớ một hôm, khoảng 18 hay 19 giờ đó, thằng quan tư bảo «Bọn mày cứng đầu! Đến ngày 24 mà không khai thì bắn bỏ, Anh cứ lấy ngày ấy là được. Còn ngày âm lịch em không biết là ngày nào.

Anh Sơn bổ sung: Cứ qua ngày giết sâu bọ là em Khang lại bảo anh: Sắp đến ngày giỗ em rồi đấy.

(Sau này tôi tra lịch thì biết: ngày 24/6/1950 là ngày mừng mười tháng năm âm lịch).

Rồi anh nói tiếp: Hôm nào đi tìm mộ em Khang, các cô kiểm lấy ít hoa quả, thấp hương mời chị em. Người ta chết cùng nhau, mình chỉ hì hục đào tìm em mình thì người ta cũng tủi, phía trên mộ cô Khang là mộ một chị liên lạc, cấp dưỡng cho đội du kích, người địa phương (cô Khang nhắc: chị Nguyễn thị Bê) nên báo cho gia đình chị ấy biết mà đến tìm. Chú Phương kiểm cho anh mấy bao (cháu Hằng nói: bao gì ạ.....à vàng) bao thuốc Cáp tặng để anh mời anh em. Bây giờ anh cũng chỉ huy cả trung đoàn đấy.

Bỗng cháu Hằng nói như ra lệnh: Đốt tiền đi! Sắp đi rồi đấy.

Tôi hỏi nhỏ cháu: Sao lại làm vậy?

Cháu nói: bác Sơn bảo.

Chúng tôi vội hỏi đôi điều về **“đời sống”** của anh tôi và em tôi. Cô Khang nói: Có lần em về thăm chị Nghĩa, chỉ đứng ngoài mà không vào được (chị Nghĩa là chị lớn nhất nhà của chúng tôi).

Anh Sơn nói: Em bị chết trôi sông, đã có ai bắc cầu đâu mà hề nhớ chị nhớ em thì chỗ nào cũng đòi vào. Bận sau đi với anh.

Bây giờ công việc ở đây đã xong, đi với anh đến nhà Quỳnh chơi (Quỳnh là em út của chúng tôi. Tuy là út, nhưng cũng đã thành một **“ông lão ngoại 60”** rồi. Chỉ riêng cách xưng hô đó cũng chỉ nói lên vị thế và tình cảm của người anh cả đối với thằng em út.

Nói rồi, biến mất. Cuộn băng ghi âm 90 phút cũng vừa hết.

Sau đó tôi nghe lại băng ghi âm nhiều lần. Quả thật lại quá nhiều điều bí ẩn do chính anh tôi nói ra mà tôi không kịp hỏi lại. Nhưng, qua những tên người trong gia đình được nhắc đến một cách ngẫu nhiên, qua cách xưng hô, sự hiểu biết về tính cách từng người còn sống, cách xử sự và tâm tư tình cảm của người nói, tôi nhận ra đúng là anh tôi và em tôi. Người khác, dù biết rõ gia đình tôi đến mấy, cũng không thể sáng tác ra một kịch bản như thế, huống hồ là cháu Hằng, một người mà tôi vừa mới gặp lần đầu. Cháu chỉ đơn thuần đóng vai người phiên dịch, chăm chú lắng nghe, hỏi lại cho đúng rồi nói lại. Cháu hỏi han, vâng dạ, trao đổi với người chết cứ như nói chuyện với người sống đang ngồi trước mặt, hoàn toàn không phải là một cô đồng nửa tỉnh

nửa mê.

Nếu thừa nhận người đang nói đúng là anh tôi và em tôi thì không thể không thừa nhận; Sau khi người ta chết đi, vẫn còn lại một cái gì đó mà ta quen gọi là linh hồn. nhưng linh hồn là gì? Tôi tự hỏi. Nó phải tồn tại dưới một dạng vật chất nào đó thì cháu Hằng mới nhìn thấy và nhận diện được qua tấm ảnh. Nó phải phát ra tiếng nói qua một tần số nào đó thì cháu Hằng mới nghe thấy mà nói lại cho tôi. Đối với tôi nó là vô hình, nhưng đối với cháu Hằng thì nó lại là hữu hình. Đối với tôi nó là câm lặng, nhưng đối với cháu Hằng thì nó lại phát ra những âm thanh có thể nghe thấy, những âm thanh này chuyển tải đủ cả những sắc thái sống động của tình cảm, của tư duy, hệt như tiếng nói của người sống vậy.

Nếu linh hồn đã là một dạng vật chất có hình thù và khả năng phát ra âm thanh thì “theo cách nói của triết học” nó thuộc phạm trù “Tồn tại” mang tính khách quan, chứ không thuộc phạm trù ý thức mang tính chủ quan. Nhận biết nó hay không nhận biết được nó, là tùy ở khả năng của từng người. Cháu Hằng có khả năng nhận biết

được nó. Còn tôi thì không. Nhưng đâu phải vì tôi không có khả năng nhận biết được nó mà tôi có quyền phủ nhận sự tồn tại của nó? Đối với tất cả những gì ta chưa có khả năng nhận biết được chớ vội vất vào cái sọt rác mê tín dị đoan thì khoa học còn việc gì để làm, còn gì để khám phá? lâu nay, tôi định ninh mình là duy vật, hóa ra chính mình lại là duy tâm chủ quan: «Cái gì ta cho là tồn tại thì nó tồn tại, cái gì ta cho là nó không tồn tại thì nó không tồn tại, nó chỉ là mê tín dị đoan!

Lần đầu tiên trong đời tiếp xúc với linh hồn, tôi nhận ra như thế, hoặc suy ra như thế. Tuy nhiên, cũng còn phải chờ cuộc đào bới tiếp mới kiểm nghiệm được những thông tin do linh hồn cung cấp là đúng hay sai.

Vùng đào bới tiếp lại trùng hợp với vùng đào bới do anh Nhã chỉ dẫn. Vì vậy, cũng là một việc để kiểm nghiệm lại cái trận đồ bát quái của anh.

Hy vọng và hoài nghi lẫn lộn, tôi nóng lòng chờ ngày hẹn của cháu Hằng để cùng về La Tiến. Cuối cùng ngày hẹn được ấn định: 17/8/ 1999.

Ngày 17/8/ 1999 cuộc đào bói lần thứ hai

Ngay sau khi nhận được hẹn của cháu Hằng, tức là 4 ngày trước khi tiến hành cuộc đào bói lần thứ hai, tôi cử chú Quỳnh cùng anh Tân Cương về La Tiến làm các công việc chuẩn bị. Khi còn cách La Tiến 40 cây số, anh Tân Cương gọi điện cho anh Nhã. Anh rất mừng khi biết tin Bích Hằng vào cuộc. Lần này anh cho Tân Cương một tín hiệu: 10 giờ hôm đó, sẽ có hai con bướm màu bay lượn quanh mộ rồi đậu lại, hãy đánh dấu lấy chỗ đó.

Đến nhà ông Diển, đúng giờ hẹn, anh Tân Cương ra gốc nhãn ngồi. Cái hố mà chúng tôi đào hôm trước nay đã được lấp bằng. Một lát, có hai con bướm đen đốm hoa bay đến, rồi một con bay đi, một con đậu lại trên cành nhãn. Anh Tân Cương chiếu thẳng từ cành nhãn xuống đất cắm một cây que đánh dấu lại. Cây que cách chỗ tôi đặt quả trứng hôm trước 2 mét ra phía bờ ao. Ông Diển đứng bên tường hoa theo dõi, chỉ tùm tùm cười. Vào trong nhà ông mới kể: sau lần đào bói hôm trước, ông mời “thầy” về cúng, thầy bảo mộ cô nằm cũng ở chỗ

cây que đó.

Nghe anh Tân Cương thuật lại câu chuyện, tôi chỉ biết ghi nhận. Tất cả còn phải chờ kết quả cuộc đào bới tiếp. Nhưng nếu đúng thì thật kỳ lạ. Anh Nhã ở tận Sài Gòn, làm sao điều động được hai con bướm đến một điểm chỉ cách thành hồ cũ 1 mét? Điểm ấy đúng như ý anh chỉ đạo lần trước là phát triển về hướng Nam, nhưng không phải về hướng Nam như tôi đã thực hiện, mà xa hơn. Còn bà **“thầy vườn”**? Chẳng lẽ đất nước này cũng lắm người có tài năng kỳ bí, chứ không phải chỉ rất một hạng người buôn thần bán thánh nhằm nhí?

Trong những việc tôi nhờ anh Tân Cương, có việc điều tra xem trong danh sách liệt sĩ của xã, có ai là Nguyễn Thị Bê. Anh thất vọng kể lại: Chẳng những lục tìm sổ sách mà còn đi hỏi rất nhiều cụ 70 tuổi trong làng, không đâu biết có một cái tên như thế. Đối với tôi thì sự thất vọng càng lớn. Vậy là em gái tôi nói sai? Và cả anh tôi nữa. Thậm chí anh tôi còn nói cụ thể chị ấy là liên lạc cấp dưỡng của đội du kích. Em gái tôi và anh tôi thì tôi biết là người không thể nghi ngờ được Vậy dấu hỏi phải đặt vào

người nói: Có thật là người nói em gái tôi và anh tôi không?

Tối hôm 16/8, tôi không quên thắp hương và báo cáo với anh tôi rằng sớm ngày mai chúng tôi sẽ về La Tiến tìm mộ em Khang.

Đến nơi, chị tôi theo đúng lời dặn của anh Sơn, bày hoa quả vào mâm đặt lên tường hoa, cháu Hằng khẩn mời. Khấn xong, cháu cầm bó hương, đi thẳng ra gốc cây vải (cách gốc cây nhãn 6 mét về hướng Đông, cả hai cây đều sát bờ ao). Ngắm nghía rồi cắm hương xuống đất. Lấy bó hương làm tâm, cháu vạch một cái hố hình chữ nhật để đào. (Sau này Hằng bảo tôi: Khi cháu đang khấn thì đã thấy bác Sơn và cô Khang đứng ở gốc cây vải cô vẫy cháu lại rồi chỉ cho cháu chỗ cắm hương, đầu và chân ngôi mộ).

Nhìn bó hương của Hằng, tôi thấy nó cách quả trứng của tôi 3 mét ra phía bờ ao, nhưng lại lui về hướng Đông dọc theo bờ ao 2 mét nữa. Cái hố mà cháu vạch không nhằm thẳng hướng Tây - Đông như cái hố hôm trước mà đầu về hướng Tây Bắc, cuối về hướng Đông Nam, sát gốc cây vải nghĩa là gần như vuông góc với cái hố hôm trước.

Cái hố mới nằm ngoài hình tam giác hôm trước, cạnh của nó là cạnh đáy của hình tam giác nối dài ra phía bờ ao.

Trong khi thợ đào đất chuẩn bị làm việc, Hằng đặt ảnh cô Khang ở dưới gốc cây vải ; rồi nói:

- Thưa cô, chỗ cô nằm, cháu đã vạch theo chỗ cô chỉ. Còn hài cốt thì như hiện trạng cháu nhìn thấy, còn rất ít, khi bốc lên có thể mủn ra. Vậy xin cô cho phép bốc lẫn cả đất mang về. Nếu không được đầy đủ thì cô cũng thông cảm cho. (sau này tôi hỏi Hằng: Cháu nhìn thấy hiện trạng của hài cốt thật ư? Hằng nói: cháu nhìn thấy.

- Hồi năm 1994, tìm hài cốt 13 liệt sĩ ở núi Non Nước - Ninh Bình, cháu nhìn thấy hài cốt bị vùi dưới lớp đất sâu 4,5 mét. Khi đào đến độ sâu 3 mét, không thấy gì, mọi người đã nản, nhưng cháu yêu cầu đào thêm, vì cháu đã nhìn thấy hài cốt ở độ sâu ấy).

- Cô Khang nói: Lần này nhìn thấy cậu Quỳnh là chị phần khởi rồi, cậu Quỳnh mà đi thì chắc là được (Lần trước Quỳnh không đi, Quỳnh lại là người tin vào thần

Phật). Còn anh Dung (Tôi tên thật là Vũ Văn Dung) thì thần thánh anh ấy cũng chẳng sợ, có khi chỉ nhiều quan trần, còn quan âm thì chẳng ai giúp mình. Anh Sơn tức anh Nhung nhà mình (tên thật của anh tôi là Vũ Văn Nhung) cũng ở đây suốt từ sáng. Anh cứ bảo sao mình chưa đến. Anh trách cháu An, nếu mà có kiên trì, bình tĩnh thì đã đưa được cô về từ lần trước - để thu dọn chiến trường.

- Cháu Hằng hỏi: Ai là Hậu? Cô gọi chị Hậu. Chị tôi vội chạy từ trong nhà ra. Cô Khang nói tiếp:

- Chị đã xuống đây mà không ra với em, lại cứ ngồi trong ấy. Hài cốt của em thì không còn nguyên vẹn. Nhưng chị bực cho em một nắm đất về quê mình thì em cũng mừng rồi. Ở đây tuy có nhiều chị em đồng đội, nhưng không phải là ruột thịt, cả năm cũng chẳng ai đến thắp cho một nén hương. Chẳng lẽ cứ ở đây quấy quả nhà ông An mãi !.

- Bác Sơn nói: Cứ bực cho bằng hết, dù ít dù nhiều thì cũng là máu thịt của em mình. Không bỏ vừa trong tiểu thì đắp lên mộ cho em. Cái con Uyên là người hợp với em nhất, được cô cho nhiều lộc nhất, đáng

lẽ hôm nay nó đi thì mới phải (Uyên là con gái út của tôi, nó đã đi hôm đầu tiên).

- Anh Tân Cương hỏi cô có biết cháu là ai không?

- Cô Khang nói: Nếu tôi không biết anh Cương thì hóa ra tôi vô tình quá Anh lẫn lộn với tôi nhiều.

- Bác Sơn bổ sung: Thành Tuấn Anh chưa chắc đã lẫn lộn với cô bằng anh Cương (Tuấn Anh là con thứ hai của tôi, nó sinh ra mấy ngày sau khi anh tôi hy sinh).

- Tân Cương lại hỏi: Ai mai táng cô, cô có biết không? Nhiều người không tin là thi thể cô có thể trôi dạt vào đây. Cô vừa nói đến ông An, là ông An nào, ở đâu?

- Cô Khang nói: Nếu có cách gì là cho cụ Đặng Đình Giám sống lại thì gia đình mình khỏi mất công tìm kiếm. Rất tiếc là đã gặp cụ ở âm phủ mất rồi. Em bị chúng nó ném xuống sông, khi xác nổi lên, gặp lúc triều cường, dạt vào một khúc quanh, được cụ Giám vớt lên, kéo qua một cái rãnh nước rồi dừng lại. Cụ bảo: Mấy vị chết ở đây, nếu đói khát, khi nào nhà ông An lên hương thì vào mà xin lộc

- Được chị động viên, Quỳnh kể về quá trình đi tìm hài cốt của chị, trong đó có đoạn: chị Tiến và chị Nhung báo cho gia đình mình đến nhận bộ hài cốt chôn ở gốc đa phía trên bến đò. Người ta bảo cô Chủ Thị Dung ở Thái Bình đã tìm thấy hài cốt của bố cô ấy chôn cùng với người phụ nữ đó. Để xác minh, em đã theo dấu chân cô ấy từ Thái Bình đến tận Vũng Tàu. Nhưng cô ấy nói rằng chính cô ấy cũng tìm thấy hài cốt của bố cô ấy.

- Nghe xong, cô Khang nói: chị nói cho em biết cái mộ ở gốc đa nếu là một nữ du kích mà nhận là chị thì còn được, đảng này lại không phải nữ du kích, sao ngộ nhận như thế được! Còn Chủ Thị Dung, Chính bố cô ấy đã kể với chị rằng em đã đến tìm gặp cô ấy. Ông ấy nhờ chị nói với em nhắn giùm cho cô ấy đến tìm bố. Bố cô ấy cũng nằm ở đây.

- Rồi cô chỉ chỗ ngôi mộ, ngay dưới chân cái hố sấp đào. Đó chính là ngôi mộ người đàn ông bị bắt từ Hải Dương về (Sau này Hằng kể lại người đàn ông lúc ấy cũng đứng bên cạnh cô Khang nói lại, cháu mới nghe thấy, khi cô chỉ ngôi mộ, cháu nhìn

xuống thì thấy hài cốt không có đầu)

- Đến đây cháu Hằng nói: Xin phép cô cho bắt đầu.

- Đào hết lớp đất vượt thổ thì Hằng bảo thợ ngừng đào. Cháu nhảy xuống hố, lấy dầm gạt nhẹ từng lớp cát đen. Chỉ hơn một gang tay thì vướng vào thanh củi mục, nạy lên, thả vào nước thì nhận ra đó là một khúc tre già, thịt tre đã bị phân hủy hết, nhưng xơ tre và đốt tre thì vẫn còn nguyên. Khúc tre dài hơn một gang tay, đường kính tương đối lớn, không thể tra vừa bất cứ một loại xẻng hay cuốc nào, chỉ có thể tra vừa cái thuổng hình lưỡi mai (mặt phẳng bề ngang nhỏ hơn lưỡi xẻng, nhưng dài hơn lưỡi xẻng).

- Mọi người đều kinh ngạc khi biết thông tin về cái thuổng đã được báo trước. Riêng tôi thì mừng khôn xiết. Vì đây là dấu hiệu đáng tin cậy nhất để nhận biết mộ này đích thực là mộ em gái tôi. Cái cán thuổng đã bị vùi dưới đất cách đây 50 năm, người đời không ai ngụy tạo ra nó được. Dấu hiệu đó lại được linh hồn mách bảo cho tôi chính ngày trước khi khai quật. Người đời không ai nhìn thấy mà mách bảo được.

Còn sự chính xác thì đạt đến mức chi tiết. Thú thật, khi nghe anh tôi nói đến cái cán thuổng, tôi nghi ngờ: Hoặc là anh tôi nhận định sai, hoặc là cháu Hằng dịch sai. Vì người đào huyệt phải dùng mai, xẻng cuốc, chứ sao lại dùng thuổng? Lúc ấy tôi chỉ nghĩ đến loại thuổng thông dụng nhất loại có lưỡi hình vũm để đào gốc cây, chứ không nghĩ đến loại thuổng hình lưỡi mai để đào đất, tác dụng giống như cái mai nhưng khỏe hơn cái mai. Loại thuổng này cũng còn nơi gọi là mai.

- Sau khi tìm thấy cái thuổng, chỉ gạt vào lớp cát mỏng là thi hài em tôi hiện ra. Khi chôn, người ta đã đặt em tôi nằm nghiêng, người hơi cong, mặt hướng ra vụng Qua, đầu về hướng Tây Bắc, chân về hướng Đông Nam. Trùm lên sọ là một mảng tóc đen nhánh, rồi đến những đốt xương cổ nhìn rất rõ. Nhưng khi bóc lên thì tóc rụng ra ngay, những đốt xương nguyên vẹn gãy ra như những chiếc bánh bích quy thấm nước. Cháu Hằng hỏi cô Khang: Răng cô ở đâu, để cháu mang đi đái. Cuối cùng tìm được 5 chiếc răng. Tôi xem thì đúng là răng trắng, nhưng do ngâm lâu trong bùn nên ngả sang màu xám và đen xỉn. Theo đúng mệnh lệnh

của anh Sơn, chúng tôi bốc tất cả số bùn đất theo hình người nằm cong, bỏ vào túi mang về. Cháu Hằng tìm mãi không thấy chiếc còng sắt. Cháu hỏi cô Khang, cô cũng không chỉ được. Tôi nhận định: có thể là nó đã rỉ đất qua 50 năm trong bùn.

- Lúc này thì Hằng không dịch, nhưng hôm sau, cháu nói với tôi: Lần này đi tìm mộ cô Khang, cháu thương cô quá. Lúc tìm được rồi, mấy người ở trên miệng hố nhắc cháu tìm móng tay. Cháu bèn hỏi cô: Móng tay của cô ở chỗ nào cô chỉ cho cháu. Cô giơ hai bàn tay lên trước mặt cho cháu, nói: Chúng nó rút hết móng tay của cô rồi, còn đâu mà tìm !

- Tôi vô cùng kinh ngạc, vì điều này chỉ mình tôi biết. Sau khi em tôi bị giặc sát hại. Huyện ủy Phù Cừ gửi riêng cho tôi bản báo cáo gửi lên cấp trên (Trước đó, tôi là phó bí thư tỉnh ủy Hưng Yên, có nhiều gắn bó với Huyện Phù Cừ) Kể rõ em tôi bị bắt, bị tra tấn và bị giết như thế nào. Trong những cực hình mà địch sử dụng, có việc dùng kim rút hết móng tay rồi cắm kim vào đó, dí điện vào hai đầu vú, thọc gậy vào âm hộ, treo ngược lên cành cây mà đấm đá.

Tôi không muốn một ai khác trong gia đình phải chịu đựng những nỗi thương xót như tôi, vì vậy đã giấu kín những tin này. Nay được cháu Hằng kể lại, tôi tin chắc người nằm dưới mộ đích thực là em gái tôi.

- Cháu Hằng lúi húi tìm kiếm và chỉ đạo mấy người giúp việc, thỉnh thoảng lại nhô đầu lên nói chuyện với những người ngồi trên miệng hố. Bỗng Hằng nói: có một cụ cứ tùm tùm ngồi nhìn, không biết có phải là cụ Giám không? Rồi Hằng cất giọng, lễ phép nói:

- Cháu chào cụ ạ. Cụ cho phép cháu được biết quý danh của cụ.

Lắng nghe hồi lâu, Hằng nói như reo lên:

-Cụ An!

Rồi Hằng tự giới thiệu mình cùng gia đình đi tìm hài cốt cô Khang, đề nghị cụ giúp đỡ.

Cụ An nói: Tôi là hàng xóm, nhà tôi ở vệ đê, bên kia đầm, lần nào các bác về đây mà tôi chả biết. Tôi nhớ, đêm hôm ấy, vào lúc gà gáy canh hai, ông Giám qua nhà tôi,

hỏi mượn tôi cái mai. Tôi hỏi để làm gì? Ông Giám: Suyt! Để chôn người chết trôi. Tôi nhìn ra thì thấy một cái xác cụt đầu, biết ngay là cán bộ cách mạng. Ở chỗ kia kia có cái rãnh nước, ông Giám kéo mấy cái xác vào rãnh nước, đến đây là chân ruộng mạ. Ông Điển mới ra ở đây thôi, chứ ngày ấy là ruộng mạ, thuộc chủ khác.

Cháu Hằng đưa ảnh cô Khang, hỏi cụ có nhận ra người chết được không? Cụ An nói: Bà này là thân nhân của ông cán bộ trước là tỉnh ủy ở đây. Nhưng chôn cất như thế nào thì cả tôi, cả ông Yền, ông Trọng đều không biết gì đâu. Chỉ có ông Giám là biết thôi. Để tôi đi tìm giúp ông Giám.

Một lúc lâu cụ An đi cùng với cụ Giám về. Hằng nói nhỏ: Cụ này già thế nhỉ! Rồi Hằng tự giới thiệu và nêu ra đề nghị: nhận diện người chết qua tấm ảnh cái còng sắt nằm ở chỗ nào?

Cụ Giám nói: Đêm tối, tôi chỉ thấy loáng thoáng thôi. Xác ngâm lâu đã trương lên rồi, mặt mũi thì nhìn không rõ. Tóc thì không vấn như thế này đâu, mà cắt ngang gáy như cô bây giờ, nhưng xõa xụi dưới nước. Lần ấy tôi đem về đây không phải

một người, mà ba người cơ. Tôi kéo người phụ nữ lên trước, cứ thấy vướng. Thì ra tay trái cô ấy xích vào tay phải người đàn ông. Khi chôn, chẳng lẽ lại chôn hai người một hố, tôi tuột tay một người ra khỏi cái vòng. Tôi chôn người phụ nữ ở đây, còn người đàn ông thì ở chỗ kia. Sức tôi cũng chỉ kéo được đến thế. Khi tôi chôn thì xác bị trời đã cứng, không nắn thẳng ra được, đành đặt hơi nghiêng, mặt hướng ra sông cho mát mẻ. Còn người phụ nữ nữa, tôi chôn ở góc kia (cụ chỉ ra phía gốc nhãn) nhưng bây giờ thì đã tụt xuống ao rồi hình như lúc bị chết bà ấy đang có chữa.

Tân Cương nói: Một số người không thể hiểu được xác chết trôi sông lại có thể vào được đến đây.

Cụ giám nói: Cái con mẹ Tiến nó cứ mồm năm miệng mười, chứ làm sao mà nó biết được bằng tôi. Ở ngoài kia nước cả, không đem vào đây thì vùi làm sao được? Cụ nói tiếp: Điều này thì tôi chỉ nghe phong phanh thôi. Tụi lính đóng ở đồn nó bảo người phụ nữ bị giết đêm hôm ấy là bà bé của tay xếp bót.

Cụ An cãi lại: Ông thì chỉ được cái ăn

no vác nặng, chẳng có hiểu biết gì. Có lần ông chôn một anh bộ đội, ông lại bảo thằng lính đồng. Tôi thì không được kéo xác như ông, nhưng việc này thì tôi biết rõ. Có một người phụ nữ du kích bị bắt, thằng xếp Bách dụ làm vợ bé không được, nó đã giết đi. Ở bót này có một thằng quan tư là quan thầy người Pháp, còn thằng Bách tuy là tay sai nhưng cũng được gọi là (thằng Bách lấy vợ người La Tiến, dân đều biết rất rõ về nó).

Trời đã xế chiều. Mọi người hối hả thu dọn.

Hằng nói: bác Sơn bảo: Còn cái chân của cô, moi sâu vào mà bốc. Bác bảo cứ bình tĩnh ! Từ sáng, bác đã rải quân canh phòng từ đầu làng rồi, không cho phép quấy rối. (Tôi không biết thực hư thế nào, nhưng lần nào bới trước có cả trăm người vây vòng trong vòng ngoài, còn hôm nay thì chỉ có mấy đứa trẻ) Bác bảo: Được bà chị xuống với em, chẳng giúp được việc gì, chỉ ngồi khóc !

Tân Cương tưởng anh tôi nói về cô em dễ xúc động của tôi, liền chêm vào: sáng nay bà ấy cứ nhất định đòi đi.

Hằng cải chính - Bác Sơn nói là nói đến bà chị - Bác Nghĩ- Từ nãy, bà già cứ ngồi một chỗ khóc: Nhà có sáu chị em gái, ai nấy đều có phận, đâu đến nỗi nào, riêng em tôi giỏi giang xinh xắn nhất nhà thì thế này ! Không tìm được xác em tôi, tôi chết cũng không nhắm được mắt. Bây giờ tìm được em thì mình cũng đã ra người thiên cổ rồi!

Bất chợt nghe thấy con số 6, tôi vội bấm đốt ngón tay: 6 hay 5 nhỉ? đúng là 6.

Bác Sơn (như hiểu ý anh Tân Cương) nói: Cho cái cô Nam nhà tôi xuống đây thì chỉ được cái bù lu bù loa, chẳng cho ai làm gì. Tính cái con ấy nó vậy !

Cô Khang nói: sau lần gặp cô em, ông anh tôi đã về bốc cát lập ngay 7 bát hương, mỗi người một bát ! Đúng là một cuộc cách mạng với ông anh tôi! Em Khang cảm động khi nhận tấm lòng của anh Phương, chị Thủy.

Cụ An nói: Bà cô là liệt sĩ, sao không làm lễ truy điệu rồi hãy mang về quê?

Bác Sơn nói: Hôm nay cập rập quá, gia đình chuẩn bị không kịp. Hôm nào đưa về

nghĩa trang liệt sĩ của huyện, sẽ làm lễ truy điệu.

Cô Khang nói: Cậu Quỳnh còn giữ những giấy tờ, bằng khen của chị không? (Quỳnh đáp: Bằng khen và huân chương của chị em vẫn giữ). Hôm nào làm lễ truy điệu chị ở nghĩa trang liệt sĩ, cậu nhớ mang theo.

Tôi thật không ngờ; người chết đã 50 năm mà vẫn quan tâm đến những vinh dự của mình nơi trần thế !

Hằng nói: Cô cười bảo: Cụ Giám ạ! Cụ nói oan quá, đã được làm bé ngày nào đâu? (mọi người cùng cười). Nhưng cụ nói đúng đấy. Ngày xưa ai cũng gọi là cô Khang tóc dài, nhưng khi bị bắt, nó đã cắt cụt hết tóc. Trong việc chôn cất các liệt sĩ ở đây, cụ là người có công nhất: Chúng tôi rất biết ơn cụ.

Công việc thu vét hài cốt xong xuôi thì mặt trời sắp lặn. Mọi người vây quanh gốc cây vả, nơi đặt bàn thờ tạm. (Sau này Hằng kể lại: suốt ngày cô Khang và bác Sơn quanh quẩn ở đó, buổi chiều thì bác Nghĩa cũng ngồi ở đó ôm lấy tấm ảnh, cụ An và cụ

Giám thì ngồi ở xa hơn, về phía tường hoa).

Cô Khang nói lời cảm ơn đối với gia đình bác Điền, bác Đạt, nhờ bác Điền chuyển lời thăm hỏi đến chị Nhung, chị Tiến.

Nay tôi về Mỹ Hào quê tôi, về với anh tôi. Nằm tại đây còn một bộ hài cốt, gia đình người ta cũng sẽ đến bốc về. Chỉ còn chị Bê, hài cốt không còn gì. Nhờ bác Điền hương khói cho vong hồn chị, chị sẽ phù hộ cho. Hồi đi hoạt động lấy tên là Nguyễn Thị Bê, nhưng tên thật của chị là Nguyễn Thị Út (Mấy người làng ô lên: bà Út! Thế mà tìm kiếm mãi !)

Cuối cùng cô dặn: Nhờ bác Điền đem mâm lễ phát lộc cho các cháu.

Chúng tôi đưa hài cốt em tôi về nhà, và 2 hôm sau, đưa về nghĩa trang liệt sĩ của huyện, có mặt đông đủ họ hàng nội ngoại. Sự xúc động được đón người thân sau 50 năm cách biệt xen lẫn với niềm tự hào về người con gái của dòng họ đã hiến cuộc đời mình cho cuộc sống hạnh phúc ngày hôm nay.

---->>❖<<----

MÒ TÌM TRONG BÍ ẨN NHỮNG THÔNG TIN ĐÁNG TIN CẬY

Từ hôm gặp anh Nhã đến hôm bốc được hài cốt là một hành trình mò lần trong bí ẩn. Những thông tin do anh Nhã đưa ra, đối với chính anh cũng là điều bí ẩn: trúng hay trật, chính anh cũng không biết. Còn linh hồn? Chỉ có cháu Hằng nhìn thấy và nghe thấy. Cháu nói lại những điều cháu nghe được, còn thực hư thế nào cháu đâu có biết.

Cuộc hành trình đầy bí ẩn đã buộc tôi mò đến hai nhà ngoại cảm nổi tiếng, mỗi người một phương pháp: vẽ mộ và gọi hồn. Cả hai phương pháp đều dẫn tôi đến cùng một kết quả.

Hai mươi bốn ngày mò tìm trong bí ẩn, chỉ đến ngày cuối cùng **“ngày bốc mộ”** mới kiểm chứng được các thông tin. Tập hợp lại các thông tin, tôi có được một hệ thống thông tin mà tôi cho là đáng tin cậy, một số có thể xem như vật chứng bằng chứng. Những thông tin thu được qua các linh hồn

1- Điều đầu tiên đặt ra với tôi: Có đúng là những linh hồn người thân đang nói với

tôi không? Cháu Hằng nhận dạng được các linh hồn, cả những lúc cười cả vẻ mặt buồn hay vui. Linh hồn cô Khang và anh Sơn đã được cháu Hằng nhận diện qua tấm ảnh, còn tôi không nhìn thấy, tôi kiểm tra qua những điều mà linh hồn nói ra.

Hôm đầu tiên gọi hồn, lòng đầy nghi ngờ, tôi thử sẵn trong túi tấm ảnh của anh Sơn, định bụng sẽ đưa ra hỏi linh hồn. Nhưng, ngay khi nhìn thấy cô Khang, cháu Hằng đã báo cho tôi: có một người đàn ông, thanh niên đi cùng với cô. Nếu là một cô đồng gà mờ bịp bợm thì đại gì mà “**đẻ số**” cho mình như thế? Tiếp đến, cô Khang nói ngay: Người thanh niên đi cùng với em chính là anh Sơn đấy. Vậy là tôi đã kiểm tra được linh hồn cô Khang qua anh Sơn, và không những thế, đã nhờ cháu Hằng nhận diện cả hai linh hồn qua ảnh.

Ngày đầu tiên hai linh hồn đã nhắc đến 5 người trong gia đình tôi, với sự hiểu biết rất chính xác về tính cách của từng người. Ngày thứ hai tức ngày 17, hai linh hồn đã nhắc đến 10 người trong gia đình tôi, cũng với sự hiểu biết chính xác như thế. Cách xưng hô cũng thể hiện rất đúng vị thế,

thái độ và tình cảm của người nói đối với những người được nhắc đến

Các con tôi, có ý kiến nói: Bích Hằng đã điều tra gia đình mình từ trước rồi. Sự nghi ngờ đó, tôi biết là vô căn cứ, nhưng dù có điều tra đi nữa, cũng không thể đặt vào miệng người nói những câu sai thế mà không phạm sai lầm.

Ngoài những người trong gia đình, cô Khang còn nhắc đến chị Tiến, chị Nhung là những người quen biết cũ, nhắc đến cả anh Cương, anh Đạt là những người không quen biết nhưng đã góp sức vào việc tìm mộ gần đây.

Ngày 17 xuất hiện thêm 4 linh hồn nữa. Lần này thì không có ảnh để nhận diện. Nhưng qua những điều mà linh hồn nói ra thì phải thừa nhận đúng là những người đã chết đang nói. Bà già ngồi một chỗ khóc than, kể lể về sáu chị em gái, đúng là chị cả của chúng tôi chị Nghĩa. Cụ An là người cho mượn cái mai và chứng kiến việc chôn cất, cụ Giám là người chôn cất, mỗi cụ nói ra những điều thể hiện đúng tư cách của mình. Còn linh hồn người đàn ông họ Chủ tuy nói không nghe rõ, nhưng đã nhờ

cô Khang nói với chú Quỳnh nhắn giùm cho con gái ông ấy ở Vũng Tàu. Khớp lại những điều mà các linh hồn nói ra thì đều xác nhận hài cốt đã được bốc lên đúng là em tôi

1- Cái cán thuổng là một vật chứng xác nhận thông tin mà linh hồn em tôi cung cấp, đồng thời xác nhận ngôi mộ: đúng là mộ em tôi.

2- Răng trắng chuyển sang màu đen xỉn là một vật chứng xác nhận thông tin của linh hồn em tôi, đồng thời xác nhận hài cốt đúng là em tôi.

3- Thông tin của em tôi về chị Nguyễn Thị Bê, khi được biết tên thật là Nguyễn Thị Út, đã được xác nhận. Chị nằm trong danh sách liệt sĩ của xã.

4- Thông tin của em tôi về cái còng sắt khóa tay em tôi với tay người đàn ông đã được xác nhận qua lời kể của cụ Giám, tuy hiện vật thì không tìm thấy có thể nó đã rỉ thành đất.

5- Thông tin của em tôi về vị trí ngôi mộ cách cái hố đào lần trước ba bước chân xoắn dài ra phía bờ ao đã được xác nhận trên thực tế. Thông tin của em tôi về 3 ngôi

mộ sát gần nhau, gần như nằm trên một đường thẳng, trong đó mộ em tôi nằm giữa, điều này khớp với chỉ dẫn của cụ Giám.

6- Thông tin của em tôi về người dân đã vớt xác, thực ra cũng là dân phòng giả dạng thôi, điều này khớp với bằng khen về thành tích kháng chiến mà cụ Giám nhận được, đồng thời khớp với lời kể của cụ Yên về vai trò mà làng giao cho cụ Giám.

7- Buổi sáng ngày 17, khoảng 10 giờ cô Khang nói rằng: người vớt xác là cụ Đặng Đình Giám, thì buổi chiều khoảng 3 giờ, chính cụ Giám xuất hiện kể về việc cụ đã vớt và chôn như thế nào.

8- Buổi sáng cô Khang kể về việc cụ Giám dừng lại bảo, khi nào nhà ông An lên hương thì vào mà xin lộc, thì buổi chiều, cụ An xuất hiện nói về việc cụ Giám vào mượn cái mai, rồi kéo xác qua cái rãnh nước đến chôn ruộng mạ như thế nào.

9- Khi xem ảnh, cụ Giám bảo người phụ nữ mà cụ chôn cất không để tóc dài như trong ảnh, mà cắt tóc đến gáy như Bích Hằng. Cô Khang xác nhận là đúng, chính bọn địch đã cắt cụt tóc cô. Mớ tóc trùm lên

sợ mà chúng tôi tìm thấy cũng là mớ tóc ngắn.

10- Cụ Giám tả lại khi chôn, cụ đã đặt cái xác hơi nghiêng vì không nấn thẳng ra được, mặt hướng ra sông cho mát mẻ. Trước đó chúng tôi đã tìm thấy hài cốt ở tư thế ấy.

11- Cô Khang kể với cháu Hằng về móng tay của cô. Điều này đối với tôi là một bằng chứng vô cùng quý giá để khẳng định hài cốt đúng là em tôi.

12- Cô Khang khoe với mọi người về việc ông anh bốc cát lập bát hương. Điều này tuy chỉ là tiểu tiết, nhưng chứng tỏ linh hồn em tôi đã biết việc tôi làm, kể cả việc nhồi cát vào 7 bát hương mấy ngày trước đó.

Nhìn lại cái trận đồ bát quái của anh Nhã.

Với những thông tin đáng tin cậy thu thập được qua các linh hồn, kết hợp với những thông tin do dân làng cung cấp qua cuộc điều tra của chúng tôi, tôi nhìn lại cái trận đồ bát quái của anh Nhã. Mọi thông tin anh cho tôi đều đúng, nhưng do sắp xếp không theo một trật tự logic nên khó hiểu,

rối mù như một trận đồ bát quái. Bây giờ việc đã thành, tôi hiểu nó như sau:

1-Trước tiên phải tìm đến một cái vụng xoáy. Chính ở cái vụng này. Xác em tôi khi còn chìm dưới đáy sông, đã bị cuốn vào. Cuối tháng 6 đang là mùa nước, mực nước sông Luộc khi chưa đến mức báo động, thường cách mặt đê chỉ vài mét. Lúc xác nổi lên gặp lúc triều cường thì không trôi tuột đi mà dạt vào một khúc quanh của con đê. Cái vụng xoáy chính là vụng Quạ. Khúc quanh của con đê cũng ở đó.

Vào mùa nước thì dải đất bãi ngoài đê, kể cả cây cối, đều ngập bấp dưới nước, không thể chôn trên đất bãi được, mà phải kéo xác qua đê vào trong đồng. Nhưng dưới chân đê lại là một vùng ruộng trũng. Tháng 6 đang là mùa mưa, ruộng trũng đang bị ngập nước, vì thế phải kéo xác vào vùng chân mạ, cao hơn.

2- Ông Giám đã kéo 3 cái xác qua đê không khó khăn gì, vì mặt nước gần sát mặt đê. Nhưng nhà ông ở mãi cuối làng, cách đó một cây số, ông phải tạt vào nhà ông An để mượn cái mai. Khi dừng lại, ông đã nói với xác chết về việc xin lộc, ông An mà anh

Nhã nói không phải là anh An - con đã tiếp chúng tôi, mà là ông An - bố tức là cụ An, cụ đã mất cách đây 40 năm. Cái quán ông An không phải là cái nhà anh An bây giờ, anh chị mới ra ở đó chừng 10 năm nay thôi. Bố mẹ anh vẫn ở cách đó 300m, sát mép cái đầm sen về phía Tây. Ông làm nghề chở đồ ở bến La Tiến, còn bà làm hàng xáo và bán bánh đúc. Cái nhà tranh lụp xụp của ông bà đồng thời là cái quán bán bánh đúc.

3- Mượn được mai rồi, ông Giám đi trên con đường bờ vùng, còn xác thì kéo trên cái lạch nước gần nhà ông An, đến cái cống ở cửa chùa để đến vùng chân mạ mà nay là đất ở của cụ Nhờ và ông Diển. Con đường bờ vùng và cái lạch nước nay đã biến mất trong lòng cái đầm sen. Cái cống lấy nước từ lạch vào vùng ruộng mạ thì nay vẫn còn, nhưng đường làng đã ngăn cách nó với đầm sen, nó không còn tác dụng lấy nước vào vùng ruộng mạ nữa.

4- Hồi cái cách ruộng đất vợ chồng bà Nhờ được chia một mảnh ruộng mạ của địa chủ mà nay là đất ở của bà và ông Diển. Năm 1960, trong phong trào hợp tác hóa, ông bà đã góp ruộng vào hợp tác xã. Năm

1969, ông Diễm được hợp tác xã chia cho một mảnh ruộng là đất ở. Mấy năm sau, bà Nhờ và nhiều nhà trong vùng cũng được chia đất ở. Đó chính là cái xóm mới, dân mới ra khoảng 20 năm. Mộ nằm trên đất cô Nhường, đúng ra là trên đất cô Nhờ, cái âm thanh mà anh Nhã nghe lơ lơ như Nhường, Nhung, Nhung, thực ra là Nhờ một cái tên rất quê và cũng ít gặp

5- Đường sá mà anh Nhã vẽ trên bản đồ thì anh Đạt và cụ Yên nhận ra ngay, nhưng cụ Yên nhận xét: nó được vẽ theo đường ngày xưa, ang áng như bây giờ thôi.

Tất cả những thông tin trên đến với anh Nhã đúng như đã diễn ra cách đây 50 năm (Chính xác là 49 năm + 1 tháng), sớm nhất cũng là 20 năm. Nhưng thông tin đến với anh không theo trình tự thời gian và cũng chẳng có mối liên kết giữa các hiện tượng, thành thử đã có lúc tôi nghĩ nó chỉ là trận đồ bát quái do anh bày ra.

6- Những dấu hiệu và tín hiệu khác cũng rất đúng nhưng lại là những hiện tượng mới xảy ra, đang xảy ra hoặc sắp xảy ra. Cái gốc cây đổ là cây nhót mà ông Diễm mới chặt, nhưng chưa kịp đánh gốc. 5 cây

cỏ lại có 10 bông hoa màu tím nhạt thì sớm nhất cũng chỉ ra hoa được một tuần trước đó. Rồi bé gái mặt áo hoa xanh, rồi con chó vàng nằm một chỗ như ốm, rồi cái nhà mà bốn mặt đều sơn màu trắng lớp, trước nhà đầy hoa đỏ... tất cả đều đúng, nhưng tại sao anh Nhã nói trúng như thế, chính anh cũng không hiểu thì tôi làm sao mà hiểu được?

7- Cái bản đồ do anh Nhã vẽ, sau này tôi mới hiểu là chỉ có thể dùng để định hướng thôi, không thể xem như một bản đồ địa chính. Có những chỗ rất đúng về chi tiết như: rẽ trái 60 mét, rồi rẽ phải 45 mét. Nhưng cái quán ông An thì lại không nằm cạnh đường, mà nằm bên kia cái đầm sen, cách nhà ông Diễm chừng nửa cây số; cái quán tạp hóa có cửa màu xanh dương cũng không nằm cạnh ngã tư, mà nằm ở bên kia một cái ao to, tuổi tác của cô Nhường, của ông An, cũng chỉ áng chừng chứ không thực chính xác.

8- Địa điểm ngôi mộ rất đúng, nhưng chỉ đúng cho một hình vuông, có cạnh 5 mét. Ngoài hình vuông đó sẽ chạm vào 2 ngôi mộ khác. Trong khoảng diện tích 25m đó phải đào một cái hố chỉ rộng 2,5 mét,

quả là không dễ gì trúng ngay được. Khi vẽ bản đồ anh ghi: Mộ nằm cách gốc cây đổ 4 mét. Nếu đào đúng như thế về hướng Đông - Đông Nam thì trúng. Nhưng khi anh hướng dẫn tôi về hình tam giác thì lại chỉ còn cách gốc cây đổ 1,5 mét. Khi chỉnh mộ thì anh bảo phát triển về hướng Nam, đúng ra là phải phát triển về hướng Đông - Đông Nam. Lần thứ hai, với sự chỉ dẫn của đôi bướm màu, thì tiến thêm về Đông Nam là đúng hướng. Nhưng nếu đào thì phần cuối của hố mới gần chạm đến đầu hài cốt. Phải đào một cái hố thứ ba, xoay ngang theo hướng Tây Bắc - Đông Nam và lùi hẳn về hướng Đông hai mét, lấy dải hoa tím chiếu thẳng ra bờ ao làm cạnh của hố, mới trúng được hài cốt. Qua đây, tôi hiểu tại sao anh Nhã dặn tôi, chỉnh mộ là một quá trình vất vả lắm đấy. Thực tình nếu phải đào đến cái hố thứ hai mà không đạt kết quả thì niềm tin và hy vọng mong manh của tôi vào con đường thần bí chắc sẽ bốc hơi hết, không còn gì để đào tiếp cái hố thứ 3. Nếu không nhờ được cháu Hằng chỉnh mộ theo con đường gọi hồn thì bao nhiêu công sức của anh Nhã và của tôi đều bỏ phí, xem như rơi vào tỷ lệ trật 40%.

9-Về độ sâu của cái hố phải đào thì chỉ dẫn đầu tiên của anh Nhã là rất đúng. Chính ở độ sâu một 1,5 mét, chúng tôi đã bốc được hài cốt. Nhưng khi chĩnh mộ thì anh lại hai lần yêu cầu đào sâu thêm nữa. Phải chăng chính anh cũng đang phải mò mẫm trong sự bí ẩn?

---->❖<----

KHÁM PHÁ SỰ BÍ ẨN

Hài cốt em tôi thì tôi đã tìm thấy, nhưng những con đường bí ẩn dẫn đến kết quả ấy thì vẫn là bí ẩn. Khám phá ra những điều bí ẩn ấy không phải là điều dễ dàng. Tôi chỉ qua thể nghiệm của riêng mình mà đề xuất một số vấn đề, một số câu hỏi để các chuyên gia về lĩnh vực này xem xét.

1/ Tôi có căn cứ để tin rằng đã gặp linh hồn em tôi, anh tôi và chị tôi, cả linh hồn cụ Giám là người chôn cất và linh hồn cụ An là người chứng kiến. Cháu Hằng đã nhận dạng được linh hồn, thậm chí nhận diện được linh hồn qua tấm ảnh, đã nghe được tiếng nói của linh hồn. Như vậy linh hồn phải tồn tại dưới một dạng vật chất nào đó, có hình thù, có khả năng phát ra tiếng nói.

Đã là một dạng vật chất thì vật lý học, hóa học, y học, sinh học, với những phương tiện quang học và điện tử tinh vi, hẳn sẽ có ngày tìm ra. Các nhà khoa học Việt Nam có thể đóng góp gì theo hướng đó?

2/ Tôi nhận thấy linh hồn người chết vẫn thể hiện những tình cảm vui buồn quan tâm, ước muốn (thậm chí giận dữ như cụ Giám, tranh cãi như cụ An) vẫn nhớ và kể lại những việc đã qua, kể cả những việc xảy ra sau khi thể xác mình đã chết, vẫn theo dõi và đánh giá được những việc mà người sống đang làm. Như vậy linh hồn không phải là một vật thể vô tri vô giác, mà là một vật thể sống, có tình cảm và tư duy. Điều này đặt ra một câu hỏi: Có một thế giới linh hồn ngoài thế giới của con người đang sống không?

Thế giới linh hồn hoạt động như thế nào? Có khả năng tác động gì vào thế giới của con người đang sống không?

Để đáp ứng những sự mong muốn của linh hồn người thân, người sống dâng đồ cúng tế tiền bạc, đồ dùng hàng ngày (dưới dạng vàng mã) là đúng hay nhầm nhí? Linh hồn có tiêu vong đi không? Hay là tồn tại

mãi mãi?

Tìm lời giải cho những vấn đề này, nếu chỉ dựa vào suy luận thì sẽ dẫn đến tranh cãi bất tận. Vấn đề là chứng minh.

3/ Hầu hết mọi người đều không có khả năng nhìn thấy linh hồn, nhìn thấy hài cốt vùi lấp dưới lớp đất dày mấy mét. Chỉ một số ít người như cháu HẰNG có khả năng đó. Khả năng đặc biệt ấy là do cấu tạo đặt biệt sinh lý nào vậy? Y học nên quan tâm tìm ra lời giải.

4/ Nếu khả năng nhìn thấy linh hồn và nghe thấy tiếng nói của linh hồn có thể quy về cấu tạo sinh lý đặc biệt của một số người thì khả năng nhận biết được những thông tin bí ẩn của anh Nhã, anh Liên và một số người khác càng khó khám phá hơn. Nhưng, một khả năng đã giúp cho nhân dân tìm được hàng ngàn hài cốt liệt sĩ, chẳng lẽ không đáng bỏ công tìm hiểu, khám phá?

5/ Để làm những công việc trên, liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam đã lập ra một trung tâm nghiên cứu có tên là **“Trung Tâm Nghiên Cứu Tiềm Năng Con Người”**. Song quyền hạn và phương

tiện thì rất hạn hẹp. Nên chẳng thành lập một viện nghiên cứu có sự hỗ trợ về kinh phí của nhà nước, có sự quyên góp tự nguyện của những người quan tâm? Công việc của viện này, nếu thành công, xác nhận được sự tồn tại của linh hồn, thì không những có ý nghĩa nhân văn mà còn có ý nghĩa về nhiều mặt khác, kể cả về hình sự (Nếu người bị giết khi nói ra thì kẻ giết người tránh sao khỏi tội?), không những có ý nghĩa quốc gia mà còn ý nghĩa quốc tế.

Trong khi chờ đợi nghiên cứu thành công, thì cần có những chính sách chế độ để những người có khả năng đặc biệt có thể phát huy tài năng nhiều hơn vào việc tìm kiếm hài cốt liệt sĩ, là nguyện vọng tha thiết của hàng chục vạn gia đình.

Tránh những lời bỏ báng, vội vã, tránh vơ đũa cả nắm, nhập cục vào số người buôn thần, bán thánh, lợi dụng mê tín, dị đoan. Càng nên tránh những thái độ thô bạo cấm đoán, bắt bớ, giam cầm.

Mới chỉ cách đây 50 năm thôi, nhiều nhà khoa học Liên Xô, vì nghiên cứu, đã bị tống giam vào nhà thương điên. Trên con đường khúc khuỷu của khoa học đã xảy ra

biết bao nhiêu sự kiện đau lòng như thế,
chẳng nên lấy đó làm răn ư!?



THAY LỜI KẾT LUẬN

Tôi viết bài này với mục đích chính là trong tôi có một sự nghi ngờ rất lớn mà tôi không thể trả lời được.

Khi viết gần xong, tình cờ tôi có dịp làm quen với giáo sư Đào Vọng Đức và thiếu tướng - Phó tiến sĩ Nguyễn Chu Phác là những người phụ trách chủ chốt của Trung Tâm Nghiên Cứu Tiềm Năng Con Người. Biết được mục tiêu nghiên cứu của các anh, tôi sẵn sàng gửi câu chuyện gia đình của tôi cho các anh, để Trung tâm sử dụng như một tư liệu tham khảo. Với ý nghĩa đó, tôi đã viết thêm một đoạn “Khám phá sự bí ẩn?”- Hy vọng những lời bàn chầu rìa của một người ngoài lĩnh vực này (tôi chỉ là một nhà kinh tế) có chút gì bổ ích cho công cuộc nghiên cứu của các anh chẳng?

Hà Nội, tháng 12 năm 1999

Giáo sư Trần Phương



NƠI XUẤT PHÁT

THẾ GIỚI SIÊU HÌNH



Để trả lời những câu hỏi của giáo sư Trần Phương về thế giới siêu hình.

Sau khi đọc bài viết của giáo sư Trần Phương “**TÌM HÀI CỐT LIỆT SĨ, MỘT HÀNH TRÌNH ĐẦY BÍ ẨN**”. Trong bài viết này đoạn cuối, chúng tôi thấy Giáo sư có đưa ra nhiều câu hỏi để gợi ý giúp cho Trung Tâm Nghiên Cứu Tiềm Năng Của Con Người qua tựa đề “**KHÁM PHÁ SỰ BÍ ẨN**”.

Theo nhận xét của chúng tôi những hiện tượng đã xảy ra trong chuyến đi tìm hài cốt của cô em gái của giáo sư Trần Phương, dù cho mười cái Trung Tâm Nghiên Cứu và tập trung tất cả các nhà khoa học trên thế giới cũng không giải thích được, trừ ra sự tiến bộ của khoa học đã tạo ra được một bộ óc điện tử như bộ óc của con người thì mới xác định được thế giới siêu hình có hay

không. Và những hiện tượng con người có khả năng thấy và nói chuyện với ma cũng như làm thông dịch lại cho chúng ta biết.

Đọc qua những câu hỏi của Giáo sư, chúng tôi thấy đây là những câu hỏi của mọi người, chứ không riêng gì của Giáo sư. Những câu hỏi của Giáo sư đại diện cho giới trí thức đang bị những hiện tượng kỳ lạ, dày vò tâm tư mà không thể giải đáp được.

Với một số ngôn ngữ hiện có, khó mà giải thích cho quý bạn hiểu biết một cách rành rẽ về những hiện tượng này, nhưng chúng tôi sẽ cố gắng. Tin hay không tin là quyền ở các bạn. Phải chi chúng tôi có được nhiều người như chúng tôi, thì chắc chắn các bạn sẽ dễ tin hơn.

Trước khi nghe chúng tôi trình bày những hiện tượng này, Chúng tôi xin có những lời khuyên các bạn: ***“Trong cuộc sống của con người điều quan trọng và cần nhất là đạo đức, cái gì phi đạo đức là chúng ta không chấp nhận, bởi vì có thể giới siêu hình tác động vào cuộc sống của loài người thì có sự phi đạo đức”***.

Ví dụ: Con cháu làm điều tội lỗi phạm pháp luật, bị tù tội, tai nạn, bệnh tật khổ đau v.v..... Những linh hồn ông bà cha mẹ, vì thương con cháu nên phù hộ chúng, cho thoát nạn, tai ương, họa khổ v.v.....hoặc những linh hồn này thù oán ai, khiến cho họ đau bệnh, hoặc gặp tai nạn này tai nạn khác. Và như vậy là một việc làm phi đạo đức. Còn nếu thế giới linh hồn người chết mà không tác dụng lợi ích cho cuộc sống của con người thì thế giới linh hồn có để làm gì? Hay để làm hao tổn tiền của của loài người, trong khi những linh hồn này không làm ra vật chất, mà đòi hỏi vật chất thế gian: Trà nước, thuốc Cáp Tăng, giấy tiền vàng mã (cháu Hằng thông dịch lại), quần áo, nhà cửa, kho đựng, xe cộ, tivi, tủ lạnh v.v.....Đó có phải thế giới linh hồn là một thế giới phi đạo đức không???

Thưa quý các bạn, chúng tôi đã nhờ sức Tứ Thánh Định của Phật Giáo mà biết được những hiện tượng phi không gian và thời gian này xảy ra do năng lực nào và năng lực ấy từ đâu xuất phát làm nên những hiện tượng kỳ lạ này?

Sau khi đọc xong bài ***“Tìm hài cốt liệt***

sĩ”. Cái cảm tưởng đầu tiên của chúng tôi là xúc cảm, thương đau cho những người anh, người chị, người em trai và người em gái của chúng tôi, khắp nơi trên đất nước Việt Nam, quê hương này, đã vì tổ quốc chịu biết bao nhiêu cực hình, cay đắng rồi hy sinh mạng sống của mình cho dân, cho nước, cho Đảng. Để ngày nay chúng ta, những người còn sống, thọ hưởng sự độc lập, tự do, bình đẳng và hãnh diện với mọi người khắp năm châu.

Một đất nước bị nô lệ ngoại xâm, thì dân nước đó phải chịu khổ biết dường nào. Vì nhân quyền không có. Nếu đứng lên chống giặc ngoại xâm thì xương máu phải tô thắm đỏ mảnh đất này.

Chúng tôi cũng có người em trai đã hy sinh trong trận Đồng Khởi Tua Hai Tây Ninh, xác em tôi được chôn vùi nơi bìa rừng. Chiến tranh chấm dứt thì nơi đó đã trở thành nơi dân cư trù phú, vì thế chúng tôi không thể tìm hài cốt em tôi được. Và tôi thiết nghĩ, xương thịt của em tôi dù chôn vùi bất cứ nơi đâu trên mảnh đất quê hương này, thì nó cũng xứng đáng là một công dân Việt Nam yêu nước, yêu quê hương, yêu tổ

quốc và thương yêu dân tộc của nó.

Giáo sư Trần Phương thương khóc cho cô em gái của mình phải chịu đựng những cực hình khổ đau nhất đời của những con người không phải người hung ác hơn loài ác thú. Hôm nay giáo sư đã tìm được hài cốt cô em gái của mình, cô Khang.

Còn chúng tôi thì sao? Các anh, các chị và các em gái của chúng tôi đã hy sinh thân mình cho tổ quốc, cho dân tộc, cho quê hương xứ sở này. Hôm nay có người tìm được hài cốt đem về nghĩa trang liệt sĩ, nhưng có người chưa tìm được còn nằm rải rác khắp nơi trên mảnh đất quê hương này.

Thân cát bụi trả về cho cát bụi, còn linh hồn thì sao, có hay là không có?

Chúng tôi không trích ra từng đoạn để trả lời Giáo sư về thế giới linh hồn, mà cho in cả bài này vào tập Đường Về Xứ Phật. Vì bài này nói lên được ý nghĩa kiên cường, bất khuất của một dân tộc anh hùng, dân tộc Việt Nam.

Sau khi tìm hài cốt cô em gái của mình Giáo sư Trần Phương không còn đứng yên trên vị trí khoa học nữa mà đã bị đảo lộn tư

tưởng bởi những nhà ngoại cảm làm sống lại cái thế giới siêu hình. Rồi đây ai cũng nghĩ: sau khi chết còn có sự sống. Sau khi chết còn có sự sống, thì tệ nạn mê tín dị đoan lại sẽ gia tăng lên nhiều hơn nữa, thì đạo đức lại xuống dốc.

Giáo sư nêu lên những câu hỏi để mong cầu những ai có thể giải đáp cho mình, cho mọi người những điều mắt thấy tai nghe mà riêng tri thức của giáo sư cũng như mọi người khác không thể hiểu và giải thích được. Những câu hỏi ấy Giáo sư đã lấy tên: **“KHÁM PHÁ SỰ BÍ ẨN”**. Có nghĩa là ai trả lời được những câu hỏi của Giáo sư là khám phá ra sự bí ẩn của thế giới siêu hình.

Đọc bài này chúng tôi cảm thấy vô tình Giáo sư đã làm sống lại cái thế giới siêu hình mà từ lâu các nhà khoa học không chấp nhận thường tìm mọi cách để chứng minh cho mọi người biết thế giới siêu hình không có, nhưng khả năng của khoa học còn phải tiến xa hơn nữa và tiến xa hơn nữa thì mới có mong khám phá ra những sự bí ẩn này.

Còn hiện giờ thì sao? Thì cứ mặc tình cho mọi người mê tín dị đoan, Do kẻ hở này

mà một số tôn giáo, một số người lợi dụng khoa học không giải thích được thế giới siêu hình mà bịa ra nhiều điều mê tín, dị đoan để làm tiền thiên hạ mà không pháp luật nào bắt tội họ được.

Đứng trước những sự lừa đảo lường gạt người bất chánh của Đại Thừa Giáo, của các thầy phù thủy, của đồng, bóng, cốt, tự xưng là Phật, Thánh, Tiên, bà Chúa Tiên, Chúa Xứ, quỷ, ma, cô, cậu v.v.....

Bài viết này của Giáo sư Trần Phương, là một cái cớ để cho những người vô loại này thừa **“nước đục thả câu”** mà phát triển giáo pháp mê tín, thì đạo đức nhân bản nhân quả làm người sẽ mất dần và loài người không còn là người nữa mà là ác thú, ác quỷ.

Hiểu được điều này chúng tôi không thể làm ngơ. Vì ích lợi cho mọi người và vì nền đạo đức của con người trên hành tinh này, vì thế chúng tôi xin mạo muội trả lời những câu hỏi của Giáo sư không phải để khám phá những điều bí ẩn của Giáo sư mà chỉ nêu lên một sự thật **“Thế giới linh hồn không có”** để đem lại sự lợi ích cho mọi người, không còn bị người khác lợi dụng sự

chưa hiểu của mình mà làm những điều lừa gạt bất chánh.



LINH HỒN LÀ DO TƯỚNG TRI CỦA CON NGƯỜI CÒN SỐNG

Chúng tôi xin trả lời câu hỏi thứ nhất của Giáo sư:

1/ Câu hỏi Giáo sư đã xác định: *“Tôi căn cứ để tin rằng đã gặp linh hồn em tôi, anh tôi và chị tôi, cả linh hồn cụ Giám là người chôn cất và linh hồn cụ An là người chứng kiến. Cháu Hằng đã nhận dạng được linh hồn, thậm chí còn nhận diện được linh hồn qua tấm ảnh, đã được nghe tiếng nói của linh hồn. Như vậy linh hồn phải tồn tại dưới một dạng vật chất nào đó, có hình thù, có khả năng phát ra tiếng nói. Đã là một dạng vật chất thì vật lý học, hóa học, y học, sinh học, với những phương tiện quang học và điện tử tinh vi, hẳn sẽ có ngày tìm ra. Các nhà khoa học Việt Nam có thể đóng góp gì theo hướng đó?”*

Cách đây 2545 năm có một người đã

xác định rằng: **“không có thế giới siêu hình”** có nghĩa là không có đời sống sau khi chết Ngài đã chia thân người làm năm phần:

1/ Phần thứ nhất là sắc uẩn.

2/ Phần thứ hai là thọ uẩn.

3/ Phần thứ ba là tưởng uẩn.

4/ Phần thứ tư là hành uẩn.

5/ Phần thứ năm là thức uẩn.

Một người chết năm uẩn này đều tan rã không còn một chút xíu nào cả. Người xác định điều này là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Vậy thì cái gì còn lại gọi là linh hồn của con người?

Theo cái nhìn của Phật Giáo thì một con người là do năm duyên hợp lại mà thành ra. Và xa hơn nữa là vạn vật trên thế gian này đều hiện hữu, sự hiện hữu có mặt của một vật đều do nhiều duyên hợp lại. Cho nên một thế giới mà có được thì phải có nhiều duyên kết hợp mới lập thành. Một thế giới không thể nào chỉ có một vật thể đơn điệu được.

Ví dụ 1: một cái cây kia, nếu không có đất, nước, gió, không khí và nhiệt độ, nóng lạnh, ẩm thấp, nắng mưa v.v.....thì cây kia không thể sống được.

Ví dụ 2: Một con người sanh ra ở đời, nếu không có cỏ cây, thực phẩm để nuôi sống thì con người cũng không sanh ra được, nếu có sanh ra được thì cũng không sống được. Cỏ cây, con người và vạn vật không có sự hiện hữu trên hành tinh này thì làm sao gọi là thế giới.

Vì thế, nếu quả chẳng con người có sự sống sau khi chết, thì thế giới của người chết phải có một môi trường sống riêng cho linh hồn, chứ đâu cần gì chúng ta phải cúng những thực phẩm mà những thực phẩm ấy chỉ nuôi sống cho những duyên hợp hiện hữu của nó, chứ đâu phải những thực phẩm của chúng ta là để cho linh hồn thọ dụng. Vì thế, cúng lễ những thực phẩm hoặc đốt hương, vàng mã của thế giới hữu hình cho thế giới vô hình thì quý vị suy nghĩ có đúng không? Hay làm một việc nhảm nhí?

Nếu quả chẳng có thế giới siêu hình thì những linh hồn đó phải có một hình dáng cố định, vì thế giới siêu hình là thế giới

thường hằng không thay đổi thì không thể nào linh hồn lấy hình dáng của con người làm hình dáng của mình. Khi mà hình dáng của con người vô thường không cố giáng chỉ trong một đời người mà đã thay đổi nhiều lần: trẻ có hình dáng khác, thanh niên có hình dáng khác và già có hình dáng khác, huống là đời này mang hình dáng này đời sau mang hình dáng khác. Xét như vậy chúng ta thấy linh hồn có đúng không?

Cho nên, thế giới hữu hình của chúng ta do các duyên hợp thành, vì do các duyên mà thành nên có sự vô thường thay đổi liên tục, Vì vậy một con người mới sanh ra cho đến 7, 8 chục năm sau thì không giống nhau. Chúng ta hãy quan sát một con người từ hình dáng của một đứa bé mới sanh so sánh với hình dáng của một ông cụ già 7, 8 mươi tuổi thì hai hình dáng này không giống nhau, như vậy chứng tỏ sự vô thường thật sự, như trên chúng tôi đã nói.

Như các bạn thường nghĩ và cho linh hồn là một vật thể không thay đổi. Vì thế linh hồn là bất tử, nên thường đi tái sanh luân hồi từ thân này, đến thân khác. Thân thì có trẻ, có già, có chết. Còn linh hồn thì

không già, không trẻ và không chết. Như vậy cháu Bích Hằng phải xem bức ảnh của cô Khang rồi mới nhận ra linh hồn của cô Khang thì như vậy không đúng. Vì sao vậy? Là vì linh hồn của cô Khang bây giờ không còn là hình dáng của cô Khang nữa, mà là hình dáng bất di bất dịch của linh hồn. Khi linh hồn ấy còn mang thân xác của cô Khang thì hình dáng ấy là hình dáng xác thân của cô Khang, chứ đâu phải là hình dáng linh hồn của cô Khang phải không thưa quý vị? Khi cô Khang chết thì hình dáng của cô Khang cũng không còn, thì như vậy linh hồn của cô Khang phải trở về với hình dáng nguyên thủy của nó, thì làm sao linh hồn có hình dáng giống cô Khang được. Vì linh hồn là một vật không thay đổi, như chúng tôi đã nói ở trên.

Xét ở góc độ này thì cháu Bích Hằng gọi hồn cô Khang về là một năng lực trong thân ngũ uẩn của cháu Bích Hằng tạo ra linh hồn của cô Khang, chứ không phải có linh hồn cô Khang thật, vì thế cháu phải nhìn hình ảnh cô Khang rồi mới tạo ra hình ảnh cô Khang được.

Do đó, chúng ta suy ra, nếu có thể giới

linh hồn của người chết thì những linh hồn ấy không có hình dáng giống như chúng ta. Tại sao vậy?

Tại vì một linh hồn phải trải qua nhiều lần tái sinh luân hồi, do đó mỗi lần tái sinh là mỗi lần có hình dáng khác nhau của thân xác, có nhiều hình dáng khác nhau như vậy thì làm sao linh hồn cô Khang giống cô Khang được?

Tất cả những sự việc này lần lượt chúng tôi sẽ cố gắng vén bức màn bí ẩn để quý vị không còn thấy nó là bí ẩn nữa.



KHÁM PHÁ SỰ BÍ ẨN CỦA ANH NHÃ

Trạng thái ngoại cảm của anh Nhã rất rõ nét, vì anh làm việc ngoài ý thức của anh, có nghĩa là trong đầu anh nghe nói tên (Nhuơng, Nhường, Nhượng) hoặc tự điều khiển anh viết hoặc vẽ bản đồ chứ riêng anh không có chủ ý viết hoặc vẽ. Tự trong đầu anh có sự điều khiển trong vô thức. (“Tôi thấy trong đầu tôi hiện ra như thế nào thì tôi vẽ như thế ấy, tôi cũng chẳng hiểu nữa”). Đây là lời của anh Nhã nói, khi

Giáo sư Trần Phương hỏi. Và anh còn nghe được những âm thanh trong tai (***“Tôi thấy trong tai tôi như có âm thanh ấy”***)

Qua sự trình bày của anh Nhã chúng tôi xin giải thích để quý vị rõ. Do đâu điều khiến mà anh Nhã đã vẽ được bản đồ của một vùng chưa bao giờ đi đến và vị trí địa thế ngôi mộ cũng được xem là đúng ở cự ly rộng.

Trong bộ óc của con người có nhiều nhóm tế bào não, mỗi nhóm tế bào não đều làm việc theo phận sự của nó.

Ví dụ: Một người đang thức và đang làm một việc gì đó, hay đang tư duy suy nghĩ về một vấn đề gì, thì nhóm tế bào não thuộc về ý thức hoạt động, làm việc, trường hợp đó cũng giống như chúng tôi đang tư duy, suy nghĩ để viết sách và viết như thế nào để quý bạn dễ hiểu và hiểu một cách cụ thể hơn

Chúng ta có thể gọi nhóm tế bào não bộ này là nhóm tế bào não bộ ý thức.

Còn trường hợp chúng ta đang ngủ mà bị chiêm bao thì nhóm tế bào não nào làm việc đây?

Chúng tôi xin giải thích, khi chúng ta đang ngủ thì toàn bộ nhóm tế bào thuộc về ý thức, chắc chắn phải ngưng hoạt động, như lúc ngủ mắt không thấy vật, tai không nghe âm thanh, ý không phân biệt v.v....., như vậy rõ ràng là nhóm tế bào ý thức chúng ta ngưng hoạt động. Vậy cái gì hoạt động trong giấc chiêm bao?

Xin thưa, khi nhóm tế bào não thuộc về ý thức không hoạt động, thì nhóm tế bào não thuộc về tưởng thức hoạt động, do nhóm tế bào tưởng thức này hoạt động nên người ta mới có chiêm bao.

Còn trường hợp của anh Nhã thì hai nhóm tế bào não trong óc anh nó kết hợp (câu hữu) làm việc với nhau, và sự kết hợp làm việc này mới xảy ra với anh chứ trước kia anh không có trạng thái này.

Ở đây chúng ta cần phải hiểu thêm về nhóm tế bào não thuộc về ý thức, khi nó hoạt động thì không vượt qua được không gian và thời gian, vì thế khoảng cách xa, như ngăn sông, cách núi, hoặc dưới lòng đất, dưới đáy biển đại dương v.v..... thì nó không thể thấy biết được. Về thời gian, nó bị chia cắt có quá khứ, vị lai và hiện tại,

quá khứ nó không nhớ biết, vị lai thì mờ mịt không rõ. Ngược lại nhóm tế bào não bộ thuộc về tướng thức, khi nó hoạt động thì nó vượt qua hàng rào không gian và thời gian, nên thời gian và không gian không còn chia cắt và trải dài. Vì thế nó bắt gặp hay nói cách khác là giao cảm với những gì đã xảy ra ở quá khứ và vị lai.

Ở trường hợp này nhóm tế bào não tướng thức của anh Nhã thì quá rõ ràng, không có trạng thái đồng cốt như cháu Bích Hằng, nhưng nó hoạt động chưa chính xác 100%. Vì tướng thức của anh tự nó hoạt động chứ không phải do anh triển khai, điều khiển, nên mức độ hoạt động của nó chưa hoàn chỉnh và chính xác.

Khi tướng thức hoạt động thì anh Nhã cảm thấy như mình không chủ động, tự trong đầu nó điều khiển như thế nào thì anh làm theo như thế ấy, nhưng ý thức của anh vẫn biết rõ ràng, thậm chí những âm thanh nói trong tai, anh vẫn nghe và biết rõ. Xét trường hợp trong đầu anh Nhã, thì trong đầu anh làm việc hai phận sự;

1/ Làm việc bị hạn cuộc trong không gian và thời gian, có nghĩa là không vượt ra

khỏi thời gian chia cắt và không gian trải dài hay bị ngăn cách.

2/ Làm việc không bị hạn cuộc trong không gian và thời gian, có nghĩa là vượt qua không gian và thời gian. Sự làm việc này gọi là làm việc trong vô thức.

Người tu theo Đạo Phật khi nhập được Tứ Thánh Định thì người ta hiểu biết rất rõ ràng. Trường hợp anh Nhã, ý thức của anh kết hợp với tưởng thức của anh hoạt động hai mặt:

1/ Hữu thức.

2/ Vô thức.

Tóm lại trường hợp của anh Nhã trong một bộ óc của anh làm việc hai phần sự hữu hình và vô hình, hay nói cách khác cho dễ hiểu hơn là bộ óc anh có phần làm việc bị hạn cuộc không gian và thời gian và có phần làm việc không bị hạn cuộc không gian và thời gian, nhưng chưa chính xác 100%.

Cho nên sự bí ẩn của anh Nhã không có gì bí ẩn, anh sử dụng được những tế bào não ý thức và những tế bào não tưởng thức, khiến chúng hoạt động khi ý muốn anh

khởi ra.

Tóm lại sự bí ẩn của anh Nhã thì không có gì là bí ẩn cả, chỉ có bộ óc của anh làm việc được hai phần: phần ý thức và phần tưởng thức.



KHÁM PHÁ SỰ BÍ ẨN VỀ CHÁU BÍCH HẰNG

Trường hợp cháu Bích Hằng thì không giống trường hợp anh Nhã, hiện tượng của cháu Hằng xảy ra giống như có một linh hồn người chết nhập vào như thật.

Khi trực tiếp chứng kiến năng lực của tướng uẩn con người. Nhất là trường hợp của cháu Bích Hằng, khiến cho Giáo sư Trần Phương không còn đứng vững trên lập trường khoa học nữa, ông đặt ra nhiều câu hỏi: ***“Như vậy linh hồn phải tồn tại dưới một dạng vật chất nào đó, có hình thù, có khả năng phát ra tiếng nói. Đã là một dạng vật chất thì vật lý học, hóa học, y học, sinh học v.v.....Với những phương tiện quang học và điện tử tinh vi, hẳn có ngày tìm ra. Các nhà khoa học Việt Nam có thể đóng góp gì theo***

hương đó”?

Còn lâu lắm các nhà khoa học Việt Nam mới có thể chứng minh và giải thích những hiện tượng đó bằng hóa học, sinh học, y học, lý học v.v..... Còn bây giờ thì sao? Hay để cho nhân dân Việt Nam sống trong mê tín, phải chịu tốn hao với một số tiền bạc vô nghĩa (đốt tiền vàng mã, cúng sao giải hạn, cầu an, cầu siêu v.v.v.....).

Khi đọc bài của giáo sư Trần Phương, chúng tôi thấy, nếu bài này được phổ biến sâu rộng trong khắp nước, mà các nhà khoa học Việt Nam không có tiếng nói, thì chắc chắn nạn mê tín, dị đoan sẽ lan rộng khắp nơi. Và sẽ có một số người lợi dụng trường hợp này mà gây tạo ra nhiều loại mê tín khác nữa để lừa đảo người.

Chúng tôi đọc bài tâm nguyện của một cư sĩ M.N.C.S ở Long Hải nói rằng: Những nhà ngoại cảm này thường khoe khoang, nhà nước đang tìm kiếm những người tài như họ để trưng dụng về việc quốc phòng. Lời nói này chúng tôi e rằng những hạng người này ***“thừa nước đục thả câu”***, lợi dụng trạng thái tưởng thức không có không gian và thời gian, giao cảm mọi sự việc xảy

ra tạo dựng thế giới siêu hình để lừa đảo mọi người, chứ từ xưa đến giờ chưa có lịch sử nước nào ghi công lao của những người làm đồng, cốt và những nhà ngoại cảm, nhờ lên đồng, nhập cốt và ngoại cảm mà ngăn giặc, đuổi giặc, giữ nước, dựng nước, bắt những kẻ trộm cướp giết người, hiếp dâm, giữ gìn trật tự, an ninh cho quê hương, xứ sở.

Vì biết rằng các nhà khoa học không thể chứng minh được những hiện tượng hoạt động của tưởng thức, nên trong các tôn giáo người ta cố ý tu tập để triển khai tưởng thức hoạt động ngõ hầu lấy đó tạo dựng thế giới siêu hình và thần thông để lừa đảo mọi người. Vì không nhận ra những hiện tượng đó nên mọi người tin tưởng gia nhập vào tôn giáo, nuôi hy vọng khi chết đi sẽ được sanh về nơi đó (Cực Lạc, Thiên Đàng), hay có những thần thông pháp thuật.

Do phong thổ, thời tiết, thức ăn nước uống tại địa phương, hoặc do tai nạn xảy ra gây ảnh hưởng não bộ, hoặc sự phát triển hoạt động của não bộ không đồng đều, khiến cho tưởng thức hoạt động nhiều hơn ý thức (trường hợp cháu Bích Hằng), hoặc ý thức và tưởng thức cùng hoạt động (trường

hợp như anh Nhã) Vì thế biến họ từ một con người bình thường trở thành đồng, cốt và các nhà ngoại cảm. Một con người có khả năng đặc biệt.

Chúng ta không hiểu được năng lực của tướng thức khi nó hoạt động không giống như ý thức chút nào cả:

1/ Nó hoạt động rất đặc biệt tại một điểm, nên không có không gian và thời gian, khoa học không thể chứng minh được.

2/ Nó giao cảm được mọi âm thanh sắc tướng, vì các từ trường của nó. Các nhà khoa học có thể chứng minh được.

3/ Nó biến hiện ra muôn hình sắc tướng của những người đã chết không sai một nét nào cả. Đó là năng lực duyên hợp của tướng thức. Các nhà khoa học không thể chứng minh được, vì nó không phải là vật lý học, hóa học, y học, sinh học v.v.....

4/ Nó tạo ra một người thứ hai đang tiếp chuyện với ý thức của nó. Đó là năng lực duyên hợp của tướng thức, khoa học không thể chứng minh được.

5/ Vì không có không gian, nên nó

nhìn suốt trong lòng đất thấy mọi vật và bất cứ địa phương nào ở nơi đâu, cách xa bao nhiêu, nó cũng biết được. Khoa học có thể chứng minh được vì đó là từ trường của tưởng thức.

6/ Vì không có thời gian nên bất cứ chuyện gì đã xảy ra hoặc sắp xảy ra bao lâu nó cũng biết được. Và biết một cách rất cụ thể. Đó là từ trường của tưởng thức giao cảm và bắt gặp những hành động, hình ảnh và âm thanh của mọi sự việc đã xảy ra còn lưu lại trong môi trường sống, khoa học có thể chứng minh được. Cũng như những sự việc sắp xảy ra trong môi trường sống nhân quả của mỗi con người, nó đều bắt gặp và giao cảm được cả, khoa học không có thể chứng minh được.

Hiện giờ Giáo sư Trần Phương hy vọng vào các nhà khoa học Việt Nam, quang học và điện tử tinh vi để giải đáp: **“Linh hồn có hay không?”**, nhưng Giáo sư phải còn chờ đợi lâu lắm, có lẽ Giáo sư sẽ chết mất mà những câu hỏi này chưa được giải đáp.

Là một nhà tu tập thiền định theo Phật Giáo, tự bản thân chúng tôi đã trực tiếp truy tìm thế giới siêu hình để thấy, nghe,

hiểu biết, thì chúng tôi biết nó từ đâu xuất hiện những hiện tượng đó. Vì thế chúng tôi xác định quả quyết: ***“Thế giới siêu hình không có, chỉ là năng lực tưởng thức của mỗi con người còn đang sống tạo ra, chứ người chết rồi thì không còn lưu lại một vật gì cả”***. Xưa thái tử Sĩ Đạt Ta khi tu thành Phật, Ngài cũng xác định: ***“Thế giới siêu hình là thế giới của tưởng tri”***.

Câu hỏi thứ hai của Giáo sư nêu lên tình cảm vui, buồn, quan tâm, ước muốn, giận dữ, tranh cãi của linh hồn để rồi nêu lên câu hỏi: Có một thế giới linh hồn ngoài thế giới con người đang sống không? Thế giới linh hồn hoạt động như thế nào? Có khả năng tác động gì vào thế giới của con người đang sống? Để đáp ứng mong muốn của linh hồn người thân, người sống dâng đồ cúng lễ, tiền bạc đồ dùng hàng ngày (dưới dạng vàng mã) là đúng hay nhầm nhí? Linh hồn có tiêu vong đi không, hay là tồn tại mãi mãi?

Để trả lời những câu hỏi này:

1/ Ngoài hai trạng thái hình và bóng của cuộc sống con người hiện hữu trên hành

ting này, thì không còn có thế giới linh hồn nào khác nữa. Thế giới linh hồn mà người ta cảm nhận được là do năng lực của tưởng thức trong mỗi người giao cảm mà tạo ra. Năng lực ấy được phát triển là do tu tập các loại thiền định tưởng hoặc bị tai nạn hay bị một cú “**sốc**” gì trong cuộc đời, khiến cho phần nhóm tế bào não tưởng thức hoạt động, đó là trường hợp của các nhà ngoại cảm.

2/ Vì không có thế giới linh hồn nên nó không có sự sinh hoạt riêng, không có sự sống riêng. Do tưởng thức của con người còn đang sống, nên sự sinh hoạt của nó cũng mang đầy tính chất của con người: tình cảm vui, buồn, quan tâm, ước muốn, giận dữ, tranh cãi v.v..... Nếu quả chẳng có thế giới linh hồn của con người thì phải có sự sinh hoạt khác hơn con người, từ thực phẩm ăn uống, đến tình cảm, truyền thông, diễn đạt v.v.....

3/ Nếu có khả năng tác động vào con người thì có hai góc độ:

a- Gia hộ con người, giúp cho con người tiêu tai, thoát nạn, bệnh tật tiêu trừ.

b- Hủy diệt loài người để cho thế giới linh hồn tăng trưởng.

Trong hai điều kiện trên đây đều phi đạo đức và phi nhân quả cả. Vì thế, nên thế giới linh hồn không được loài người chấp nhận. Nếu con người chấp nhận nó, là tự con người làm khổ mình, khổ người.

Thế giới linh hồn của con người do năng lực tưởng thức của người còn sống tạo ra thì có hai trường hợp:

1/ Không tin nó là thế giới linh hồn của người chết, mà biết sử dụng năng lực tưởng thức đó áp dụng vào cuộc sống hiện hữu của con người thì rất có lợi ích như: tìm hài cốt liệt sĩ, báo động trước những tai nạn sẽ xảy ra v.v.....

2/ Nếu tin nó là thế giới linh hồn của con người, thì đó là một tai họa rất lớn, gây cho chúng ta bệnh tật và tai nạn **“tiền mất tật mang”**. Nếu tin nó thì đời sống của chúng ta hoàn toàn bị lệ thuộc, mất tự chủ, sống thiếu đạo đức.

Vì thế giới linh hồn không có, người thân chúng ta chết, nghiệp lực đã tiếp tục tái sinh luân hồi còn đâu mà cúng lễ, tiền

bạc, đồ dùng hằng ngày (dưới dạng vàng mã) hay tụng kinh cầu siêu v.v..... thì đó là nhảm nhí.

Vì thế giới linh hồn không có thì làm gì có linh hồn tiêu vong hay tồn tại mãi mãi.

Ở đây chúng tôi không suy luận để tranh cãi mà là sự chứng nghiệm của bản thân chúng tôi. Nhập vào trạng thái tưởng thức thì chúng tôi bắt gặp thế giới linh hồn của con người qua năng lực tưởng thức của chúng tạo ra, chứ không phải thế giới linh hồn của con người có sẵn. Vì thế chúng tôi biết rất rõ ràng.

Hầu hết mọi người đều có khả năng nhìn thấy linh hồn, nghe thấy tiếng nói của linh hồn, nhìn thấy hài cốt lấp vùi dưới lớp đất dày mấy mét v.v..... không riêng gì cháu Bích Hằng, chỉ vì mọi người chưa được triển khai tưởng thức đúng mức, nên không thấy không nghe được như cháu Bích Hằng mà thôi.

Khả năng đặc biệt, ấy do một nhóm tế bào não của tưởng thức. Nếu các nhà y học và khoa học chịu khó nghiên cứu bộ não của

con người thì sẽ khám phá ra rất dễ dàng.

4/ Do sự không hiểu biết, Giáo sư Trần Phương cho rằng: những thông tin bí ẩn của anh Nhã, anh Liên, cháu Bích Hằng là những khả năng đặc biệt càng khó khám phá.

Sự thật không phải vậy. Bởi vì thế giới siêu hình không có, tức là không có linh hồn người chết, không có linh hồn thì làm sao có chất liệu quang học, y học, vật lý học mà khám phá. Nếu rời khỏi bộ óc con người mà khám phá thì chẳng bao giờ khám phá ra được thế giới linh hồn.

Cho nên, các nhà y học và khoa học hãy khám phá nơi bộ óc của một nhà ngoại cảm đang hoạt động, thì có thể sẽ khám phá ra từ những từ trường của những tế bào não tưởng thức phóng ra giao cảm với những từ trường còn lưu giữ trong không gian, những hình ảnh, âm thanh, sắc tướng, những hành động và tình cảm của mỗi con người trước khi chết. Đó là y học và khoa học có thể khám phá ra được. Nhưng có những điều mà khoa học và y học không thể khám phá ra được, đó là năng lực của tưởng thức, năng lực đó có thể biến tạo ra

hàng vạn vạn triệu triệu linh hồn con người chết và mỗi linh hồn người chết, từ hành động cử chỉ, lời ăn, tiếng nói đến đặc tướng, cung cách không sai khác như người đó lúc còn sống. Nhất là những linh hồn do tướng thức của nhà ngoại cảm biến hiện ra, lại nói chuyện với nhà ngoại cảm, nhà ngoại cảm hiện giờ như người trung gian nói lại cho chúng ta nghe những sự việc xảy ra mà chỉ có những người thân trong gia đình mới biết. Chúng tôi xin nêu lên một ví dụ để quý vị dễ hiểu hơn.

Trong giấc mộng chúng ta gặp lại ông, bà, cha, mẹ đã chết cách 10 năm hoặc 20 năm, cùng lúc trong đó chúng ta cũng gặp lại những người còn sống như anh, chị, em, cô, bác cùng bà con hàng xóm. Chúng ta đừng hiểu nông cạn là những linh hồn người còn sống cùng với những linh hồn người chết về gặp chúng ta trong giấc mộng. Nếu quả chẳng những người còn sống xuất hồn gặp chúng ta thì những người ấy phải nằm mộng như chúng ta. Nhưng sự thật những người ấy không có nằm mộng. Như vậy những người gặp chúng ta trong giấc mộng là gì? Đó là do năng lực tướng thức của chúng ta biến hiện ra, nó có thể biến hiện một số

lượng người và xe cộ đông đúc như chợ Bến Thành, nó có thể biến hiện ra một thủ đô lớn như thủ đô Hà Nội, v.v.....

Xét qua giác mộng thì năng lực tưởng thức của giác mộng chỉ bằng 1 phần trăm của tưởng thức cháu Hằng khi tìm hài cốt liệt sĩ, và khả năng tưởng thức còn gấp trăm triệu lần khả năng tưởng thức của cháu Hằng hiện giờ, khi nó làm những việc còn siêu việt hơn. Cho nên những nhà khí công, nhà nhân điện đều dùng khả năng của tưởng thức.

Giáo sư Trần Phương với hy vọng: ***“Trung tâm nghiên cứu tiềm năng con người, xác nhận được sự tồn tại của linh hồn thì không những có ý nghĩa nhân văn mà còn có ý nghĩa về nhiều mặt khác, kể cả về hình sự (nếu người bị giết mà nói ra thì kẻ giết người tránh sao khỏi tội?), không những có ý nghĩa quốc gia, mà còn có ý nghĩa quốc tế”***.

Sự hy vọng của giáo sư Trần Phương không thể thành đạt được, là vì linh hồn không có chỉ có năng lực tưởng thức tạo ra.

Vì thế, Thiên xuất hồn là một phương

tiện tu tập khai triển năng lực của tướng thức. Khí công là một môn võ học tập luyện để triển khai năng lực tướng thức, Mật Tông cũng là một pháp môn triển khai sự mâu nhiệm của năng lực tướng thức, Nhân diện cũng là một phương pháp triển khai năng lực tướng thức để trị bệnh, Tịnh Độ Tông triển khai năng lực tướng thức tạo ra thế giới siêu hình Cực Lạc Tây Phương, Thiền Tông là một pháp môn tu tập triển khai năng lực tướng thức giải ảo giác, Chân không, Phật tánh v.v.....

Cho nên từ trong các tôn giáo cho đến những người có kiến thức khoa học còn nông cạn và chưa thấu suốt nền đạo đức nhân bản nhân quả, nên tin rằng có thế giới linh hồn người chết, đó là một điều mê tín, lạc hậu mà trong thời đại này không thể tha thứ được.

Vì sự thật hiển nhiên, là không có thế giới linh hồn người chết, mà chỉ có sự biến hiện do năng lực tướng thức của con người còn sống tạo ra. Vì thế Trung Tâm nghiên cứu tiềm năng con người có ra đời cũng chỉ loanh quanh nghiên cứu trong đống sách cũ của những người xưa, toàn là sách tướng do

những nhà tướng học để lại. Nếu có nghiên cứu xa hơn thì cũng dựa vào những nhà nhân diện tướng, khí công tướng, xuất hồn tướng, võ công tướng, thiên tướng, định tướng, thần chú tướng, ngoại cảm tướng v.v..... Thì cũng không thể nào giải quyết được những gì mà Giáo sư mong đợi. Còn nếu đem những nhà ngoại cảm này áp dụng vào hình sự thì chúng tôi e rằng không chính xác, vì các nhà ngoại cảm không phải tự mình điều khiển cái năng lực đó, mà chính cái năng lực tự động của tướng thức đó điều khiển họ, nên có khi chính xác và có khi không chính xác, có nghĩa là tướng thức của họ, lúc làm việc, lúc không làm việc. Cũng giống như trường hợp anh Nhã, lúc nó làm việc thì chính xác, lúc nó không làm việc thì anh mò mẫm như người mù dò đường.

Cho nên đem những hình bóng biến hiện linh hồn người chết của tướng thức vào việc lấy hài cốt liệt sĩ thì tốt nhất, còn về việc hình sự và quốc phòng thì cũng chẳng khác nào đem sự mê tín vào những vấn đề quan trọng của đất nước, thì chúng tôi e rằng không có lợi mà có hại nhiều hơn.

Bởi vì các nhà ngoại cảm không điều

khiến được tướng thức của mình mà bị tướng thức của mình điều khiển lại mình.

Tóm lại bài này viết, vì lợi ích cho mọi người trên hành tinh này, chúng tôi nói lên sự thật, sự thật 100%. Chúng tôi nói lên không cần quý vị tin, mà chỉ cần đem lại sự lợi ích cho quý vị, để quý vị trở thành những người không ngu ngốc, không đại dốt bị kẻ khác lợi dụng tướng thức của mình lừa đảo. Tướng thức như con dao hai lưỡi, nếu quý vị biết dùng nó, thì nó lợi ích cho quý vị, còn quý vị không biết dùng nó, thì nó trở lại làm khổ và làm hại quý vị.

Sự thật là sự thật, không thể nói khác được, chúng tôi nêu lên một sự thật, thời gian và sự tiến bộ của loài người sẽ xác chứng những điều này, những điều chúng tôi đã nói ngày hôm nay ***“Thế giới linh hồn là do tướng tri”***.



TRẢ LỜI THƯ LIỄU TÂM



TỬ BIỆT SANH LY

LÀ MỘT SỰ ĐAU KHỔ CỦA KIẾP NGƯỜI

Chân Như ngày 30 tháng 4 năm 2001

Kính gửi: Liễu Tâm

Câu chuyện tử biệt sanh ly của gia đình nhà con, là những câu chuyện nức nở thương tâm đau khổ thường xảy ra trong kiếp sống của con người, mà mỗi gia đình nào cũng đều không tránh khỏi.

Luật nhân quả quá khắc nghiệt, vì sự công bằng và công lý của nó. Nó chẳng động lòng thương xót và chẳng tư vị một ai.

Trong cuộc sống của gia đình là một cộng nghiệp của nhân quả, vui buồn, khổ đau, hay hạnh phúc, phiền não, bất toại

nguyện.....đều là do sự vay trả, trả vay của nhân quả.

Một cộng đồng nhân quả trong một gia đình, người nào tuổi trẻ mà chết trước là người đó đã trả xong nhân quả trong cộng đồng đó. Khi trả xong dù muốn sống thêm một ngày cũng không thể sống thêm được nữa. Do vậy mới bảo rằng luật nhân quả quá khắc nghiệt.

Cháu Thanh Phước cũng vậy, cháu đã trả xong nợ nhân quả, vì thế cháu phải ra đi, ra đi vĩnh viễn vì cháu đã hết nợ trong cộng đồng đó. Riêng các con không thấy được nợ vay của luật nhân quả mà cho đến giờ này còn khóc thương thảm thiết.

Thầy xin nêu lên một ví dụ để con hiểu cho rõ ràng: Ví như, con là một người thiếu một món nợ rất lớn của một ông chủ, con phải đến nhà của ông chủ nợ cố gắng làm lụng hết sức mình để trả xong món nợ, khi con đã trả xong món nợ, con rời khỏi gia đình ông ta, thì ông ta kêu khóc thảm thiết không cho con đi, lúc nào cũng muốn con ở lại làm cho ông ta nữa. Như vậy con thấy ông ta có công bằng không? Và con là người đã trả nợ xong thì con vui mừng rời khỏi

gia đình ông ta thì hạnh phúc biết bao! Vì không còn nợ nần nữa.

Như vậy, con nên tư duy theo luật nhân quả, thì sự thương khóc của con có công bằng không? Khi cháu Thanh Phước đã trả xong nợ nhân quả của cộng đồng gia đình con, cháu ra đi như trong thư con đã thuật lại: **“Cháu rất hiền lành và tốt bụng, thương yêu vợ con hết mực, hiếu thảo với cha mẹ bốn bên, đối với bạn bè cơ quan ai cũng khóc thương.....”** Nhờ những sự tốt bụng này tức là thiện pháp mà cháu Thanh Phước đã trả xong món nợ nhân quả quá nhanh, vì thế cháu ra đi lúc đầu còn xanh tóc, vừa mới 45 tuổi.

Nếu cháu Thanh Phước còn nghe tiếng khóc thương của con và mọi người thì cháu rất buồn, vì cháu đã trả xong nợ, mà cứ kêu gọi đòi nợ cháu hoài, thì cháu rất đau khổ và không hài lòng phải không hở con?

Sao các con lại vô minh đến thế? Người còn sống là còn nợ nhân quả, sao các con không lo trả cho hết? Người trả xong nợ ra đi thì các con phải vui mừng cơ sao lại buồn khóc, thật là đảo điên.

Cuộc đời là một bi hài kịch trên sân khấu nhân quả, có gì là thật đầu mà phải thương khóc, hết đóng vai này đến đóng vai khác và luôn luôn tiếp diễn những trò ảo ảnh đó vô cùng, vô tận. Thế mà, các con tự mình chúc lấy sự khổ đau cho mình mà không biết, đó là vô minh, thiếu sự hiểu biết.

Có một câu chuyện nhân quả mà Thầy được ông thân Thầy kể lại: *“Có một gia đình kia, chỉ sanh ra một cậu con trai duy nhất, cậu rất hiền lành dễ thương, hiếu hạnh chăm học, không bao giờ cãi lời và làm cha mẹ buồn khổ, lớn lên cậu rất cần cù làm ăn khiến cho gia đình giàu có nhất trong vùng. Vì thế cha mẹ thương yêu cậu hơn là vàng bạc châu báu. Nhưng không may cậu lâm bệnh ít hôm rồi chết, để lại sự thương tiếc của cha mẹ vợ con và xóm làng.*

Trong làng có một vị phù thủy rất cao tay ấn thường đánh thiếp cho người xuống địa phủ gặp những người thân mình đã chết.

Vì thương con nên ông cụ đến nhờ Thầy đánh thiếp xuống địa phủ để gặp con. Khi xuống đến địa phủ, ông cụ bước vào

một cái quán bên lề đường hỏi thăm. Người chủ quán cho biết cách đây khoảng hơn hai tháng có một cậu thanh niên ở trên trần gian mới xuống, và bảo ông cụ: «Cụ hãy ngồi ở đây chờ một chút, thế nào cậu trai ấy cũng sẽ cưỡi ngựa đi ngang qua đây, chừng đó cụ sẽ ra nhìn mặt, coi có phải là con trai của cụ không?

Ông cụ nghe lời, ngồi chờ chẳng bao lâu nghe tiếng vó ngựa, cụ ra đón đường, quả đúng là cậu con trai, con của cụ. Mừng quá cụ vừa khóc, vừa níu tay con và vừa nói: **“Sao con bỏ bố mẹ, trong khi bố mẹ thương con hết mực.....”** Ông cụ vừa nói đến đó thì cậu con trai thét lên: **“Ai là con cái nhà ông, chúng tôi đã mắc nợ ông, làm trả nợ cho ông xong thì chúng tôi có quyền đi, có sao ông cứ theo đòi nợ hoài”**. Nói xong cậu con trai quất ngựa chạy đi, chẳng hề đoái hoài đến ông cụ. Ông cụ sống sờ nhìn theo bóng cậu con trai mà bao lòng thương của cụ đều buông xuống sạch. Câu chuyện trên đây con nên suy ngẫm, để thấu suốt lý nhân quả, nhờ đó con mới chuyển được và tâm hồn mới thanh thản an lạc và vô sự.”

Cháu Thanh Phước ra đi là nhắc nhở cho con thấy: ***“Đời là vô thường, là khổ đau và cuối cùng là không có gì cả”***. Chính con là người vay nợ nhân quả rất nhiều, do đó con là người chịu khổ đau nhiều nhất trong cộng đồng gia đình này. Nếu con không gặp chánh pháp của Phật thì giờ này con sẽ trở thành người điên mất.

Khi đọc xong bức thư này con hãy tự duy suy nghĩ để tự cứu mình ra khỏi sự vô minh ngu dại của mình đã tự dày vò, đã tự làm khổ đau cho mình mà cứ mãi làm khổ đau không dứt, đó là một điều thiếu đạo đức nhân bản làm người đối với mình con ạ!

Hãy đứng lên, tự thấp đức đạo đức mà đi, đừng để sống trong đêm đen tối mờ mịt mà món nợ nhân quả chưa biết kiếp nào trả xong.

Thầy có lời thăm và chúc con quán xét xả tâm tốt để có một bầu trời thanh thản, an lạc và vô sự.

Kính thư

Thầy của con

---->>❖<<----

HẾT TẬP III

MỤC LỤC

Lời Nói Đầu	5
Chương I: Huệ An Hối Đạo	19
Pháp Hướng Tâm	19
Chương II: Từ Hạnh Hối Đạo	29
Thú Chơi Hoa Kiểng	29
Chẳng Thương, Chẳng Ghét	33
Cách Thức Gom Tâm	42
Tâm Bung Ra Hoặc Rơi Vào Vô Ký	44
Hôn Trầm Và Lười Biếng	45
Diệt Tầm	47
Chương III: Diệu Tâm Hối Đạo	50
(Tú)	
Hiểu Biết Chỉ Là Một Sự Mới Bắt Đầu	50
Tỉnh Thức Cho Một Điều Kiện	
Buồn Chán	52
Muốn Xả Những Lỗi Lầm	54
Tu Định Vô Lậu Trong Tất Cả	56
Hành Động Và Việc Làm	
Chương IV: Từ Đức Hối Đạo	58
Có Sự Điều Khiển Trong Hơi Thở	58
Là Chưa Nhập Định	

Trưởng Lão THÍCH THÔNG LẠC	2001
Trạng Thái An Ổn	59
Không Có Liên Tục.	
Có Trạng Thái An Ổn Rồi	61
Mới Nhập Định	
Ngồi Thiền Lưng Đau,	64
Nhức Và Chân Tê Cứng.	
Lưng Thụng	66
Ngồi Thiền Bị Kiến Bò	68
Sự Tĩnh Thức Tự Nhiên Là Định	69
Hạnh Độc Cư	71
Hơi Thở Thiền Định	73
Làm Say Mê Quên Hương Tâm	74
Có Mất Tĩnh Thức Không?	
Một Người Chứng Tứ Thiền,	75
Đắc Tam Minh Có Khi Nào	
Chết Bất Ngờ Không?	
Con Cái Là Nhờ Đức Cha Mẹ	77
Chương V: Diệu Tĩnh Hối Đạo	80
Lỡ Tay Làm Chúng Sanh Chết	80
Thì Phải Làm Sao?	
Chương VI: Diệu Tâm Hối Đạo	86
(Tiếp Theo)	
Bằng Cách Nào Kiếp Sau Gặp	86
Được Chánh Phật Pháp	

Đường Về Xứ Phật	Tập III
Nhập Tam Thiên Có	88
Hết Lậu Hoặc Chưa?	
Người Giảng Thiền Thâm Sâu	90
Có Phải Vượt Qua Năm Ấm Chưa?	
Tam Minh	92
Tâm Tứ	98
Bồ Tát Quan Âm Do Tưởng	108
Sao Có Sự Linh Thiêng?	
Có Cõi Trời Không?	112
Chương VII: Từ Tuệ Hỏi Đạo	116
Chánh Kiến	116
Sau Khi Nhập Diệt Chư Phật	119
Còn Trở Lại Thế Gian Nữa Không?	
Khi Nhập Diệt Đức Phật	123
Đã Trở Thành Sóng Ánh Sáng?	
Có Phải Phật Là Trí Tuệ	125
Của Một Vị Minh Sư Không?	
Ánh Sáng Trí Tuệ	126
Diệt Ngã	129
Thiếu Dục Tri Túc	132
Tĩnh Giác	134
Thế Giới Siêu Hình	137
Tu Tập Có Đối Tượng	143

Trưởng Lão THÍCH THÔNG LẠC	2001
Chương VIII: Hải Tâm Hối Đạo	147
(Tiếp Theo)	
Xả Sạch	147
Tâm Như Đất	151
Độc Cư	154
Chương IX: Liễu Thiện Hối Đạo	157
Về Kết Quả Bản Thân	157
Trai Hay Là Chay	161
Ức Chế Tâm	164
Kinh Năm Ba	166
Phương Pháp Tu Tập Cho Người Già	168
Tu Tập Giới Chưa Đủ	169
Chương X: Đào Thị Vinh Hối Đạo	171
Duyên Nhân Quả	171
Hồn Về Nhập Cô Đồng	173
Xin Quê	176
Nhà Ngoại Cảm	181
Sự Lừa Đảo Của Đồng Cốt	
Tướng Lược	183
Thần Giao Cách Cảm	187
Tướng Ấm	189
Thấy Ma	191
Năng Lực Của Tướng	192
Câu Chuyện Liêu Trai	195

Chương XI: Liễu Thiện Hối Đạo	197
Sống Là Tu	197
Con Người Từ Đâu Sanh?	200
Tưởng Tri Và Thật Tri	204
Phạm Hạnh	206
Bài Viết Của G.s.Trần Phương	209
Thế Giới Siêu Hình Không Có	
Gọi Hồn	232
Mò Tìm Trong Bí Ẩn	263
Những Thông Tin Đáng Tin Cậy	
Khám Phá Sự Bí Ẩn	274
Thay Lời Kết Luận	278
Nơi Xuất Phát Thế Giới Siêu Hình	279
Linh Hồn Là Do Tưởng Tri	286
Của Con Người Còn Sống	
Khám Phá Sự Bí Ẩn Của Anh Nhã	291
Khám Phá Sự Bí Ẩn	296
Về Cháu Bích Hằng	
Trả Lời Thư Liễu Tâm	311
Tử Biệt Sanh Ly Là Một Sự Đau Khổ	
Của Kiếp Người	



SÁCH CỦA TU VIỆN CHÂN NHƯ ĐÃ IN

1. 10 tập Đường Về Xứ Phật.
2. 2 tập Giáo án tu tập cho người cư sĩ vì chánh Phật Pháp.
3. 2 tập Giới Đức làm Người.
4. Cẩm nang tu Phật
5. Thiên căn bản
6. Những lời Phật dạy
7. Thời khóa tu tập trong thời Đức Phật
8. Hành Thập Thiện
9. Thọ Bát Quan Trai
10. Tâm Nguyện.

NHỮNG SÁCH

SẼ IN CỦA TU VIỆN CHÂN NHƯ

1. 2 tập Giới Đức Làm Thánh
2. Những Lời Phật Dạy tập 2
3. Đạo Đức Làm Người tập 1

----><❖<>----